SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2026 và Quyết định số 75/QĐ-QLGS4 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số ...../SGD.....-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ..... tháng ..... năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp từ ngày: ..... tháng ..... năm 2026 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Trụ sở chính: Số 77, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3942 3388 Fax: (024) 3941 0844

Website: www.shb.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 3818 1888 Fax: (84 24) 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ngô Thu Hà Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (024) 3942 3388 Fax: (024) 3941 0844

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2026 và Quyết định số 75/QĐ-QLGS4 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Trái Phiếu: Trái phiếu SHB phát hành ra công chúng năm 2026 (SHB7Y202601) ("**Trái Phiếu**")

Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Mã Trái Phiếu: SHBC12601

Mệnh giá: 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu)

Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký niêm yết: 20.807.600 Trái Phiếu (Hai mươi triệu tám trăm linh bảy nghìn sáu trăm Trái Phiếu)

Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá: 2.080.760.000.000 VND (Hai nghìn không trăm tám mươi tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng)

Lãi suất: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,3%/năm (Ba phẩy ba phần trăm một năm)

Lãi Suất Tham Chiếu được định nghĩa tại Điều 10.1, Mục VI của Bản Cáo Bạch này.

Kỳ hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm

Ngày phát hành: 18/08/2026

Ngày đáo hạn: 18/08/2033

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 7105 0000 Fax: (84 24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Địa chỉ: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84 24) 3818 1888 Fax: (84 24) 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM: Không có

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 4

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 4

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 14

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 17

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 17

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 20

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 22

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 24

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 39

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 42

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 51

8. Hoạt động kinh doanh 56

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên 87

10. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ và Kế toán trưởng 87

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tiếp liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại 118

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết... 118

13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 120

14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 120

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 120

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 120

2. Tình hình tài chính 129

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 138

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 139

VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 142

1. Tên Trái Phiếu 142

2. Loại Trái Phiếu 142

3. Mệnh giá 142

4. Tổng số Trái Phiếu đăng ký niêm yết 142

5. Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá 142

6. Kỳ hạn Trái Phiếu 142

7. Ngày phát hành Trái Phiếu 142

8. Ngày đáo hạn Trái Phiếu 142

9. Mục đích phát hành Trái Phiếu 143

10. Lãi Trái Phiếu 143

11. Kỳ hạn trả Lãi, kỳ hạn trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc cho Trái Phiếu 147

12. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động 148

13. Xếp hạng tín nhiệm 148

14. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu 148

15. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 150

16. Hoàn trả, Mua lại trước hạn và Hủy bỏ Trái Phiếu 153

17. Phương pháp tính giá 154

18. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn 158

19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết 160

20. Cam kết về bảo đảm 161

21. Thông tin về các cam kết 161

22. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 162

23. Các loại thuế có liên quan 162

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 163

VIII. PHỤ LỤC 165

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ông Đỗ Quang Hiển	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thu Hà	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Vân	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch niêm yết Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (“**Bản Cáo Bạch**”) này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Linh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu số 01/2026/HĐTVTC.HS.SHS/SHB ngày 04 tháng 05 năm 2026 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư (nếu có theo quy định của pháp luật) và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà Đầu Tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu. Những vấn đề khác và những rủi ro khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện chưa biết đến hoặc cho là không quan trọng và không được trình bày trong Bản Cáo Bạch cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2025, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 8,02%, cho thấy sự tăng trưởng tích cực trong bối

cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động và khó khăn. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2025 đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa năm 2025 đạt lần lượt 475,04 tỷ USD (tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước) và 455,01 tỷ USD (tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước). Về tình hình lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2025 tăng 3,31%, nằm trong mức lạm phát mục tiêu của Chính Phủ. Trong 6 tháng đầu năm 2026, GDP và CPI của Việt Nam lần lượt tăng 8,18% và 4,38% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2026, một số rủi ro tiếp tục có khả năng gây ảnh hưởng đến tăng trưởng và ổn định kinh tế Việt Nam cũng như kết quả hoạt động của SHB bao gồm:

- *Các rủi ro khách quan:* (i) Các rủi ro chính trị, biến động kinh tế có tầm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu và thu hút FDI của Việt Nam, bao gồm: xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng trên phạm vi toàn cầu; xung đột chính trị, quân sự tiếp tục tiếp diễn và có xu hướng mở rộng ra nhiều quốc gia/khu vực: Nga - Ukraine, khu vực Trung Đông, một số nước Châu Á và Mỹ Latinh,…; mối lo ngại về tính bền vững tài khóa, đặc biệt là mức nợ công cao tại một số nền kinh tế lớn; và (ii) các hiện tượng/hậu quả của biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, hạn hán, bão lũ gây ảnh hưởng bất lợi trực tiếp đến khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, một trong những khu vực quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam.
- *Các rủi ro từ nội tại nền kinh tế:* (i) rủi ro chất lượng tăng trưởng thấp do nền kinh tế Việt Nam hiện vẫn còn phụ thuộc nhiều vào việc tích lũy các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt là các động lực tăng trưởng từ bên ngoài, thiếu tính bền vững trong khi đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào GDP thấp và chậm được cải thiện; (ii) sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa được cải thiện nhiều, đặc biệt trong bối cảnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, thị trường tài chính phát triển thiếu cân đối, mức độ sẵn sàng về công nghệ và trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp; và (iii) chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa cao, năng suất lao động thấp, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc còn hạn chế, đặc biệt trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

SHB hoạt động trong ngành ngân hàng, là một ngành chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế, đồng thời cũng ảnh hưởng lớn tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác. Bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tuy nhiên, SHB hàng năm đều nghiên cứu, phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô và vi mô để đưa ra các kịch bản hoạt động Ngân hàng tương ứng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh

vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế, hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như SHB.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật Các TCTD số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD;.... Bên cạnh đó, Chính phủ và NHNN đã ban hành một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện và dự kiến sẽ tiếp tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động của TCTD. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có SHB trong thời gian tới sẽ tiếp tục được hoàn thiện, hứa hẹn những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, SHB luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng, chú trọng an toàn pháp lý trong mọi quyết định về kinh doanh. Trong cơ cấu tổ chức bộ máy của SHB, luôn có các bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm đảm bảo SHB tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn: Đánh giá về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật và đề xuất thực hiện sửa đổi, bổ sung; hỗ trợ quá trình xây dựng, rà soát quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; thông báo về thay đổi, sự tác động của các quy định pháp luật liên quan, hỗ trợ/ xử lý vướng mắc về việc tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, SHB luôn sẵn sàng tham vấn ý kiến từ các tổ chức tư vấn độc lập, có uy tín trong nước và quốc tế để đảm bảo an toàn pháp lý, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với SHB.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh gây tác động tới toàn

bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của SHB và đòi hỏi Ngân hàng phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả, SHB đã xây dựng và duy trì hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc: (i) thiết lập môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp, (ii) hoạt động theo quy trình cấp tín dụng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận thực hiện, (iii) nhận diện, đo lường, giám sát rủi ro theo 3 tuyến bảo vệ đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Các quy trình, chính sách, sản phẩm tín dụng trước khi ban hành đều được xem xét, đánh giá bởi 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo kiểm soát, ngăn chặn rủi ro tín dụng có tính hệ thống. Ngoài ra, hệ thống văn bản quản lý rủi ro tín dụng được rà soát, đánh giá định kỳ nhằm điều chỉnh để phù hợp với định hướng kinh doanh, thực tiễn hoạt động của Ngân hàng và các mục tiêu về quản trị rủi ro từng thời kỳ.

3.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- *Rủi ro lãi suất* là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng.
- *Rủi ro ngoại hối* là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ.
- *Rủi ro giá cổ phiếu* là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng.
- *Rủi ro giá hàng hóa* là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

SHB đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thị trường, thiết lập hệ thống hạn mức để quản lý, đồng thời các hạn mức rủi ro thị trường cũng được rà soát tối thiểu định kỳ hàng năm. Công tác đo lường/theo dõi/kiểm soát/báo cáo rủi ro thị trường được thực hiện hàng ngày, đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quyết định của NHNN cũng như quy định nội bộ của SHB và hạn chế tối đa các tổn thất, rủi ro cho SHB.

3.3 Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng ("RRLSSNH"): là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh

lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

Để quản lý rủi ro lãi suất, SHB ban hành và áp dụng hạn mức RRLSSNH phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh, khẩu vị rủi ro cũng như khả năng đo lường, quản lý RRLSSNH của Ngân hàng, bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất và hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần (NII – Net interest income) do thay đổi của lãi suất. SHB đo lường RRLSSNH thông qua các phương pháp và hệ thống các chỉ số như: Gap nhạy cảm với lãi suất, đánh giá tác động của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE), xác định vốn yêu cầu cho RRLSSNH thông qua phương pháp Delta EVE theo hướng dẫn của Basel III.

Cùng với chính sách quản lý rủi ro lãi suất tập trung tại Hội sở chính và sự phối hợp chặt chẽ giữa các Hội đồng/Phòng/Ban/Bộ phận liên quan như Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Ban ALM, Khối Quản trị rủi ro và các khối kinh doanh, công tác quản lý RRLSSNH được thực hiện kịp thời, an toàn hiệu quả, từ đó hạn chế các RRLSSNH mà Ngân hàng có thể phải đối mặt như: rủi ro định giá lại, rủi ro cơ bản ...

3.4 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của ngân hàng làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: do cán bộ nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận); do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng, có lỗi/sự cố hệ thống; do quy định/quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót hoặc không hiệu quả, hoặc do yếu tố bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.).

Để phòng ngừa, hạn chế rủi ro trên, SHB đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật hiện hành và hướng tới các chuẩn mực quốc tế, cụ thể bao gồm:

- *Xây dựng cơ cấu tổ chức QLRRHĐ toàn diện, xuyên suốt:* Quy định thống nhất vai trò trách nhiệm QLRRHĐ từ HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ban Điều hành, Lãnh đạo cấp cao và toàn bộ cán bộ nhân viên SHB, thiết lập Phòng Quản lý rủi ro Hoạt động thuộc Khối Quản trị rủi ro chuyên trách về QLRRHĐ, thiết lập nhân sự, bộ phận phụ trách về QLRRHĐ tại một số Đơn vị tuyến 1.
- *Tăng cường nhận thức văn hóa QLRRHĐ:* Đào tạo QLRRHĐ, an toàn thông tin (ATTT) cho cán bộ tân tuyển và đào tạo hằng năm cho CBNV, đào tạo trực tiếp/ trực tuyến về phòng ngừa RRHĐ theo nghiệp vụ cụ thể; áp dụng đa dạng các hình thức truyền thông khác như bản tin, ấn phẩm ATTT, sổ tay, video clip, tổ chức các chương trình thi đua, …
- *Triển khai các phương pháp QLRRHĐ:* 1) Thu thập phân tích sự kiện RRHĐ, 2) Nhận diện đánh giá RRHĐ và đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát (RCSA), 3) Theo dõi, giám sát chỉ số rủi ro chính (KRIs), 4) Sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ, 5) Phân tích kịch bản (về vốn).

- *Quản lý rủi ro gian lận:* Ban hành quy định về quản lý rủi ro gian lận, Bộ quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp, áp dụng các nguyên tắc phòng ngừa gian lận trong các quy định, quy trình; Truyền thông cảnh báo rủi ro gian lận với CBNV, cảnh báo tới KH các hình thức lừa đảo, tội phạm công nghệ cao qua website, fanpage, app Mobile banking, …; Thiết lập Bộ phận điều tra gian lận và xây dựng cơ chế tố giác gian lận.
- *Quản lý rủi ro công nghệ thông tin (QLRRCNTT):* Hiện tại, Khối CNTT SHB vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế (ITIL), Trung tâm an toàn bảo mật công nghệ thuộc Khối CNTT là đơn vị độc lập có chức năng đảm bảo an toàn, bảo mật; phối hợp Khối QTRR (Đơn vị tuyến 2) quản trị rủi ro CNTT tại SHB. Hệ thống CNTT SHB đã đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế *(tuân thủ ISO 27001 từ 2015, Tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật Thẻ PCI DSS từ 2016, SWIFT CSCF từ 2019, bảo mật giao dịch bằng 3D Secure từ 2016, bảo vệ dữ liệu của ngân hàng và dữ liệu khách hàng bằng DLP từ năm 2018).* SHB đã xây dựng Quy định, quy trình về QLRRCNTT, định kỳ/đột xuất triển khai đánh giá rủi ro cho các hệ thống CNTT trọng yếu, theo dõi và giám sát các rủi ro.
- *Quản trị kinh doanh liên tục (BCM):* SHB đã thiết lập Ban xử lý khủng hoảng (CMT); Xây dựng hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn lập và kiểm thử kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) cho các tình huống bất khả kháng (cháy nổ, bão lũ, dịch bệnh…); hệ thống CNTT bị sự cố; mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng. SHB tổ chức kiểm thử BCP định kỳ hằng năm theo kế hoạch được phê duyệt.
- *Quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài:* SHB đã xây dựng Quy định và Quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro khi triển khai hoạt động thuê ngoài; Thực hiện đánh giá rủi ro khi phát sinh các hoạt động thuê ngoài mới và định kỳ đánh giá với các hợp đồng thuê ngoài tái tục.
- *Bảo hiểm tổn thất RRHĐ:* SHB đã triển khai ký kết 03 Hợp đồng bảo hiểm: Bảo hiểm về gian lận ngân hàng (BBB&ECC), Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (FIPI), bảo hiểm An ninh mạng (Cyber risk) nhằm thiết lập giải pháp chuyển giao/chia sẻ rủi ro cho ngân hàng, giúp hạn chế tổn thất cho SHB khi các sự kiện tổn thất RRHĐ phát sinh.

3.5 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do SHB không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

SHB đã ban hành và áp dụng các chỉ tiêu hạn mức rủi ro thanh khoản như: tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi (LDR – Loan deposit ratio), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, hạn mức dòng tiền ra ròng tối đa. Các hạn mức được đánh giá, rà soát định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ. Công tác đo lường rủi ro thanh khoản được thực hiện thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số rủi ro thanh khoản như: Mô hình hành vi (Behavior), báo cáo Gap MCO (Maximum cumulative outflow), các tỷ lệ thanh khoản, đánh giá khả năng tiếp cận vốn trên thị trường…

Cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các Hội đồng/Phòng/Ban/Bộ phận liên quan trong công tác

quản lý rủi ro thanh khoản như Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Khối Kinh doanh vốn & thị trường tài chính, các khối kinh doanh, Ban ALM và Khối quản trị rủi ro, công tác theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản của SHB được thực hiện an toàn, hiệu quả đảm bảo khả năng chi trả hàng ngày và có dự phòng về nguồn vốn trong trường hợp khủng hoảng.

3.6 Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng.

3.7 Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với việc phát hành thư bảo lãnh, tín dụng thư (L/C) và các cam kết cấp tín dụng khác cho khách hàng. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết, SHB sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Khi đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

4. Rủi ro của phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của SHB. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

5. Rủi ro đối với Trái Phiếu

Trái Phiếu là Nợ Thứ Cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị thanh lý, phá sản, giải thể.

Do đó, trong trường hợp SHB bị thanh lý, phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) của SHB. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và tương lai của SHB. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà SHB có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được SHB mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN để giám sát; và
- SHB được ngừng trả lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của SHB bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của SHB và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm SHB có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Tiền Lãi và các khoản phải trả liên quan tới Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Nhà Đầu Tư cần biết rằng các khoản thanh toán của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải chịu thuế và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không có nghĩa vụ đóng thuế trên các khoản thanh toán đó. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể phải khấu trừ khoản thuế phải nộp trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và nộp các khoản thuế đó cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 (mười hai) tháng trở lên do TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Các Trái Phiếu.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà Đầu Tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm

theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

6. Rủi ro quản trị ngân hàng

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGĐ, HĐQT và các cổ đông của Ngân hàng với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Để giảm thiểu rủi ro, SHB luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Đồng thời, SHB luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng quy mô lớn trong việc công khai, minh bạch và công bố thông tin định kỳ, bất thường về quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.

7. Rủi ro khác

Rủi ro truyền thông, thương hiệu

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về ngân hàng, các sản phẩm tài chính cốt lõi của ngân hàng, các sản phẩm của các công ty con trực thuộc, có thể gây ảnh hưởng đến niềm tin của công chúng, khách hàng và tác động tới nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ của ngân hàng. Những rủi ro về thông tin sai sự thật có thể ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của Ngân hàng, làm suy giảm lòng tin của khách hàng, cổ đông, đối tác, cộng đồng dẫn đến những thiệt hại về tài chính cho Ngân hàng.

Đối với SHB, thương hiệu là một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Công tác quản trị rủi ro thương hiệu là nhiệm vụ trọng tâm của các cán bộ quản lý, đặc biệt là đối với đội ngũ quản trị thương hiệu của SHB. Hội đồng Quản trị đã định hướng, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Khối Marketing và Phát triển thương hiệu có giải pháp, biện pháp giảm thiểu rủi ro thương hiệu thông qua hoạt động kiểm soát quản trị thông tin truyền thông chung của SHB liên quan tới ngành tài chính ngân hàng, các ngành nghề liên quan, có các quy trình về quản trị thương hiệu và cơ chế phối hợp với hệ thống quản trị rủi ro chung. Việc quản trị thông tin thương hiệu cũng được truyền thông và thường xuyên trao đổi với các đơn vị nghiệp vụ, các đơn vị kinh doanh địa bàn, nhằm đảm bảo các thông tin và hình ảnh bất thường, không có lợi cho thương hiệu và vị thế thương hiệu của SHB luôn luôn được báo cáo kịp thời về các bộ phận chuyên trách để có phương án giải quyết ngay theo đúng các quy trình và thời gian quy định. Trong các trường hợp khẩn cấp, ban lãnh đạo luôn nhanh chóng thành lập các Tổ công tác xử lý rủi ro tổng thể, bao gồm xây dựng các tình huống truyền thông để nhanh chóng chủ động công bố thông tin và các giải pháp tức thời để đảm bảo uy tín thương hiệu.

SHB luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với sự quan tâm ngày càng lớn đối với thương hiệu của SHB, SHB

nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, minh bạch và kịp thời. Trong năm 2025, việc công bố thông tin và chủ động trao đổi chia sẻ thông tin với các nhà đầu tư tài chính đã cho thấy sự cải thiện rõ nét trên các kênh truyền thông truyền thống và mạng xã hội.

Việc quản trị chặt chẽ và toàn diện sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu của SHB và hệ thống nhãn hiệu các công ty con tạo một cơ sở pháp lý vững chắc cho SHB trong bất kỳ các tình huống vi phạm nghiêm trọng về hình ảnh thương hiệu của SHB trong thực tế kinh doanh, trong các địa bàn và trên các kênh truyền thông mạng xã hội.

Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố… mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SHB. Nhằm ứng phó với các rủi ro bất khả kháng ở trên, Ngân hàng đã xây dựng các kịch bản chi tiết với từng trường hợp nhằm sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra.

Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của Ngân hàng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SHB.

Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại TCTD được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI.

Bất kỳ khác biệt nào về số tiền của các số thành phần được liệt kê trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này và số tiền tại BCTC của SHB là do việc làm tròn số.

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này về số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và tổng phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng phần trăm có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- **"SHB", "Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết", "Ngân hàng", "Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội":** Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
- **"ĐHĐCĐ":** Đại hội đồng cổ đông
- **"HĐQT":** Hội đồng quản trị
- **"BKS":** Ban kiểm soát
- **"TGĐ"**: Tổng Giám đốc
- **"ATM"**: Máy rút tiền tự động
- **"ALCO"**: Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả
- **"BCTC":** Báo cáo tài chính
- **"CAR":** Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
- **"Các Điều Kiện Trái Phiếu"**: Mục VI – Bản Cáo Bạch này (bao gồm các điều kiện, điều khoản Trái Phiếu được niêm yết)[1].
- **"CBNV":** Cán bộ nhân viên
- **"CCCD":** Căn cước công dân
- **"Công Ty Con"**: Quy định tại Khoản 9 Điều 4 của Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18/01/2024 và trong trường hợp điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ theo quy định của điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó
- **"CNTT":** Công nghệ thông tin
- **"Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại"**: bất kể ngày nào kể từ ngày Trái Phiếu tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành
- **"Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác":** ngày mà Trái Phiếu được mua lại theo thỏa thuận hoặc mua lại khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm
- **"Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành"**: bao gồm Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐQT ngày 14/04/2026 của Hội đồng Quản trị SHB thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu SHB phát hành ra công chúng năm 2026
- **"Nợ Thứ Cấp"**: khoản nợ mà trong trường hợp SHB bị giải quyết theo thủ tục phá sản, giải thể hay thanh lý, chủ nợ chỉ được thanh toán sau các nghĩa vụ của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (các chủ nợ không phải là chủ nợ thứ cấp khác của SHB). Các khoản nợ bao gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả tồn tại hoặc sẽ phát sinh
- "**Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu**": nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu

[1] Bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

***Nguyên tắc diễn giải**

Trong Các Điều Kiện Trái Phiếu:

- Các từ "của Các Điều Kiện Trái Phiếu", "trong Các Điều Kiện Trái Phiếu" và "theo Các Điều Kiện Trái Phiếu" và các từ có nội dung tương tự sẽ đề cập đến toàn bộ Các Điều Kiện Trái Phiếu mà không phải đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- Dẫn chiếu đến Điều Kiện và các đoạn là dẫn chiếu đến Điều Kiện và đoạn của Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- Các tiêu đề của bất kỳ Điều Kiện hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Kiện hay đoạn đó.

- **"CTCP"**: Công ty cổ phần
- **"Điều Lệ":** Điều lệ tổ chức và hoạt động của SHB tại từng thời điểm
- **"Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu"**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- **"ĐVKD":** Đơn vị kinh doanh
- **"GCNĐKDN"**: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- **"Gốc"** hoặc **"Khoản Gốc"**: giá trị tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa thanh toán.
- **"GPHĐ"**: Giấy phép hoạt động
- **"HNX":** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- "**Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Hội Nghị**": cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách triệu tập họp.
- **"Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu"**: Hợp đồng cung cấp dịch đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu giữa SHB và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- **"ISO"**: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- **"KSNB":** Kiểm soát nội bộ
- **"KTNB":** Kiểm toán nội bộ
- **"KHDN":** Khách hàng doanh nghiệp
- **"KHCN"**: Khách hàng cá nhân
- **"Kỳ Tính Lãi"**: mỗi giai đoạn kéo dài kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi liền trước cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng của Kỳ Tính Lãi đó
- tham gia Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hoặc thông qua theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản theo tỷ lệ quy định tại Điều Kiện 15.4 Các Điều Kiện Trái Phiếu
- **"Người Sở Hữu Trái Phiếu"**: tổ chức/cá nhân được xác định là chủ sở hữu hợp pháp của Trái Phiếu đó theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSDC và HNX
- **"PGD":** Phòng piao dịch
- **"TCTD":** Tổ chức tín dụng
- **"Thời Điểm Khóa Sổ"**: thời điểm mà VSDC thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.
- **"Tài Khoản Đăng Ký"**: tài khoản ngân hàng và/hoặc tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.
- **"TMCP":** Thương mại cổ phần
- **"TNHH":** Trách nhiệm hữu hạn
- **"Trái Phiếu đang lưu hành"**: các Trái Phiếu đã được phát hành nhưng chưa được hoàn trả tiền gốc hoặc chưa được SHB mua/mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu
- **"TTS":** Tổng tài sản
- **"USD":** Đồng đô la Mỹ
- **"UBCKNN":** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **"Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật"**: bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại Điều 4 của Luật Ban hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 64/2025/QH15 được Quốc hội thông

- **"LNTT":** Lợi nhuận trước thuế
- **"LNST":** Lợi nhuận sau thuế
- **"L/C"**: Tín tụng thư (Letter of Credit)
- **"MTV"**: Một thành viên
- **"NHNN":** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- **"NHTM":** Ngân hàng thương mại
- **"NIM":** Thu nhập lãi cận biên
- **"NPL":** Tỷ lệ nợ xấu
- **"Ngày Đăng Ký Cuối Cùng"**: Ngày Làm Việc do SHB hoặc VSDC trên cơ sở ủy quyền của SHB ấn định để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền (quyền nhận Gốc, Lãi Trái Phiếu, quyền tham dự Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản, quyền yêu cầu mua lại trước hạn, các quyền khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu) phù hợp với thông báo của SHB, VSDC và quy định của pháp luật
- **"Ngày Làm Việc"**: bất kỳ ngày nào không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật Việt Nam
- **"Ngày Phát Hành"**: ngày 18/08/2026
- **"Ngày Đáo Hạn"**: ngày 18/08/2033
- **"Ngày Thanh Toán Lãi"**: mỗi ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, với điều kiện là (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ là ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, và (ii) Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng sẽ là Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có)
- **"Nghị Định 65"**: Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và hoàn thiện thị trường trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/04/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2022/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và hoàn thiện thị trường trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/04/2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 19/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2022/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và hoàn thiện thị trường trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/02/2025, và trong trường hợp các điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ bao gồm bất kỳ văn bản nào sau đó được định nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật theo các điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó
- **"Văn Kiện Trái Phiếu"**: bất kỳ văn kiện nào, bao gồm (i) Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội; (ii) Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành; (iii) Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; (iv) Hợp đồng đại lý đăng ký; và (v) bất kỳ văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định hoặc có liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận là một Văn Kiện Trái Phiếu; và (vi) bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các điểm từ (i) đến (v) trên đây
- **"VND" hoặc "Đồng":** Đồng Việt Nam - đồng tiền hợp pháp của Việt Nam
- **"VSDC"**: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- **"Việt Nam"**: nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Tên viết tắt: Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank

Mã cổ phiếu: SHB

Sàn niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Logo: SHB

Vốn điều lệ (*): 45.942.000.240.000 VND (*theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2026 ("Giấy Phép 19")*)

(*) Theo thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết số 5052/2026/CV-SHB ngày 02/06/2026 của SHB, tổng số cổ phiếu của SHB là 5.344.200.024 cổ phiếu (gồm 496.186 cổ phiếu quỹ và 5.343.703.838 cổ phiếu có quyền biểu quyết), tương ứng Vốn điều lệ là 53.442.000.240.000 VND. So với Vốn điều lệ tại Giấy Phép 19, Vốn điều lệ của SHB tăng thêm 7.500.000.000.000 VND, cụ thể như sau:

- *Ngày 04/05/2026, SHB đã nhận được văn bản số 3528/UBCK-QLCB ngày 29/04/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 200.000.000 cổ phiếu, tương ứng 2.000.000.000.000 VND.*
- *Ngày 05/06/2026, SHB đã nhận được văn bản số 4950/UBCK-QLCB ngày 03/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 90.629.616 cổ phiếu, tương ứng 906.296.160.000 VND.*
- *Ngày 08/06/2026, SHB đã nhận được văn bản số 5023/UBCK-QLCB ngày 05/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 459.370.384 cổ phiếu, tương ứng 4.593.703.840.000 VND.*

Hiện tại, SHB đang thực hiện các thủ tục liên quan với NHNN để đăng ký sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ mới (53.442.000.240.000 VND).

Trụ sở chính: Số 77, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3942 3388 **Fax:** (024) 3941 0844

Website: www.shb.com.vn

Mã số thuế: 1800278630

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 35 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/07/2024.

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 19/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2026 ("Giấy Phép 19") và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy Phép 19.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu Hà - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành
1.	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2.	Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3.	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; f) Thư tín dụng.
4.	Mở tài khoản thanh khoán cho khách hàng.
5.	Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6.	Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của NHNN.
7.	Vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.
8.	Mua, bán giấy tờ có giá với NHNN.
9.	Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của NHNN.
10.	Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11.	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản thanh toán tại NHNN; b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài

STT	Tên ngành
	khoản; c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
12.	Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
13.	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
14.	Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài: a) Các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do NHNN quy định; b) Các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất.
15.	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của NHNN.
16.	Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của NHNN.
17.	Các hoạt động kinh doanh khác: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản; c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác; d) Dịch vụ môi giới tiền tệ; e) Kinh doanh vàng; f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng; g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động; h) Phát hành trái phiếu; i) Lưu ký chứng khoán; j) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
18.	Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
19.	Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
20.	Mua nợ.
21.	Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau đây: a) Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT);

STT	Tên ngành
	b) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa; c) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP ngày 13/11/1993 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Ngày 30/11/2018, NHNN đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN cho SHB, thay thế cho Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP ngày 13/11/1993. Ngày 13/04/2026, NHNN đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/GP-NHNN cho SHB, thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động số 115/GP-NHNN ngày 30/11/2018.

Ngân hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 35 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/07/2024.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13/11/1993.

Tại ngày 30/06/2026, Ngân hàng có 1 Trụ sở chính, 63 chi nhánh, 230 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước; 3 chi nhánh tại Lào và 5 chi nhánh tại Campuchia. Ngân hàng có 3 công ty con và 1 công ty liên kết. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30/06/2026 là 6.898 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

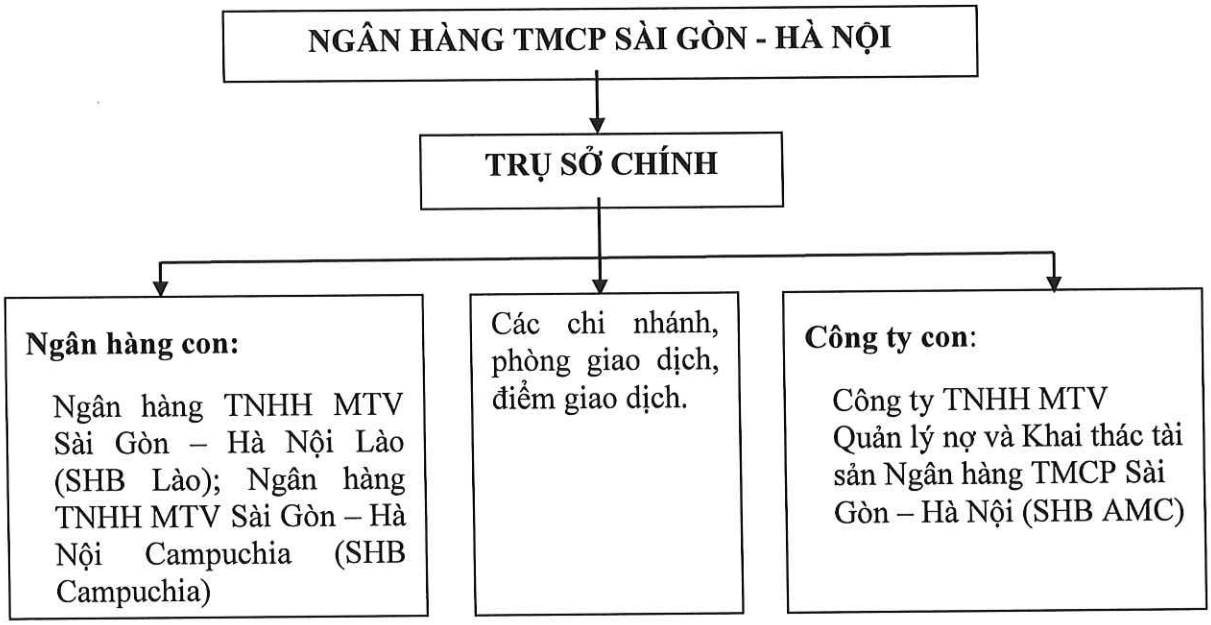
Năm	Thành lập & Phát triển
1993	Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái - tiền thân của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) được thành lập vào ngày 13/11/1993 tại Cần Thơ.
2006	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký Quyết định số 93/QĐ-NHNN về việc chấp thuận cho SHB chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn sang Ngân hàng Thương mại Cổ phần đô thị, từ đó tạo được thuận lợi cho SHB có điều kiện nâng cao năng lực về tài chính, mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đủ sức cạnh tranh và phát triển, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của SHB và đây là Ngân hàng TMCP đô thị đầu tiên có trụ sở chính tại Thành phố Cần Thơ, trung tâm tài chính - tiền tệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cũng trong năm 2006, Ngân hàng chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).
2008	SHB chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra Thủ đô Hà Nội, tại số 77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Năm	Thành lập & Phát triển
2009	SHB là 1 trong 3 ngân hàng đầu tiên chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội.
2010	SHB chính thức triển khai hệ thống CoreBanking mới.
2011	SHB vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng.
2012	SHB thực hiện sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) đồng thời mở chi nhánh nước ngoài tại Campuchia và Lào.
2013	SHB vinh dự đón nhận Huân chương lao động Hạng nhì của Chủ tịch nước trao tặng, ghi nhận những đóng góp của SHB đối với ngành ngân hàng nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung.
2016	SHB chính thức khai trương Ngân hàng con 100% vốn tại Lào và Campuchia. SHB nhận sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF) và thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC), hoàn thiện hệ sinh thái tài chính toàn diện và mở rộng mạng lưới bán lẻ tiêu dùng.
2018	SHB vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng Nhì lần thứ 2 của Chủ tịch nước trao tặng.
2021	SHB chuyển giao dịch cổ phiếu từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Thực hiện chiến lược nâng cao chất lượng vốn tài chính, SHB quyết định ký thỏa thuận thoái 100% vốn tại SHBFinance cho Ngân hàng Krungsri – Thái Lan, thành viên tập đoàn MUFG. Thương vụ đem lại nguồn thặng dư vốn đáng kể cho cổ đông của SHB cũng như nâng cao năng lực tài chính và vị thế của SHB.
2023	Cổ phiếu SHB được lựa chọn vào chỉ số VN30. SHB vinh dự nhận Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng.
2025	SHB được tạp chí Global Finance vinh danh là "Ngân hàng có hoạt động Tài trợ Bền vững tốt nhất Việt Nam" năm thứ ba liên tiếp. SHB được The Banker – ấn phẩm thuộc Financial Times vinh danh là "Ngân hàng của năm 2025". SHB huy động thành công các khoản vay hợp vốn trung hạn bằng USD theo tiêu chí ESG (môi trường – xã hội – quản trị) với tổng quy mô 600 triệu USD. SHB đạt được thành tựu trong hành trình chuyển đổi số toàn diện, lấy khách hàng làm trung tâm, tái định hình mô hình ngân hàng theo hướng linh hoạt và vận hành dựa trên

Năm	Thành lập & Phát triển
	dữ liệu với nhiều sản phẩm như ứng dụng ngân hàng số thế hệ mới SHB SAHA, SHB Corporate; giải pháp thanh toán tích hợp dành cho khách hàng trường học, bệnh viện, đơn vị hành chính sự nghiệp,…
2026	SHB được tạp chí Global Finance vinh danh là "Ngân hàng có hoạt động Tài trợ Bền vững tốt nhất Việt Nam" năm thứ tư liên tiếp. SHB được tạp chí Fortune vinh danh là "Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín năm 2026 và Top 200 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á".

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của SHB



Mô hình tổ chức Ngân hàng SHB bao gồm ngân hàng mẹ và các ngân hàng con, công ty con, các chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch, văn phòng đại diện. Hệ thống mạng lưới kinh doanh và hoạt động của SHB tính đến ngày 30/06/2026 bao gồm:

❖ **Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội**

Địa chỉ: Số 77, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 3942 3388 Fax: (024) 3941 0844

Trụ sở chính của Ngân hàng là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc và Phòng/Ban nghiệp vụ.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

❖ **Ngân hàng con**

- **Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào (SHB Lào)**

Địa chỉ: Tổ 1 đường Lanexang, Bản Hatsadytai, Huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn, Lào.

- **Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia (SHB Campuchia)**

Địa chỉ: Số 107, Đại lộ Norodom, Phường Boeung Reang, Quận Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia.

❖ **Công ty con**

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB AMC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

❖ **Công ty liên kết**

Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB FC)

Địa chỉ: Tầng 6, Gelex Tower, 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 7109 8888 Fax: 024 7107 7688

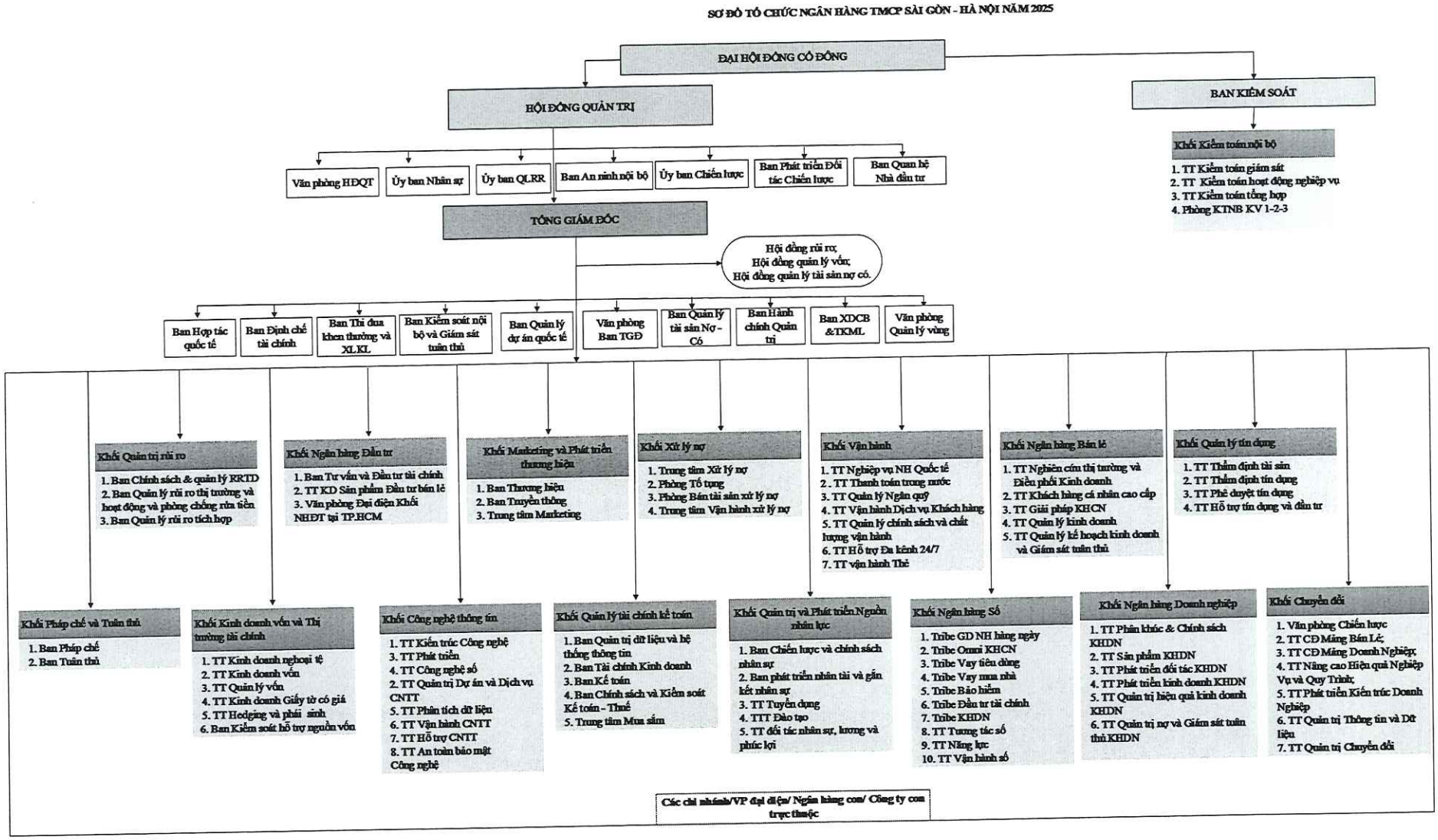
❖ **Các chi nhánh và phòng giao dịch**

Tại ngày 30/06/2026, Ngân hàng có 63 chi nhánh, 230 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước; 3 chi nhánh tại Lào và 5 chi nhánh tại Campuchia.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của SHB



4.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của SHB, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của SHB;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB;
- Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ của SHB và pháp luật có liên quan;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của SHB;
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua BCTC hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của SHB;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.2 Hội Đồng Quản Trị

HĐQT của SHB là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh SHB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của SHB. HĐQT có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ SHB;
- Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SHB;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng HĐQT và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ

phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất;

- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của SHB phù hợp với quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.3 Ban Kiểm Soát

BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành SHB trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ SHB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ SHB;
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành SHB, có quyền sử dụng các nguồn lực của TCTD để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ vủa BKS;
- Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN;
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm và hàng năm của SHB; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định BCTC; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ SHB;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.4 Văn phòng HĐQT và các Ủy ban: Tham mưu và giúp việc cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

4.5 Tổng Giám đốc

HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SHB, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp

với quy định của pháp luật và Điều lệ SHB. Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SHB;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua BCTC; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của BCTC, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của SHB;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo HĐQT;
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của SHB trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của SHB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

4.6 Khối Kinh doanh vốn và Thị trường tài chính

- Tham mưu cho Ban Điều hành thực hiện chính sách quản lý nguồn vốn tập trung, điều hành thanh khoản, lãi suất, tỷ giá, hoạt động kinh doanh tiền tệ, ngoại hối của toàn hệ thống SHB;
- Cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, điều hòa và quản lý khả năng thanh khoản, khả năng chi trả của toàn Ngân hàng;
- Thực hiện giao dịch kinh doanh nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh và đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, kinh doanh và cung ứng các sản phẩm phái sinh lãi suất, phái sinh hàng hóa và tiền tệ;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.7 Khối Ngân hàng Doanh nghiệp

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc, HĐQT về chiến lược, định hướng phát triển khách hàng doanh nghiệp (KHDN) nhằm mục tiêu kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ;
- Nghiên cứu thị trường, thực hiện các phân tích để tư vấn, tham mưu về chiến lược tổng thể cho phân khúc khách hàng mục tiêu của mảng KHDN;
- Nghiên cứu, xây dựng và quản lý hệ thống chính sách, phát triển sản phẩm, dịch vụ dành cho KHDN;

- Quản lý, hỗ trợ, giám sát hiệu quả triển khai chính sách, sản phẩm, dịch vụ dành cho KHDN trên toàn hệ thống;
- Quản trị hiệu quả danh mục KHDN trên toàn hệ thống, giám sát kết quả thực hiện kế hoạch thông qua đánh giá các chỉ tiêu theo khách hàng bao gồm chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính;
- Xây dựng và quản lý các chiến dịch bán hàng triển khai đồng bộ qua các kênh bán để thúc đẩy hoạt động phát triển kinh doanh mảng KHDN;
- Phát triển và quản lý nhân sự kinh doanh bao gồm tất cả các chức danh thuộc mảng KHDN;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.8 Khối Ngân hàng Bán lẻ

- Đối với chức năng tham mưu:

- Tham mưu HĐQT/TGĐ về mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh ngắn, trung và dài hạn của mảng NHBL toàn hệ thống, đảm bảo phù hợp định hướng HĐQT từng thời kỳ;
- Tham mưu HĐQT/TGĐ về phân giao mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho từng Vùng/ ĐVKD đảm bảo hợp lý, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng đơn vị theo địa bàn, thị trường;
- Tham mưu HĐQT/TGĐ về quy định, quy trình, chính sách sản phẩm (bao gồm để phát triển kinh doanh và vận hành, quản trị rủi ro nghiệp vụ), và tổ chức bộ khung/khung chỉ tiêu chuẩn chức danh, khung năng lực… của các chức danh tại Khối và thuộc mảng NHBL tại ĐVKD.

- Đối với chức năng Quản lý, xây dựng chính sách hệ thống liên quan tới hoạt động NHBL và kiểm tra, giám sát công tác triển khai kinh doanh mảng NHBL:
  - Về mục tiêu kế hoạch phát triển kinh doanh bán lẻ: Phân bổ các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh bán lẻ cho Vùng/ ĐVKD trên cơ sở phê duyệt của HĐQT/TGĐ.
  - Về cơ chế, chính sách, quy định, quy trình, sản phẩm, giải pháp phát triển kinh doanh:
    - Xây dựng, ban hành chính sách, sản phẩm, giải pháp phát triển kinh doanh, tiêu chuẩn dịch vụ và trải nghiệm khách hàng, mô hình bán hàng… cho các phân khúc khách hàng để Vùng/ĐVKD điều hành triển khai hoạt động phát triển kinh doanh bán lẻ hiệu quả, phù hợp khách hàng/thị trường/địa bàn;
    - Truyền thông, hướng dẫn, đồng hành, hỗ trợ ĐVKD am hiểu và cung cấp các giải pháp, sản phẩm đến khách hàng đạt được hiệu quả cao nhất;
    - Quản lý, đánh giá hiệu quả, tính phù hợp của giải pháp/sản phẩm để kịp thời điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thị trường/địa bàn và định hướng của SHB;
  - Về công tác phát triển kinh doanh bán lẻ:
    - Xây dựng các chương trình truyền thông về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược của SHB, các định hướng và mục tiêu phát triển mảng NHBL của SHB từng

thời kỳ tới các ĐVKD để đảm bảo đồng nhất và đồng bộ về phương pháp tiếp cận, triển khai công việc của các ĐVKD;

- Tổ chức công tác đào tạo chính sách sản phẩm, quy trình quy định để Vùng/ĐVKD thực thi đúng/hiệu quả;
- Giám sát việc triển khai thực thi các chính sách sản phẩm, quy trình quy định đảm bảo ĐVKD triển khai theo đúng quy định của pháp luật, định hướng chiến lược về bán lẻ, định hướng tín dụng, quy định chính sách, sản phẩm từng thời kỳ; bao gồm việc giám sát Văn phòng quản lý Vùng trong việc ban hành các chính sách/sản phẩm đặc thù tại Vùng (thuộc thẩm quyền của Vùng), giám sát Vùng/ĐVKD trong việc triển khai thực thi các chính sách/sản phẩm do Khối NHBL ban hành;
- Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh mảng NHBL toàn hàng; tham mưu xây dựng cơ chế quản lý, đánh giá hiệu quả – chi phí hoạt động mảng NHBL, đưa ra các đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả – tiết giảm chi phí hoạt động mảng NHBL trên toàn hệ thống;
- Tổ chức điều phối hoạt động giữa các đơn vị thuộc Khối và/hoặc giữa các Khối/ban/trung tâm tại Trụ sở chính/ĐVKD để tối ưu hóa công tác vận hành, phát triển kinh doanh đảm bảo hoạt động kinh doanh bán lẻ thông suốt, đạt được các mục tiêu kinh doanh của SHB.

- Thiết lập và quản lý triển khai các hoạt động quản lý danh mục nợ, nhắc nợ và đảm bảo tuân thủ các quy định quản trị rủi ro của mảng NHBL theo phạm vi phân công từng thời kỳ.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.9 Khối Vận hành

- Đối với chức năng tham mưu:
  - Nghiên cứu, tổng hợp cơ sở pháp lý, mô hình tổ chức, thông lệ ngành và xu hướng phát triển có liên quan hoặc tác động đến hoạt động vận hành của SHB như chủ trương, chính sách và quy định pháp luật của Nhà nước/NHNN; cơ chế, chính sách, quy chế, quy trình, và phương pháp tổ chức vận hành của các tổ chức tài chính/ngân hàng trong và ngoài nước; xu hướng vận hành hiện đại, ứng dụng công nghệ và các mô hình vận hành tiên tiến trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính…;
  - Phân tích và đề xuất chiến lược, chính sách, cơ chế quản lý, mô hình, định hướng vận hành và kế hoạch triển khai phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ngân hàng đảm bảo phù hợp với yêu cầu pháp lý, xu hướng thị trường, mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả vận hành và mục tiêu chung của SHB;
  - Đánh giá, báo cáo hiện trạng hệ thống vận hành và mức độ hiệu quả triển khai chính sách, quy trình, mô hình tổ chức vận hành phi tín dụng trên toàn hệ thống, tổng hợp ý kiến phản hồi của khách hàng và khó khăn, vướng mắc từ các ĐVKD và các Đơn vị tại Trụ sở chính.

- Đối với chức năng tổ chức triển khai cung ứng các dịch vụ vận hành:
  - Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc triển khai hệ thống chính sách và các văn bản khác liên quan đến hoạt động của mảng vận hành phi tín dụng theo quy định của pháp luật, NHNN và SHB;
  - Tham gia cung ứng các dịch vụ vận hành gồm: Ngân quỹ, dịch vụ khách hàng, thanh toán quốc tế, thanh toán trong nước, thẻ, hỗ trợ khách hàng đa kênh 24/7 và quản trị trải nghiệm khách hàng;
  - Xử lý tác nghiệp tập trung các giao dịch thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán trong nước thông qua kênh quầy và kênh số, thẻ;
  - Quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, ấn chỉ quan trọng, hỗ trợ tài sản bảo đảm tại Trụ sở chính; điều hòa tiền mặt, ngoại tệ, vàng trong hệ thống SHB; hỗ trợ các ĐVKD trong việc xử lý các vướng mắc liên quan đến hoạt động ngân quỹ;
  - Giải đáp, tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn về sản phẩm, dịch vụ của SHB với khách hàng/ĐVKD; tiếp nhận và xử lý các phản ánh, khiếu nại của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của SHB; truyền thông, quảng bá, khảo sát các chương trình ưu đãi, khuyến mại… của SHB qua đa kênh như điện thoại, email, SMS, chat online, fanpage,…;
  - Thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, bán hàng (Telesale) và chăm sóc khách hàng thông qua các kênh điện tử và tổng đài/ hotline dịch vụ (điện thoại, email, SMS, chat online, fanpage,…);
  - Quản lý việc ban hành chính sách và cải tiến nâng cao chất lượng vận hành, trải nghiệm khách hàng. Xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ (con người, không gian giao dịch); các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ, thu thập ý kiến khách hàng về trải nghiệm dịch vụ tại SHB;
  - Đánh giá chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng, đề xuất các chương trình đào tạo; đào tạo nghiệp vụ đối với các cá nhân/đơn vị toàn hệ thống tham gia cung ứng các dịch vụ vận hành phi tín dụng gồm: Ngân quỹ, dịch vụ khách hàng, chất lượng dịch vụ, thanh toán quốc tế, thanh toán trong nước, thẻ và hỗ trợ đa kênh 24/7;
  - Xây dựng, quản lý và vận hành các hệ thống nghiệp vụ: dịch vụ khách hàng, thanh toán quốc tế, thanh toán trong nước, thẻ, ngân quỹ, hệ thống tổng đài/hỗ trợ khách hàng và hệ thống quản trị trải nghiệm khách hàng;
  - Thực hiện các nhiệm vụ tối ưu hóa hoạt động vận hành, bao gồm: Nghiên cứu và triển khai lộ trình tự động hóa, số hóa quy trình vận hành; quản lý trải nghiệm khách hàng; quản lý hiệu suất và hiệu quả vận hành;
  - Đầu mối đề xuất, triển khai và quản lý các dự án/sáng kiến hỗ trợ hoạt động vận hành phi tín dụng, đảm bảo an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu trải nghiệm khách hàng.

- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.10 Khối Quản trị và Phát triển Nguồn Nhân lực

- Tham mưu, đề xuất với HĐQT, Ban TGĐ và các đơn vị chức năng trong toàn hệ thống SHB về xây dựng, triển khai, rà soát và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản về quản trị nhân sự, bảo đảm tính phù hợp, nhất quán, đồng bộ, tuân thủ và không chồng chéo, phục vụ mục tiêu phát triển của SHB trong ngắn hạn và dài hạn;
- Tổ chức hướng dẫn, đào tạo, quản lý và giám sát việc thực thi chính sách, chiến lược, quy định và nghiệp vụ nhân sự trong toàn hệ thống SHB; chuẩn hóa, cập nhật và phát triển hệ thống thông tin nhân sự bảo đảm chính xác, ổn định và đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, phục vụ hiệu quả công tác quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB;
- Lập kế hoạch nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo, chế độ đãi ngộ; tổ chức triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động đúng quy định, kịp thời, chất lượng, đảm bảo công bằng, khách quan và phục vụ tốt hoạt động kinh doanh;
- Tham mưu xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách tiền lương, đãi ngộ và phúc lợi toàn hàng, bảo đảm tuân thủ quy định, công bằng, khách quan, tương xứng với năng lực – đóng góp và có tác dụng thu hút, giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;
- Nghiên cứu, phát triển và triển khai các mô hình đào tạo hiệu quả, thúc đẩy liên kết đào tạo với các đối tác phù hợp; xây dựng và duy trì đội ngũ giảng viên nội bộ cùng hệ thống chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh và khuyến khích đổi mới, sáng tạo;
- Phát hiện, phát triển và duy trì đội ngũ nhân sự kế cận có năng lực và tiềm năng tốt, bảo đảm tính chủ động về nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của SHB;
- Tổ chức đánh giá định kỳ, đột xuất chất lượng đội ngũ nhân sự toàn hệ thống, theo địa bàn, đơn vị, lĩnh vực nghiệp vụ, đồng thời đề xuất giải pháp cải thiện nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Phối hợp với Ban Thi đua Khen thưởng và Xử lý kỷ luật trong việc hướng dẫn, tổ chức triển khai và giám sát các hoạt động thi đua – khen thưởng, kỷ luật và giải quyết tranh chấp lao động, bảo đảm đúng quy định, khách quan và công bằng trong toàn hệ thống.
- Tổ chức giám sát việc thực thi chính sách nhân sự, đo lường hiệu quả hoạt động, phân tích dữ liệu để có cơ sở đề xuất cải tiến hoạt động, giúp gia tăng hiệu quả vận hành, tối ưu nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ nhân sự;
- Triển khai, duy trì và truyền thông các giá trị cốt lõi, văn hóa doanh nghiệp thông qua hoạt động quản lý nhân sự và chương trình gắn kết CBNV;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.11 Khối Marketing và Phát triển thương hiệu

- Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc, HĐQT trong việc định hướng chiến lược Marketing, hoạch định kế hoạch quản lý/phát triển thương hiệu và truyền thông trên toàn hệ thống SHB trung và dài hạn;

- Quản lý điều hành, tổ chức triển khai hoạt động Marketing, thương hiệu, truyền thông phù hợp theo từng giai đoạn, đảm bảo bám sát đúng mục tiêu, chiến lược của Ngân hàng.
- Định kỳ/đột xuất tổ chức rà soát/đánh giá thực trạng/tồn tại (điểm mạnh/hạn chế) trong công tác truyền thông, thương hiệu, marketing tại SHB; Nghiên cứu xu thế thị trường trong/ngoài nước, tìm hiểu, học hỏi, so sánh đối thủ cạnh tranh, từ đó đề xuất kế hoạch hành động và các giải pháp triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, bám sát mục tiêu của ngân hàng đã đề ra;
- Đầu mối xây dựng ban hành: chính sách, quy định, quy trình công cụ hướng dẫn, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện ... đối với hoạt động truyền thông, thương hiệu marketing trên toàn hệ thống đảm bảo chặt chẽ, nhất quán và tối ưu hiệu quả;
- Bám sát định hướng chiến lược của ngân hàng, chủ động đề xuất các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm phát triển truyền thông SHB theo hướng đúng, trúng và tiên phong;
- Đo lường, nhận định rủi ro, nhạy bén với các diễn biến của thị trường và xu thế chung, để luôn sẵn sàng kịch bản ứng phó, giảm thiểu rủi ro, tăng cường truyền thông thông tin tích cực về thương hiệu, các thông tin liên quan cổ phần, cổ phiếu;
- Xây dựng đề xuất kế hoạch ngân sách và quản lý việc sử dụng ngân sách các hoạt động marketing, truyền thông, thương hiệu đảm bảo chi phí sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.
- Trực tiếp tổ chức triển khai hoạt động/chương trình truyền thông, thương hiệu, marketing tại Trụ sở chính; Phối hợp, hướng dẫn thực hiện đối với các chương trình truyền thông, thương hiệu, marketing theo đề xuất của Khối/Ban/Trung tâm/ĐVKD;
- Giám sát đảm bảo các hoạt động truyền thông, thương hiệu marketing trên toàn hệ thống có tính thống nhất, nhất quán theo định hướng chung của SHB;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.12 Khối Xử lý nợ (XLN)

- Quản lý danh mục nợ xấu được phân giao cho Khối XLN xử lý, thu hồi nợ; tiếp nhận, đánh giá hồ sơ và phân luồng các khoản nợ xấu nhận từ ĐVKD;
- Trực tiếp xử lý, thu hồi các khoản nợ được phân giao cho Khối XLN xử lý, thu hồi nợ; Đại diện SHB tham gia bảo vệ quyền và lợi ích của SHB trong công tác XLN đối với các khoản nợ được giao trực tiếp cho Khối XLN thu hồi;
- Có giải pháp, phương án xử lý đối với 100% khoản nợ được phân giao cho Khối XLN xử lý, thu hồi nợ;
- Tham gia tích cực trong việc xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất chế tài, giải pháp khắc phục tổn thất liên quan đến các khoản nợ thuộc danh mục nợ Khối XLN đang xử lý, thu hồi nợ. Tổng hợp các vấn đề rủi ro trong hoạt động tín dụng phát hiện được trong quá trình XLN để phối hợp, hỗ trợ các Đơn vị liên quan thực hiện công tác cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro phát sinh trong hệ thống SHB;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy chế, quy định, quy trình, tiêu chí, tiêu chuẩn, mẫu biểu liên quan đến việc xử lý các khoản nợ xấu để hướng dẫn ĐVKD và các Đơn vị trong hệ thống triển khai thực hiện quản lý và xử lý các khoản nợ xấu; phối hợp với các Đơn vị trong hệ thống giữ

tỷ lệ nợ xấu trong mức giới hạn Ngân hàng đặt ra hàng năm và 100% khoản nợ xấu phát sinh có phương án, giải pháp xử lý;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về XLN xấu và tổ chức quản lý hệ thống dữ liệu XLN xấu;
- Giám sát hiệu quả thực hiện những biện pháp, giải pháp XLN do Khối XLN trực tiếp trình/tham gia ý kiến theo đề xuất của Đơn vị trình mà biện pháp/giải pháp đó đã được Cấp có thẩm quyền phê duyệt/chỉ đạo thực hiện;
- Báo cáo thường xuyên, kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác XLN xấu và đề xuất đến Cấp có thẩm quyền các giải pháp/chính sách/chiến lược xử lý nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi nợ;
- Tổ chức đào tạo và hướng dẫn nghiệp vụ xử lý các khoản nợ xấu nhằm hỗ trợ các nhân sự tham gia vào công tác quản lý và XLN có đầy đủ năng lực chuyên môn để đáp ứng mục tiêu quản lý và XLN hiệu quả; tuyên truyền phổ biến các quy định về nghiệp vụ thu hồi nợ xấu của SHB, của pháp luật đến các cá nhân, Đơn vị liên quan trong hệ thống SHB;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.13 Khối Quản trị rủi ro

- Xây dựng và triển khai hệ thống chính sách quản lý rủi ro:
  - Là đầu mối nghiên cứu, xây dựng các chính sách quản lý rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu, các chính sách, quy định phục vụ đánh giá nội bộ mức đủ vốn, các chính sách, quy chế nội bộ về công tác phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.
  - Hướng dẫn triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách, quy định đã ban hành; đảm bảo các chính sách, quy định được thực thi đầy đủ cũng như nhận diện kịp thời các bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp phát sinh trong quá trình áp dụng thực tế.
  - Định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, quy định đã ban hành; thực hiện điều chỉnh, bổ sung nếu cần nhằm đảm bảo hệ thống chính sách phát huy hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu thực tiễn mới.
  - Thẩm định, cho ý kiến đánh giá, kiểm soát rủi ro đối với các chính sách, quy trình, sản phẩm của các đơn vị trên toàn hệ thống.
  - Đào tạo, phổ biến, giải đáp thắc mắc về các cơ chế, chính sách, quy định, quy trình đã ban hành cho các đơn vị, cá nhân liên quan để hiểu và thực thi đúng tại SHB.
- Quản lý, giám sát rủi ro:
  - Thiết lập hệ thống đánh giá, xác định rủi ro trọng yếu. Đối với từng rủi ro trọng yếu, xây dựng, triển khai các phương pháp, mô hình, công cụ, hệ thống đo lường rủi ro.
  - Xây dựng, vận hành và quản lý hệ thống hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro cho từng loại rủi ro trọng yếu; theo dõi, giám sát trạng thái rủi ro nhằm đảm bảo các hoạt động trong hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro được phê duyệt.

- Xây dựng các tiêu chí nhận biết sớm rủi ro nhằm phát hiện nguy cơ vi phạm hạn mức/giới hạn/chỉ số rủi ro; kiến nghị, đề xuất các biện pháp để ngăn chặn và phòng ngừa, khắc phục rủi ro.
- Rà soát, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý các giao dịch đáng ngờ liên quan đến hoạt động phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố nhằm hạn chế rủi ro cho SHB.
- Định kỳ rà soát, đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của các phương pháp, mô hình, công cụ, từ đó đề xuất nâng cấp, sửa đổi, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả của các phương pháp, mô hình, công cụ, hệ thống đo lường rủi ro.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất trang bị, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo để nhận diện, đo lường, theo dõi, kiểm soát các rủi ro phát sinh trong hoạt động ngân hàng.
- Thực hiện các dự án của ngân hàng liên quan nghiệp vụ quản lý rủi ro, công tác phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

- Đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả:
  - Triển khai xây dựng hệ thống báo cáo nội bộ gồm các báo cáo về trạng thái rủi ro, tình hình tuân thủ khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro, các báo cáo khác nhằm mục đích tham mưu, tổng hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ ra quyết định kinh doanh cho Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh.
  - Đầu mối triển khai quy trình đánh giá nội bộ mức đủ vốn, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai đầy đủ các bước đánh giá nội bộ mức đủ vốn theo quy định của SHB, phù hợp với quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
  - Đầu mối triển khai các báo cáo ra bên ngoài liên quan đến công tác quản trị rủi ro, đánh giá nội bộ mức đủ vốn, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước hoặc phục vụ các đối tác, nhà đầu tư của SHB.
  - Triển khai công tác đào tạo & truyền thông về quản lý rủi ro đảm bảo tất cả thành viên trong Ngân hàng nhận thức đầy đủ, nhất quán về tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro (QLRR), nâng cao năng lực QLRR, chủ động nhận diện, kiểm soát rủi ro trong từng hoạt động hằng ngày tại đơn vị mình và hoạt động của Ngân hàng nói chung, hình thành văn hóa QLRR trong toàn hệ thống SHB.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.14 Khối Ngân hàng số

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm và định kỳ của Khối trên cơ sở phù hợp với kế hoạch, định hướng kinh doanh chung của Ngân hàng và chiến lược, lộ trình chuyển đổi số của SHB;
- Lập kế hoạch, xây dựng và đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai số hóa các trải nghiệm dành cho KHCN và KHDN tại SHB;

- Xây dựng năng lực nội bộ về chuyển đổi số (đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng của các nhân sự) thông qua các hoạt động sau:
  - Áp dụng phương thức tiếp cận dựa trên hành trình của khách hàng để thiết kế và mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng;
  - Tối ưu tư duy thiết kế để xây dựng các trải nghiệm khách hàng mới dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc về khách hàng và khởi đầu từ con số 0 (zero–base);
  - Triển khai phương pháp luận Agile để tăng tốc độ đưa ra giao phẩm, từ đó tạo ra giá trị sớm hơn cho SHB và khách hàng;
  - Đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu. Các quyết định của các nhóm triển khai được căn cứ vào kết quả phân tích dữ liệu để tối ưu trải nghiệm khách hàng và hiệu quả kinh doanh.
- Xác định các định vị giá trị khách hàng số, mô hình kinh doanh các sản phẩm dịch vụ số, từ đó triển khai các hoạt động marketing số, kinh doanh số, phát triển đối tác qua kênh số để gia tăng nguồn lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Khối Ngân hàng số;
- Nghiên cứu, đề xuất và xây dựng các quy định, chính sách để xây dựng, triển khai, quản lý các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.15 Khối Công nghệ thông tin (CNTT)

- Tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ mới, sản phẩm của đối thủ cạnh tranh trên thị trường và các xu hướng của ngành Ngân hàng trên thế giới phục vụ công tác tham mưu xây dựng chiến lược và kế hoạch CNTT đáp ứng chiến lược kinh doanh của SHB;
- Xây dựng, cập nhật định kỳ Kiến trúc tổng thể CNTT và thực hiện công tác quản lý, giám sát, rà soát, phê duyệt thiết kế các hệ thống CNTT đảm bảo phù hợp với kiến trúc tổng thể, tuân thủ các nguyên tắc kiến trúc đã được đề ra;
- Tư vấn và thiết kế các giải pháp công nghệ mức tổng quan;
- Xây dựng các tiêu chuẩn kiến trúc công nghệ và định kỳ cập nhật các tiêu chuẩn này;
- Tiếp nhận nhu cầu CNTT, các yêu cầu về ứng dụng CNTT từ các đơn vị nghiệp vụ, thực hiện phân tích sơ bộ nhu cầu này từ đó đề xuất các phương án triển khai phù hợp và hiệu quả;
- Xây dựng, quản lý danh mục các công việc của Khối, theo dõi giám sát tiến độ, định kỳ báo cáo tình hình triển khai công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc;
- Quản lý danh mục dự án CNTT theo chiến lược, lộ trình và nhu cầu kinh doanh, quản trị của Ngân hàng; tổ chức triển khai, quản lý triển khai dự án đảm bảo mục tiêu, phạm vi, tiến độ, chất lượng, nguồn lực, ngân sách và rủi ro của dự án;
- Tổ chức các công tác vận hành các hệ thống CNTT (bao gồm phần cứng và phần mềm), thực hiện giám sát các hệ thống này và xử lý các sự cố CNTT phát sinh;
- Triển khai công tác tối ưu hiệu năng hệ thống, định kỳ thực hiện bảo hành bảo trì hệ thống CNTT;

- Tiếp nhận và xử lý tất cả các yêu cầu hỗ trợ về CNTT của người dùng cuối (bao gồm cả yêu cầu phân quyền truy cập vào các hệ thống);
- Tổ chức công tác giám sát an ninh mạng 24/7, kịp thời phát hiện, phản ứng xử lý sự kiện, sự cố an ninh thông tin;
- Triển khai công tác đánh giá rủi ro CNTT, kịp thời nhận diện, phân tích các rủi ro CNTT tồn tại, đề xuất phương án, theo dõi và đôn đốc xử lý rủi ro CNTT;
- Triển khai công tác đánh giá bảo mật các hệ thống CNTT định kỳ và khi hệ thống có thay đổi, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các điểm yếu bảo mật có thể bị tấn công mạng;
- Triển khai công tác kiểm tra tuân thủ chính sách, quy định, quy trình CNTT; cải tiến liên tục quy định, quy trình CNTT;
- Xây dựng danh mục dịch vụ CNTT, triển khai và duy trì danh mục dịch vụ CNTT;
- Thiết lập các mục tiêu, chỉ tiêu chất lượng cho các dịch vụ CNTT. Thực hiện giám sát, đo lường, đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng dịch vụ CNTT;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.16 Khối Ngân hàng Đầu tư

- Thực hiện hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch và chương trình hành động hàng năm để đảm bảo thực hiện đúng chiến lược kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp do Ban Điều hành giao;
- Hỗ trợ tư vấn nghiệp vụ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho ĐVKD;
- Tham gia quản trị, quản lý doanh nghiệp nhận góp vốn theo đề cử của Ngân hàng;
- Hỗ trợ ĐVKD định giá cổ phiếu để cấp tín dụng cho khách hàng;
- Tham mưu xây dựng các phương án mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp mà SHB tham gia;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.17 Khối Kiểm toán nội bộ

- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong TCTD; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với ĐVKD và đơn vị khác trong hệ thống SHB;
- Xây dựng, rà soát để trình BKS ban hành, sửa đổi, bổ sung Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Kiểm toán viên nội bộ, các quy định nội bộ của BKS về KTNB, kế hoạch KTNB;
- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGĐ SHB và các cá nhân, bộ phận có liên quan;
- Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các Cơ quan chức năng khác đối với KTNB;
- Lập báo cáo về KTNB theo quy định của NHNN;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.18 Khối Chuyển đổi

- Tham mưu cho TGĐ và Ủy Ban Chiến lược trong việc xây dựng và quản lý chiến lược toàn hàng theo định hướng của Ủy Ban Chiến lược và HĐQT;
- Xây dựng, phát triển và tham mưu cho TGĐ và Ủy Ban Chiến lược trong việc:
  - xây dựng và quản lý kiến trúc tổ chức cho ngân hàng;
  - xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu.
- Tham mưu cho TGĐ, Ủy Ban Chiến lược và HĐQT đánh giá tính khả thi và hiệu quả sáng kiến/dự án chuyển đổi mang tính chiến lược;
- Tham mưu, thẩm định và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động, phương án triển khai chi tiết các dự án có tác động thay đổi tích cực, hiệu quả trên phạm vi toàn hệ thống;
- Hỗ trợ và giám sát việc thực hiện chuyển đổi của các Khối nghiệp vụ theo phân luồng theo đúng định hướng của TGĐ/HĐQT;
- Tham mưu, điều chỉnh, cải tiến hệ thống Văn bản lập quy, hệ thống/công cụ quản lý nền tảng khác nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động chung;
- Cập nhật các xu hướng ngành, đảm bảo các thông tin ứng dụng liên tục, sát thực tế, phù hợp với định hướng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Trực tiếp thực hiện các dự án chuyển đổi, có ý kiến tham mưu, phản hồi về các đóng góp chuyển đổi từ các Đơn vị trên phạm vi toàn hệ thống;
- Triển khai và quản lý các dự án chuyển đổi trọng tâm theo chỉ đạo của TGĐ/HĐQT trong thời kỳ;
- Làm việc với đối tác dự án trong trường hợp được lựa chọn tham gia dự án có bên thứ ba và vai trò tư vấn chiến lược hoặc triển khai chuyển đổi ở từng chức năng;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB

4.19 Khối Quản lý tài chính kế toán

- Chức năng kế toán:
  - Thực hiện công tác hạch toán kế toán và hoạt động kế toán cho toàn hệ thống ngân hàng SHB;
  - Kiểm tra và giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tài chính;
  - Phân tích và tổng hợp thông tin, số liệu kế toán, tham mưu và đề xuất các giải pháp phục vụ cho yêu cầu quản trị và quyết định các phương án kinh doanh, quản lý đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.
  - Lập và trình bày báo cáo Tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các chuẩn mực khác được quy định.
- Chức năng kiểm soát kế toán – thuế:
  - Xây dựng, ban hành và củng cố các chính sách liên quan đến kế toán – thuế;

- Thực hiện công tác kiểm soát kế toán – thuế tại Hội sở.
- Thiết lập chính sách, phương thức; thực hiện triển khai, giám sát; và báo cáo kiểm soát rủi ro và tuân thủ kế toán – thuế toàn hàng dựa trên các yếu tố rủi ro và trọng yếu.

- Chức năng quản trị tài chính, quản lý kế hoạch kinh doanh:
  - Xây dựng các chính sách, quy định, quy trình quản trị tài chính nội bộ;
  - Xây dựng và quản lý kế hoạch tài chính, ngân sách, chi phí, thu nhập, nguồn lực toàn hàng hằng năm và dài hạn theo định hướng kinh doanh và chiến lược của ngân hàng.
  - Giám sát các chỉ tiêu, chỉ số tài chính toàn hàng theo tiêu chuẩn và quy định của SHB, theo kế hoạch, định hướng kinh doanh hằng năm và chiến lược ngân hàng;
  - Định hướng, phân bổ, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và kế hoạch kinh doanh của các Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ, Vùng, ĐVKD và Công ty con.
- Các nhiệm vụ để thực hiện chức năng quản trị dữ liệu:
  - Tham mưu xây dựng, điều chỉnh các chính sách, quy định, quy trình quản lý dữ liệu và báo cáo, đảm bảo phù hợp với thông lệ thị trường và quy định pháp luật;
  - Tham mưu các giải pháp khai thác dữ liệu phục vụ lập báo cáo phân tích, hỗ trợ lãnh đạo trong việc ra quyết định kinh doanh và quản trị rủi ro, hỗ trợ cho quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu;
  - Triển khai xây dựng khung quản trị dữ liệu và quản lý kho dữ liệu mô hình.
- Chức năng mua sắm:
  - Lập hồ sơ mời thầu; thực hiện công tác mời thầu, chấm thầu, lựa chọn nhà thầu, đơn vị cung cấp các hạng mục mua sắm đảm bảo tuân thủ quy chế tài chính của SHB.
  - Thực hiện công tác thẩm định mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của TGĐ và HĐQT.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.20 Khối Quản lý tín dụng:

- Tham mưu, giúp việc HĐQT, TGĐ xây dựng chiến lược, mục tiêu kế hoạch quản lý các hoạt động nghiệp vụ tín dụng trên toàn hệ thống;
- Trực tiếp thẩm định tín dụng, phê duyệt cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng vượt quyền của đơn vị kinh doanh;
- Quản lý, giám sát hoạt động nghiệp vụ tín dụng trên toàn hệ thống;
- Xây dựng khung thẩm định và phê duyệt, chuẩn hóa các tiêu chí/tiêu chuẩn so sánh, đánh giá khách hàng đảm bảo đáp ứng quy chuẩn của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh và quản trị rủi ro của SHB trong từng thời kỳ;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.21 Khối Pháp chế và tuân thủ:

- Tham mưu, giúp việc HĐQT, Ban TGĐ về các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản trị, điều hành hoạt động của SHB khi được yêu cầu nhằm mục đích bảo đảm an toàn pháp lý trong hoạt động kinh doanh của SHB;
- Tư vấn và đưa ra giải pháp pháp lý phù hợp nhu cầu hoạt động của các Đơn vị trong hoạt động kinh doanh hoặc khi có các vướng mắc pháp lý phát sinh nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ của SHB được thông suốt, an toàn pháp lý và bảo đảm tối đa quyền lợi của SHB;
- Thực hiện nghiên cứu, cảnh báo các rủi ro pháp lý có thể phát sinh và đưa ra giải pháp phòng ngừa các rủi ro pháp lý này trong quá trình hoạt động quản trị điều hành và kinh doanh của SHB.
- Đánh giá tác động của các văn bản pháp luật mới ban hành có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của SHB và/hoặc hệ thống văn bản của SHB để báo cáo HĐQT, Ban TGĐ, gửi các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống SHB;
- Quản lý toàn bộ hệ thống văn bản tại SHB (bao gồm ban hành, rà soát, chỉnh sửa/bổ sung, quy chuẩn chất lượng văn bản…) đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán trong hoạt động soạn thảo và ban hành văn bản toàn hệ thống, phù hợp với quy định của SHB và pháp luật.
- Định kỳ đánh giá về tính thích hợp, tuân thủ quy định pháp luật của các quy định nội bộ của SHB;
- Báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát các vi phạm nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của SHB, thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của SHB;
- Báo cáo định kỳ/đột xuất cho TGĐ về tình hình tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của SHB;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

4.22 Các chi nhánh, phòng giao dịch:

- Tổ chức hoạt động và phát triển kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan phù hợp với các quy định về quản lý, điều hành của SHB và của pháp luật;
- Xây dựng các chương trình quảng bá hình ảnh thương hiệu trên địa bàn, đầu mối đại diện SHB trong việc xây dựng, phát triển mối quan hệ giữa Ngân hàng với các cơ quan/ban ngành/đối tác/khách hàng trên địa bàn;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của SHB.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

SHB có 03 công ty con như sau:

Bảng 1: Danh sách công ty con của SHB

TT	Tên công ty	Ngày thành lập	Được thành lập theo	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của SHB tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại SHB
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	11/03/2009	GCNĐKDN số 0103811666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/05/2009 và các lần đăng ký thay đổi	Quản lý nợ và khai thác tài sản	31/12/2024	100%	0%
					31/12/2025	100%	0%
					30/06/2026	100%	0%
2	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào	23/03/2015	GCNĐKDN số 554/2018/CV-SHB.LAO do Ngân hàng Trung ương CHDCND Lào cấp ngày 08/07/2015 và các lần đăng ký thay đổi	Tài chính /Ngân hàng	31/12/2024	100%	0%
					31/12/2025	100%	0%
					30/06/2026	100%	0%
3	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia	19/10/2015	GPHĐ số B.35 ngày 31/10/2016 của Ngân hàng Quốc gia Campuchia và Giấy chứng nhận số MOC-6193635 của Bộ Thương mại Campuchia ngày 13/03/2017	Tài chính /Ngân hàng	31/12/2024	100%	0%
					31/12/2025	100%	0%
					30/06/2026	100%	0%

Nguồn: SHB

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

5.5. Thông tin về những công ty liên doanh, liên kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

SHB có 01 công ty liên kết như sau:

Bảng 2: Danh sách công ty liên kết của SHB

TT	Tên công ty	Ngày thành lập	Được thành lập theo	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của SHB tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại SHB
1	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance)	12/12/2016	GCNĐKDN số 0107779290 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/03/2017 và các lần đăng ký thay đổi	Tài chính, tín dụng	31/12/2024	50%	0%
					31/12/2025	50%	0%
					30/06/2026	50%	0%

Nguồn: SHB

Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 25/08/2021 của HĐQT SHB đã thông qua việc SHB chuyển nhượng 100% sở hữu của SHB tại SHB Finance. Việc chuyển nhượng vốn được chia thành 2 giai đoạn, giai đoạn hiện tại SHB đã hoàn thành các thủ tục chuyển 50% vốn điều lệ cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya ("Krungsri") của Thái Lan – thành viên Tập đoàn MUFG (Nhật Bản). Sau 3 năm cùng sở hữu SHB Finance, Ngân hàng sẽ chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại cho Krungsri và Krungsri sẽ trở thành chủ sở hữu duy nhất của SHB Finance. Ngày 25/04/2023, NHNN ban hành Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội số 21/GP-NHNN (thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Tài chính MTV TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội số 71/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2021) với thời gian hoạt động là 50 năm với số vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Ngày 09/06/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107779290, sửa đổi lần thứ 7, ghi nhận danh sách thành viên góp vốn của SHB Finance bao gồm SHB và Krungsri với tỷ lệ 50% vốn góp mỗi bên.

Ngày 04/11/2024, HĐQT SHB đã ban hành Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua bán/chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHBFinance cho Krungsri.

Ngày 09/03/2026, NHNN đã chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý của SHBFinance từ loại hình Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sang Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Việc thay đổi hình thức pháp lý dựa trên cơ sở SHB chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHBFinance cho Krungsri. Đây là bước cuối cùng trong lộ trình chuyển nhượng vốn của SHB tại SHBFinance cho Krungsri.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- Chi tiết quá trình tăng vốn của SHB được trình bày dưới đây:

Bảng 3: Quá trình tăng vốn điều lệ kể từ khi thành lập

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
1	1993			400.000.000	Thành lập	- Giấy phép hoạt động số 0041 NH/GP ngày 13/11/1993 của NHNN. - Giấy ĐKKD 063912 do Trọng tài Kinh tế tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 10/12/1993.
2	1995	600.000.000	600	1.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Giấy ĐKKD số 063912 do Ủy ban Kế hoạch tỉnh Cần Thơ cấp lần thay đổi lần 01 ngày 09/11/1995.
3	1996	2.000.000.000	2.000	3.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 259/CV-NH5 ngày 03/05/1996 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái (tiền thân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội). - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 02 ngày 15/5/1996.
4	1999	2.000.000.000	2.000	5.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 273/CV-NH5 ngày 03/05/1999 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái. - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 03 ngày 27/5/1999.
5	2002	3.500.000.000	3.500	8.500.000.000	Phát hành	- Văn bản số 166/2022.TH ngày 23/08/2002 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái. - Giấy ĐKKD số 063912 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp thay đổi lần 04 ngày 19/9/2002.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
6	2004	3.500.000.000	3.500	12.000.000.000	Phát hành	- Văn bản số 17/NHNN.CTH2 ngày 23/08/2002 của NHNN chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái. - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 7 ngày 23/2/2004.
7	2005	58.329.000.000	583.290	70.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Biên bản ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2005 ngày 04/07/2005. - Văn bản số 52/CTH7 ngày 18/7/2005 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái tăng vốn điều lệ. - Tờ trình số 185/TTr/NHNA-2005 ngày 24/8/2005 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ. - Văn bản số 64/CTH7 ngày 24/08/2005 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 8 ngày 29/8/2005.
8	02/2006	48.000.000.000	480.000	118.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Văn bản số 07/NHNA-2006 ngày 07/02/2006 thông báo kết quả biểu quyết bằng văn bản xin tăng vốn điều lệ. - Văn bản số 11/CTH7 ngày 13/2/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái tăng vốn điều lệ. - Tờ trình số 06/TTr/NHNA-2006 ngày 20/2/2006 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ. - Văn bản số 12/CTH7 ngày 22/02/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 9 ngày 27/02/2006.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
9	03/2006	12.000.000.000	120.000	130.329.000.000	Phát hành riêng lẻ và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- Văn bản số 07/NHNA-2006 ngày 07/02/2006 thông báo kết quả biểu quyết bằng văn bản xin tăng vốn điều lệ. - Văn bản số 11/CTH7 ngày 13/2/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái tăng vốn điều lệ. - Tờ trình số 19/TTr/NHNA-2006 ngày 06/03/2006 của Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhơn Ái về việc xin chuẩn y tăng vốn điều lệ. - Văn bản số 15/CTH7 ngày 07/03/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 10 ngày 15/03/2006.
10	06/2006	171.600.000.000	1.716.000	301.929.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên số 06/ĐHCĐ-2006 ngày 10/3/2006. - Văn bản số 53/CTH7 ngày 14/06/2006 của NHNN về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nhơn Ái tăng vốn điều lệ. - Tờ trình số 029/TTr/HĐQT.2006 ngày 22/06/2006 của Ngân hàng TMCP Nhơn Ái về việc xin chuẩn y vốn điều lệ. - Văn bản số 58/CTH7 ngày 30/06/2006 của NHNN về việc chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 12 ngày 15/09/2006.
11	12/2006	198.071.000.000	1.980.710	500.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên số 06/ĐHCĐ-2006 ngày 10/3/2006. - Văn bản số 100/CTH7 ngày 27/11/2006 của NHNN về việc chấp thuận thay đổi vốn điều lệ. - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 13 ngày 26/12/2006.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
12	2007	1.500.000.000.000	150.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và cán bộ nhân viên	- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/07/2007 của Đại hội đồng cổ đông. - Văn bản số 77/CTH7 ngày 14/08/2007 của NHNN về việc chấp thuận cho SHB thay đổi vốn Điều lệ trong năm tài chính 2007. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 187/UBCK-GCN ngày 08/10/2007 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 5703000085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần 14 ngày 28/12/2007.
13	2010	1.497.519.070.000	149.751.907	3.497.519.070.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và cán bộ nhân viên	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/11/2009. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/07/2010. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2010. - Công văn số 472/QĐ-NHNN ngày 31/03/2010 của Thống đốc NHNN về việc chấp thuận cho SHB được phát hành cổ phiếu. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 578/UBCK-GCN ngày 03/06/2010 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 17 ngày 20/10/2010.
14	2011	1.318.276.400.000	131.827.640	4.815.795.470.000	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/07/2010. - Công văn số 79/NHNN-TTGSNH ngày 06/01/2011 của NHNN. - Giấy chứng nhận chào bán trái phiếu chuyển đổi số 488/UBCK-GCN ngày 31/12/2009 của UBCKNN. - Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi số 80/HĐQT ngày 12/05/2011 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 18 ngày 17/05/2011.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
15	2012	4.050.000.000.000	405.000.000	8.865.795.470.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội để sáp nhập	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/05/2012. - Quyết định số 1559 ngày 07/08/2012 của NHNN về việc chấp thuận giao dịch sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 27/UBCK-GCN ngày 18/7/2012 của UBCKNN. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 166/HĐQT ngày 28/8/2012 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 21 ngày 29/10/2012.
16	2015	620.149.140.000	62.014.914	9.485.944.610.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 5420/NHNN-TTGSNH ngày 17/07/2015 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của SHB. - Công văn số 4650/UBCK-QLPH ngày 24/07/2015 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 24 ngày 03/06/2016.
17	2016	710.946.390.000	71.094.639	10.196.891.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 9609/NHNN-TTGSNH ngày 16/12/2016 của NHNN. - Công văn số 8381/UBCK-QLCB ngày 19/12/2016 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 25 ngày 01/03/2017.
18	2017	1.000.000.000.000	100.000.000	11.196.891.000.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel để sáp nhập	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của ĐHĐCĐ - Quyết định số 2400/QĐ-NHNN ngày 12/12/2016 của NHNN về việc sáp nhập Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu để hoán đổi số 63/GCN-UBCK của UBCKNN cấp. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 25 ngày 01/03/2017.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
19	2018	839.270.100.000	83.927.010	12.036.161.100.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 350/NHNN-TTGSNH.m ngày 26/04/2017 của NHNN. - Công văn số 6353/UBCK-QLCB ngày 22/09/2017 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 26 ngày 16/05/2018.
20	2020	5.473.929.840.000	547.392.984	17.510.090.940.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 9693/NHNN-TTGSNH ngày 11/12/2019 của NHNN. - Công văn số 10184/NHNN-TTGSNH ngày 27/12/2019 của NHNN. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 156/GCN-UBCK ngày 31/12/2019 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 27 ngày 11/3/2021.
21	05/2021	1.750.397.430.000	175.039.743	19.260.488.370.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2020 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 2514/NHNN-TTGSNH ngày 15/04/2021 của NHNN. - Công văn số 1508/UBCK-QLCB ngày 20/04/2021 của UBCKNN chấp thuận hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 28 ngày 09/06/2021.
22	11/2021	7.413.209.620.000	741.320.962	26.673.697.990.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 6662/NHNN-TTGSNH ngày 17/09/2021 của NHNN. - Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 252/GCN-UBCK ngày 02/11/2021 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 31 ngày 12/08/2022.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
23	2022	4.000.133.970.000	400.013.397	30.673.831.960.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 7102/NHNN-TTGSNH ngày 10/10/2022 của NHNN. - Công văn số 7265/UBCK-QLCB ngày 02/11/2022 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 32 ngày 17/01/2023.
25	2023	5.520.149.170.000	552.014.917	36.193.981.130.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2023 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 4629/NHNN-TTGSNH ngày 15/06/2023 của NHNN. - Công văn số 4201/UBCK-QLCB ngày 30/06/2023 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 34 ngày 20/09/2023.
26	2024	435.104.290.000	43.510.429	36.629.085.420.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2023 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 4629/NHNN-TTGSNH ngày 15/06/2023 của NHNN. - Công văn số 9409/UBCK-QLCB ngày 29/12/2023 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 35 ngày 02/07/2024.
27	03/2025	4.028.384.600.000	402.838.460	40.657.470.020.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 10678/NHNN-TTGSNH ngày 30/12/2024 của NHNN. - Công văn số 187/UBCK-QLCB ngày 12/03/2025 của UBCKNN. - Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 08/04/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
28	08/2025	5.284.530.220.000	528.453.022	45.942.000.240.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 6241/NHNN-QLGS ngày 18/07/2025 của NHNN. - Công văn số 5033/UBCK-QLCB ngày 08/09/2025 của UBCKNN. - Quyết định số 3257/QĐ-NHNN ngày 23/09/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.
29	04/2026	2.000.000.000.000	200.000.000	47.942.000.240.000	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 1320/NHNN-QLGS ngày 27/02/2026 của NHNN. - Công văn số 2735/UBCK-QLCB ngày 08/04/2026 của UBCKNN. *(*) SHB đã nhận được văn bản số 3528/UBCK-QLCB ngày 29/04/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 200.000.000 cổ phiếu, tương ứng 2.000.000.000.000 VND. Hiện tại, SHB đang thực hiện các thủ tục liên quan với NHNN để đăng ký sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ mới.*
30	05/2026	906.296.160.000	90.629.616	48.848.296.400.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 1320/NHNN-QLGS ngày 27/02/2026 của NHNN. - Công văn số 2807/UBCK-QLCB ngày 10/04/2026 của UBCKNN. *(*) SHB đã nhận được văn bản số 4950/UBCK-QLCB ngày 03/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 90.629.616 cổ phiếu, tương ứng 906.296.160.000 VND. Hiện tại, SHB đang thực hiện các thủ tục liên quan với NHNN để đăng ký sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập*

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	Số lượng CP phát hành thêm (cổ phiếu)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
						nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ mới.
30	05/2026	4.593.703.840.000	459.370.384	53.442.000.240.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 của ĐHĐCĐ. - Công văn số 1320/NHNN-QLGS ngày 27/02/2026 của NHNN. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 19/03/2026 của UBCKNN. *(*) SHB đã nhận được văn bản số 5023/UBCK-QLCB ngày 05/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 459.370.384 cổ phiếu, tương ứng 4.593.703.840.000 VND. Hiện tại, SHB đang thực hiện các thủ tục liên quan với NHNN để đăng ký sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ mới.*

- Kể từ khi thành lập đến nay, Ngân hàng không có đợt giảm vốn điều lệ nào.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của SHB tại ngày 06/04/2026 (*)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ phiếu quỹ**	**1**	**496.186**	**0,01%**
2	**Trong nước**	**164.125**	**4.444.796.817**	**96,75%**
a	Cá nhân trong nước	163.893	3.783.957.802	82,36%
b	Tổ chức trong nước	232	660.839.015	14,38%
3	**Nước ngoài**	**622**	**148.907.021**	**3,24%**
a	Cá nhân nước ngoài	554	6.644.661	0,14%
b	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	68	142.262.360	3,10%
	Tổng cộng	**164.748**	**4.594.200.024**	**100,00%**

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 06/04/2026 của SHB do VSDC cung cấp

(*) Theo thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết số 5052/2026/CV-SHB ngày 02/06/2026 của SHB, tổng số cổ phiếu của SHB là 5.344.200.024 cổ phiếu (gồm 496.186 cổ phiếu quỹ và 5.343.703.838 cổ phiếu có quyền biểu quyết). Tổng số cổ phiếu của SHB tăng thêm 750.000.000 cổ phiếu so với ngày 06/04/2026, cụ thể như sau:

- *Ngày 04/05/2026, SHB đã nhận được văn bản số 3528/UBCK-QLCB ngày 29/04/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 200.000.000 cổ phiếu.*
- *Ngày 05/06/2026, SHB đã nhận được văn bản số 4950/UBCK-QLCB ngày 03/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 90.629.616 cổ phiếu.*
- *Ngày 08/06/2026, SHB đã nhận được văn bản số 5023/UBCK-QLCB ngày 05/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của SHB. Theo đó, SHB đã thực hiện phân phối 459.370.384 cổ phiếu.*

Hiện tại, SHB đang thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung 750.000.000 cổ phiếu nêu trên. Đồng thời, SHB đang thực hiện các thủ tục liên quan với NHNN để đăng ký sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ mới.

Bảng 5: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của SHB tại ngày 27/05/2026

(Căn cứ theo Danh sách cổ đông ngày 06/04/2026 do VSDC cung cấp và Danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu 03 đợt Chào bán/Phát hành: (i) Chào bán 200.000.000 cổ phiếu riêng lẻ; (ii) Phát hành 90.629.616 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của SHB và (iii) Chào bán thêm 459.370.384 cổ phiếu ra công chúng)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ phiếu quỹ**	**1**	**496.186**	**0,01%**
2	**Trong nước**	**166.656**	**5.122.509.775**	**95,85%**
a	Cá nhân trong nước	166.416	4.221.403.136	78,99%
b	Tổ chức trong nước	240	901.106.639	16,86%
3	**Nước ngoài**	**629**	**221.194.063**	**4,14%**
a	Cá nhân nước ngoài	554	7.102.592	0,13%
b	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	75	214.091.471	4,01%
	Tổng cộng	**167.286**	**5.344.200.024**	**100,00%**

Nguồn: SHB

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

- Ngân hàng không có cổ phiếu ưu đãi

7.3. Các loại chứng khoán khác

7.3.1. Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 31/08/2026: 7.080.760.000.000 VND.
- Đặc điểm: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

7.3.2. Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 31/08/2026: 9.030.000.000.000 VND.
- Đặc điểm: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Bảng 6: Chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/08/2026

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	**Năm 2025**					
Trái phiếu ra công chúng						
1	SHBC7Y202401	2.350.619.000.000	28/02/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
2	SHBC7Y202402	2.649.381.000.000	28/07/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHB12501	3.000.000.000.000	18/06/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
2	SHB12502	1.500.000.000.000	14/07/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
3	SHB12503	800.000.000.000	15/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
4	SHB12504	500.000.000.000	21/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
5	SHB12505	750.000.000.000	25/09/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
6	SHB12506	380.000.000.000	28/10/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
7	SHB12507	600.000.000.000	30/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền,

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
8	SHB12508	500.000.000.000	31/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
II	**Năm 2026**					
Trái phiếu ra công chúng						
1	SHB7Y202601	2.080.760.000.000	18/08/2026	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHBL12601	1.000.000.000.000	27/08/2026	Kết hợp	6	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
Tổng cộng		**16.110.760.000.000**				

Nguồn: SHB

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh chính của ngân hàng là thực hiện các giao dịch huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; Bao thanh toán, dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Đại lý bảo hiểm; Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác…

- **<u>Sản phẩm, dịch vụ dành cho Khách hàng cá nhân:</u>**

- ***Tài khoản thanh toán & các dịch vụ liên quan:***

SHB cung cấp nhiều loại tài khoản thanh toán và đóng gói các sản phẩm dịch vụ thanh toán phù hợp với từng phân khúc khách hàng như:

+ Gói giải pháp thanh toán trọn gói dành cho KHCN cao cấp với các chính sách ưu đãi hấp dẫn;
+ Gói giải pháp thanh toán đẳng cấp vượt trội dành cho các khách hàng duy trì số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) ở mức cao và ổn định, tích hợp nhiều tiện ích thanh toán phù hợp với nhu cầu quản lý tài chính của khách hàng;
+ Gói dịch vụ trọn gói dành cho chủ hộ kinh doanh bao gồm quản lý dòng tiền và loa thanh toán với tính năng bảo mật với nhiều phương thức, giúp khách hàng an tâm, thuận tiện trong giao dịch;
+ Gói tài khoản trả lương với nhiều ưu đãi thanh toán dành cho khách hàng đến từ các đối tác đã ký kết thoả thuận chiến lược với SHB, dựa trên cơ sở thấu hiểu đặc điểm và nhu cầu của khách hàng;
+ Sản phẩm tài khoản số đẹp với quyền lợi cho phép khách hàng lựa chọn toàn bộ dãy số của tài khoản theo nhu cầu cá nhân hoá, kèm theo nhiều ưu đãi giá phí linh hoạt, giúp tăng trải nghiệm và gắn kết khách hàng;
+ Dịch vụ kết nối thanh toán trên Cổng Dịch vụ Công Quốc gia cho các khách hàng có nhu cầu: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; nộp phạt xử lý hành chính; nộp tiền điện; nộp thuế; nộp phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính; nộp xử lý vi phạm hành chính; nộp viện phí và các khoản phí trong thực hiện dịch vụ y tế; nộp học phí và các khoản phí trong dịch vụ giáo dục và đào tạo; nộp án phí….

- ***Sản phẩm tiền gửi:***

SHB cung cấp các sản phẩm tiết kiệm với đặc tính linh hoạt, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng:

+ Tiết kiệm gửi góp: dành cho khách hàng có nhu cầu gửi tiền tại SHB nhằm tích lũy tài chính định kỳ hoặc thường xuyên để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sử dụng vốn trong tương lai;

+ Tiết kiệm lãi suất bậc thang theo số tiền: là sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với lãi suất lũy tiến theo mức tiền gửi. Vì vậy, khách hàng gửi tiền với cùng một kỳ hạn nhưng khoản tiền gửi càng lớn thì lãi suất càng cao;
+ Hợp đồng tiền gửi: kỳ hạn linh hoạt (ngày/tuần/tháng/năm);
+ Tiết kiệm online: sản phẩm đáp ứng nhu cầu gửi tiền mọi lúc mọi nơi với mức lãi suất ưu đãi, tiết kiệm thời gian tối đa cho khách hàng vì không cần chờ đợi giao dịch tại Ngân hàng.

- ***Sản phẩm tín dụng:***

Các sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân của SHB được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng từ sản xuất kinh doanh tới tiêu dùng phục vụ đời sống. Các sản phẩm bao gồm:

+ Cho vay sản xuất kinh doanh;
+ Cho vay mua nhà dự án/nhà dân cư;
+ Cho vay xây dựng, sửa chữa nhà;
+ Cho vay mua ô tô;
+ Cho vay tiêu dùng;
+ Cho vay tái tài trợ các khoản vay tại TCTD khác của khách hàng theo mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh, mua nhà, mua ô tô, tiêu dùng;
+ Cầm cố giấy tờ có giá: sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, kỳ phiếu do các TCTD phát hành.

Theo chiến lược về chuyển đổi số và hiện đại hóa Ngân hàng, SHB đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm tín dụng trên nền tảng số qua ứng dụng SHB Mobile, bao gồm:

+ Sản phẩm vay thấu chi online tín chấp;
+ Sản phẩm vay online cầm cố sổ tiết kiệm.

- ***Sản phẩm, dịch vụ thẻ:***

Ngoài các dòng sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa dành cho nhóm khách hàng vãng lai/khách hàng trả lương, SHB còn cung cấp các sản phẩm thẻ quốc tế bao gồm:

+ Thẻ tín dụng SHB Visa Platinum/SHB Mastercard World: dành cho nhóm khách hàng trung và cao cấp, có hạn mức tín dụng cao với nhu cầu chi tiêu cao với chính sách phí, lãi ưu đãi so với các sản phẩm thẻ cùng loại trên thị trường;
+ Thẻ tín dụng SHB Mastercard Cashback: dành cho nhóm khách hàng có nhu cầu chi tiêu tiêu dùng hàng ngày với chính sách ưu đãi hoàn tiền cho các hoạt động chi tiêu thuộc các lĩnh vực gồm: siêu thị, giáo dục, bảo hiểm, y tế và thời trang;
+ Thẻ tín dụng SHB Mastercard Truly Free: là sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế với nhiều ưu đãi về phí như: miễn phí thường niên trọn đời cho thẻ chính; miễn phí chuyển đổi trả góp trên App SHB & Hotline 24/7 với kỳ hạn 3 tháng; miễn phí phát hành thẻ và ưu đãi khác theo chương trình của SHB từng thời kỳ;

+ Các sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế như thẻ ghi nợ đồng thương hiệu SHB FCB Mastercard, thẻ Visa Debit/Mastercard Debit với thiết kế dọc trẻ trung, hiện đại: phù hợp với các khách hàng trẻ, văn phòng, khách hàng chi lương với mức phí cạnh tranh trên thị trường (phí chuyển đổi ngoại tệ, hoàn tiền,...).

- ***Dịch vụ ngân hàng điện tử:***

SHB phát triển ngân hàng số theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tài chính trong toàn bộ hành trình sử dụng dịch vụ, đồng thời bảo đảm an toàn, bảo mật và tuân thủ quy định pháp luật.

Các nhóm dịch vụ chính trên nền tảng số gồm:

+ **Định danh và quản lý tài khoản:** Mở tài khoản trực tuyến qua eKYC, xác thực sinh trắc học thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia; quản lý và tra cứu thông tin tài khoản, tiền gửi, tiền vay trên Internet Banking và ứng dụng ngân hàng số;

+ **Thanh toán và giao dịch:** Chuyển khoản nội bộ và liên ngân hàng 24/7; thanh toán hóa đơn, QR Pay; nạp tiền, thanh toán dịch vụ; tích hợp thanh toán trên các nền tảng và hệ sinh thái đối tác;

+ **Thẻ và thẻ tín dụng:** Phát hành và phê duyệt thẻ tín dụng trực tuyến; quản lý thẻ trên kênh số (kích hoạt, khóa/mở thẻ, thay đổi hạn mức, trả góp); đẩy mạnh khai thác khách hàng qua các chương trình liên kết và hệ sinh thái tiêu dùng;

+ **Tín dụng số:** Cấp tín dụng trực tuyến đối với thấu chi tín chấp, thẻ tín dụng, vay cầm cố sổ tiết kiệm với quy trình phê duyệt tự động/bán tự động, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao trải nghiệm khách hàng;

+ **Tiết kiệm – đầu tư – bảo hiểm:** Gửi và quản lý tiết kiệm online; triển khai sản phẩm đầu tư chứng chỉ quỹ trên nền tảng số; phân phối và quản lý các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, cung cấp giải pháp tài chính và bảo vệ toàn diện;

+ **Phát triển hệ sinh thái số:** Mở rộng hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực giao thông, y tế, du lịch và các nền tảng công nghệ nhằm tích hợp dịch vụ tài chính vào hệ sinh thái tiêu dùng – dịch vụ công, gia tăng khả năng tiếp cận và khai thác khách hàng trên môi trường số.

- ***Dịch vụ bảo hiểm:***

SHB là đại lý của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và các công ty bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm: Công ty cổ phần tập đoàn bảo hiểm DBV, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Quân đội, Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco) để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ cho khách hàng thông qua các điểm giao dịch/kênh bán tại SHB:

+ *Danh mục các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ:*

  ▪ Các sản phẩm chính: bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (tên của sản phẩm: Vững bước thịnh vượng, Cuộc sống an vui, Cuộc sống thịnh vượng và Đại gia an phúc). Ngoài ra, tùy theo gói sản phẩm do khách hàng lựa chọn sẽ có thêm một số quyền

lợi như: nhận lại giá trị hợp đồng sau thời gian tích lũy, hưởng lãi từ kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung/quỹ liên kết đơn vị, thưởng đồng hành/duy trì hợp đồng…;

- Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (bán kèm sản phẩm chính): gia tăng mức bảo vệ trước rủi ro tai nạn, bệnh hiểm nghèo, nằm viện...

+ *Danh mục sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ:* Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm sức khỏe người vay vốn; Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe cơ giới; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới; Bảo hiểm tai nạn lái phụ xe và người ngồi trên xe nhà; Bảo hiểm nhà tư nhân; Bảo lãnh viện phí;...

- ***Dịch vụ chuyển tiền quốc tế:***

+ Dịch vụ chuyển tiền định cư, thừa kế: cung cấp giải pháp chuyển tiền ra nước ngoài hợp lí, an toàn và thuận tiện;

+ Dịch vụ chuyển tiền du học: giúp khách hàng thanh toán các chi phí cho mục đích du học (đặt cọc, học phí, sinh hoạt phí,…), hỗ trợ du học sinh nhanh chóng ổn định cuộc sống ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển tiền trợ cấp thân nhân: giúp khách hàng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu hỗ trợ cho thân nhân ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển tiền khám chữa bệnh và sinh hoạt phí cho người bệnh ở nước ngoài: giúp khách hàng thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình chữa trị, an tâm dưỡng bệnh ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển các loại phí và lệ phí: giúp khách hàng thanh toán các khoản phí khi sử dụng các dịch vụ ở nước ngoài;

+ Dịch vụ chuyển tiền thăm viếng, du lịch, công tác: giúp khách hàng chi trả các chi phí của chuyến đi, yên tâm suốt hành trình ở nước ngoài.

- ***Gói sản phẩm dịch vụ dành cho đối tượng khách hàng mục tiêu:***

Ngoài các sản phẩm dịch vụ tài chính riêng lẻ, SHB chú trọng xây dựng các gói sản phẩm dịch vụ dành cho các đối tượng khách hàng mục tiêu nhằm may đo sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu cụ thể của từng nhóm khách hàng, bao gồm:

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân cao cấp (khách hàng VIP);

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân duy trì số dư tiền gửi không kỳ hạn cao và ổn định (Đẳng cấp vượt trội);

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng tiểu thương;

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV các doanh nghiệp lớn;

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng là CBNV Kho bạc nhà nước;

+ Gói sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng và CBNV các bệnh viện hợp tác với SHB;

+ Gói sản phẩm dành cho khách hàng là CBNV các Đơn vị Hành chính sự nghiệp;

+ Gói sản phẩm dành cho các khách hàng là CBNV các Đơn vị trả lương qua SHB.

- **<u>Sản phẩm, dịch vụ dành cho Khách hàng doanh nghiệp:</u>**

- ***Tiền gửi và dịch vụ quản lý tài khoản:***

+ Tiền gửi: SHB cung cấp các sản phẩm tiền gửi theo các kỳ hạn linh hoạt và đa dạng phương thức tính lãi (đầu kỳ/cuối kỳ/định kỳ);

+ Dịch vụ quản lý tài khoản:

  - Dịch vụ chi trả lương;
  - Dịch vụ thu ngân sách Nhà nước;
  - Giải pháp thu hộ dành cho trường học, bệnh viện;
  - Dịch vụ thu hộ qua tài khoản định danh Slink;
  - Dịch vụ thu nộp thuế hải quan điện tử 24/7;
  - Dịch vụ ký quỹ hoạt động của doanh nghiệp/đảm bảo thực hiện dự án đầu tư;
  - Dịch vụ nộp thuế hải quan điện tử theo chương trình doanh nghiệp nhờ thu;
  - Dịch vụ thông báo giao dịch tiền gửi/giấy tờ có giá qua thư điện tử Email.

- ***Tín dụng:***

SHB tập trung thiết kế các giải pháp tín dụng nhằm phục vụ nhu cầu của các khách hàng doanh nghiệp theo đặc thù các ngành kinh tế của từng địa bàn/vùng miền. Trong đó, SHB đi sâu vào các giải pháp tổng thể cho toàn bộ hệ sinh thái bao gồm các chuỗi cung cấp/chuỗi phân phối lấy các khách hàng doanh nghiệp lớn làm trọng tâm.

Sản phẩm trọn gói phục vụ các chuỗi cung cấp/chuỗi phân phối của các khách hàng doanh nghiệp lớn	+ Sản phẩm tín dụng dành cho các đối tác đầu ra của khách hàng doanh nghiệp lớn: SHB cấp sẵn một hạn mức tín dụng tín chấp cho khách hàng để chủ động hỗ trợ cho các đối tác đầu ra của mình. Theo đó, các đối tác đầu ra này được SHB cấp tín dụng tín chấp dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đã được thống nhất giữa SHB và khách hàng. + Sản phẩm tài trợ nhà cung cấp: SHB cấp tín dụng cho chuỗi các nhà cung cấp đầu vào, dựa trên khoản phải thu của các khách hàng doanh nghiệp là bên mua hàng đã được lựa chọn.
Sản phẩm tín dụng theo lĩnh vực/ngành nghề kinh tế	+ Tài trợ cho doanh nghiệp xây lắp; + Tài trợ cho doanh nghiệp ngành gạo; + Tài trợ đại lý bán vé của các hãng hàng không.
Sản phẩm tín dụng dành cho phân khúc KHDN nhỏ,	+ Cấp tín dụng nhanh: KHDN có nhu cầu cấp tín dụng ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; + Tài trợ hóa đơn: KHDN có nhu cầu vay vốn thế chấp quyền đòi nợ đã hình thành phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ

siêu nhỏ	trong nước; + Gia tăng hạn mức: KHDN đã được cấp tín dụng có tài sản bảo đảm tại SHB và có nhu cầu gia tăng hạn mức; + Cho vay vốn lưu động trả góp; + Cho vay doanh nghiệp mua ô tô không bao gồm mục đích kinh doanh; + Cho vay doanh nghiệp mua phương tiện vận tải phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, logistic.
Sản phẩm về Bảo lãnh	+ SHB cung cấp đầy đủ các loại bảo lãnh bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh hoàn tạm ứng, bảo lãnh thanh toán với tỷ lệ cạnh tranh và điều kiện phát hành linh hoạt.
Sản phẩm về Tài trợ thương mại	+ Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng theo L/C; + UPAS L/C (L/C trả chậm được phép thanh toán ngay); + Cho vay bảo đảm bằng bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức thư tín dụng, nhờ thu; + Chiết khấu hối phiếu đòi nợ kèm bộ chứng từ xuất khẩu.

- ***Dịch vụ ngân hàng điện tử:***

SHB cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng nhằm mang tới cho khách hàng kênh giao dịch thay thế thuận tiện, dễ dàng và bảo mật, bao gồm:

+ Linh hoạt lựa chọn các cấp nhập – kiểm soát – phê duyệt theo quy mô của doanh nghiệp với phương thức xác thực an toàn cho từng cấp giao dịch;
+ Thanh toán chuyển tiền 24/7 trong và ngoài ngân hàng SHB thuận tiện cho hành trình thanh toán đối tác của doanh nghiệp;
+ Thanh toán lương;
+ Thanh toán hóa đơn (điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cáp...), mua vé máy bay/tàu xe, đặt phòng khách sạn …;
+ Truy vấn, sao kê tài khoản, sao kê sổ phụ trực tuyến;
+ Quản lý dòng tiền, quản lý chuỗi phân phối;
+ Thấu chi, quản lý hạn mức thấu chi tối ưu nguồn vốn của doanh nghiệp;
+ Sẵn sàng kết nối linh hoạt với hệ thống quản trị của doanh nghiệp.

- ***Ngoại hối và giao dịch nguồn vốn:***

+ Giao dịch hối đoái giao ngay: là giao dịch hai bên thực hiện mua/bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và hoàn tất thanh toán trong vòng hai (02) ngày làm việc tiếp theo;
+ Giao dịch hối đoái kỳ hạn: là giao dịch hai bên cam kết sẽ mua/bán một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định trong tương lai;

+ Giao dịch hối đoái hoán đổi: là giao dịch mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch), trong đó thời hạn thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm ký hợp đồng giao dịch.

b. Cơ cấu doanh thu

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu của SHB (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng /giảm	6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	49.481	91,53%	56.053	85,59%	13,28%	36.765	78,97%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.500	2,77%	3.391	5,18%	126,07%	3.913	8,41%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.567	2,90%	902	1,38%	-42,44%	4.906	10,54%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	10	0,02%	5	0,01%	-50,00%	1	0,00%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	121	0,22%	156	0,24%	28,93%	5	0,01%
6	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	41	0,08%	11	0,02%	-73,17%	8	0,02%
7	Thu nhập từ hoạt động khác	1.338	2,48%	4.969	7,59%	271,38%	957	2,06%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	**54.058**	**100,00%**	**65.487**	**100,00%**	**21,14%**	**46.555**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu của SHB (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng /giảm	6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	50.511	91,33%	57.323	85,69%	13,49%	37.305	78,93%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.546	2,80%	3.428	5,12%	121,73%	3.931	8,32%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.745	3,16%	1.037	1,55%	-40,57%	4.979	10,53%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	10	0,02%	5	0,01%	-50,00%	1	0,00%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	121	0,22%	156	0,23%	28,93%	5	0,01%
6	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	0,05%	-26	-0,04%	-186,67%	84	0,18%
7	Thu nhập từ hoạt động khác	1.342	2,43%	4.971	7,43%	270,42%	957	2,02%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	**55.305**	**100,00%**	**66.894**	**100,00%**	**20,95%**	**47.262**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của Ngân hàng. Nguồn vốn huy động của SHB bao gồm:

- Tiền gửi và vay từ Chính Phủ và NHNN;
- Tiền gửi và vay các TCTD khác;
- Tiền gửi của khách hàng;
- Phát hành giấy tờ có giá.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	1.243	0,19%	16.553	2,07%	1.231,70%	15.701	1,84%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	132.373	19,75%	147.489	18,42%	11,42%	157.191	18,44%
Tiền gửi của khách hàng	496.105	74,00%	567.655	70,90%	14,42%	618.884	72,61%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.430	0,21%	15.804	1,97%	1.005,17%	16.734	1,96%
Phát hành giấy tờ có giá	39.248	5,85%	53.097	6,63%	35,29%	43.837	5,14%
Tổng cộng	**670.399**	**100,00%**	**800.598**	**100,00%**	**19,42%**	**852.347**	**100,00%**
II. Phân theo loại tiền							
VND	643.253	95,95%	762.509	95,24%	18,54%	815.846	95,72%
Ngoại tệ	27.146	4,05%	38.089	4,76%	40,31%	36.501	4,28%
Tổng cộng	**670.399**	**100,00%**	**800.598**	**100,00%**	**19,42%**	**852.347**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 10: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	1.243	0,18%	16.553	2,05%	1.231,70%	15.702	1,83%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	134.091	19,84%	148.700	18,44%	10,89%	156.955	18,30%
Tiền gửi của khách hàng	499.897	73,96%	572.150	70,96%	14,45%	624.269	72,80%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.429	0,21%	15.804	1,96%	1.005,95%	16.734	1,95%
Phát hành giấy tờ có giá	39.248	5,81%	53.097	6,59%	35,29%	43.837	5,11%
Tổng cộng	**675.908**	**100,00%**	**806.304**	**100,00%**	**19,29%**	**857.497**	**100,00%**
II. Phân theo loại tiền							
VND	643.206	95,16%	762.460	94,56%	18,54%	815.806	95,14%
Ngoại tệ	32.702	4,84%	43.844	5,44%	34,07%	41.691	4,86%
Tổng cộng	**675.908**	**100,00%**	**806.304**	**100,00%**	**19,29%**	**857.497**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Tổng số dư huy động vốn hợp nhất tại ngày 31/12/2025 của SHB đạt 806.304 tỷ VND, tăng 19,29% so với cuối năm 2024. Cụ thể, nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi và vay các TCTD khác chiếm lần lượt 70,96% và 18,44% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất. Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động là do tính chất tương đối ổn định và lãi suất huy động cạnh tranh, là yếu tố quan trọng để Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động cho vay.

Ngoài ra, giá trị tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN tăng mạnh từ 1.243 tỷ VND tại ngày 31/12/2024 lên 16.553 tại ngày 31/12/2025 (chiếm tỷ trọng 2,05% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất) là do sự gia tăng của khoản vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá trong khi tại cuối năm 2024 không phát sinh. Tương tự, giá trị vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro tại ngày 31/12/2025 đạt 15.804 tỷ VND (chiếm tỷ trọng 1,96% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất), tăng 10,06 lần so với cuối năm 2024 do khoản vốn nhận của các tổ chức, cá nhân khác bằng ngoại tệ tăng mạnh.

Tại thời điểm 30/06/2026, tổng số dư huy động hợp nhất của Ngân hàng đạt 857.497 tỷ VND, tăng 6,35% so với cuối năm 2025. Trong đó, Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt lần lượt 72,80% và 18,30% tổng nguồn vốn huy động.

b) Huy động từ Phát hành giấy tờ có giá

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số dư phát hành giấy tờ có giá (gồm hai loại chính là chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu) hợp nhất đạt 53.097 tỷ VND, tăng 35,29% so với cuối năm 2024 nhờ sự tăng trưởng từ cả hai mảng phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Việc phát hành giấy tờ có giá của SHB không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tại thời điểm 30/06/2026, tổng số dư phát hành giấy tờ có giá hợp nhất đạt 43.837 tỷ VND, giảm 17,44% so với cuối năm 2025, chủ yếu do số dư chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 5 năm trở lên suy giảm.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tại thời điểm 31/12/2025, tiền gửi của khách hàng hợp nhất đạt 572.150 tỷ VND, tăng 14,45% so với cuối năm 2024 và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, đạt 70,96% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của SHB, so với mức 73,96% tại ngày 31/12/2024. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng ổn định là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và hoạt động đầu tư.

Tại thời điểm 30/06/2026, tiền gửi của khách hàng hợp nhất đạt 624.269 tỷ VND, tăng 9,11% so với cuối năm 2025 và đạt 72,80% tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của SHB.

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	**Phân theo khách hàng (%)**	**496.105**	**100,00%**	**567.655**	**100,00%**	**14,42%**	**618.883**	**100,00%**
-	Tổ chức kinh tế	111.080	22,39%	133.247	23,47%	19,96%	145.776	23,55%
-	Cá nhân	349.060	70,36%	394.739	69,54%	13,09%	431.585	69,74%
-	Các đối tượng khác	35.965	7,25%	39.669	6,99%	10,30%	41.522	6,71%
2	**Phân theo kỳ hạn (%)**	**496.105**	**100,00%**	**567.655**	**100,00%**	**14,42%**	**618.883**	**100,00%**
-	Tiền gửi không kỳ hạn	36.072	7,27%	44.573	7,85%	23,57%	47.320	7,65%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	458.168	92,35%	520.656	91,72%	13,64%	569.286	91,99%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	1	0,00%	6	0,00%	500,00%	8	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	1.864	0,38%	2.420	0,43%	29,83%	2.269	0,37%
3	**Phân theo loại tiền (%)**	**496.105**	**100,00%**	**567.655**	**100,00%**	**14,42%**	**618.883**	**100,00%**
-	VND	488.450	98,46%	558.203	98,33%	14,28%	610.068	98,58%
-	Ngoại tệ	7.655	1,54%	9.452	1,67%	23,47%	8.815	1,42%

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	**Phân theo khách hàng (%)**	**499.897**	**100,00%**	**572.150**	**100,00%**	**14,45%**	**624.269**	**100,00%**
-	Tổ chức kinh tế	112.243	22,45%	134.951	23,59%	20,23%	150.411	24,09%
-	Cá nhân	350.284	70,07%	396.105	69,23%	13,08%	431.991	69,20%
-	Các đối tượng khác	37.370	7,48%	41.094	7,18%	9,97%	41.867	6,71%
2	**Phân theo kỳ hạn (%)**	**499.897**	**100,00%**	**572.150**	**100,00%**	**14,45%**	**624.269**	**100,00%**
-	Tiền gửi không kỳ hạn	37.159	7,43%	45.550	7,96%	22,58%	48.493	7,77%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	460.851	92,19%	524.151	91,61%	13,74%	573.480	91,86%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	1	0,00%	6	0,00%	500,00%	9	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	1.886	0,38%	2.443	0,43%	29,53%	2.287	0,37%
3	**Phân theo loại tiền (%)**	**499.897**	**100,00%**	**572.150**	**100,00%**	**14,45%**	**624.269**	**100,00%**
-	VND	488.404	97,70%	558.155	97,55%	14,28%	610.027	97,72%
-	Ngoại tệ	11.493	2,30%	13.995	2,45%	21,77%	14.242	2,28%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

Về loại hình khách hàng, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 69,23% tổng tiền gửi của khách hàng tại ngày 31/12/2025, so với mức 70,07% tổng tiền gửi của khách hàng tại ngày 31/12/2024. Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng chiến lược phát triển của SHB là Ngân hàng bán lẻ trong những năm qua. Tiền gửi của Tổ chức kinh tế và Các đối tượng khác lần lượt chiếm 23,59% và 7,18% tổng tiền gửi của khách hàng tại ngày 31/12/2025. Tại thời điểm 30/06/2026, tiền gửi của Khách hàng cá nhân, Tổ chức kinh tế và Các đối tượng khác lần lượt chiếm 69,20%, 24,09% và 6,71% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn của SHB có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 92,19% tổng tiền gửi của khách hàng tại cuối năm 2024, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tại thời điểm 31/12/2024, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 7,43% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 31/12/2025, tiền gửi có kỳ hạn chiếm 91,61% tổng tiền gửi của khách

hàng trong khi đó tiền gửi không kỳ hạn ở mức 7,96%. Tại thời điểm 30/06/2026, tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ lần lượt chiếm 91,86% và 7,77% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ. Cụ thể, tỷ trọng tiền gửi nội tệ tại thời cuối năm 2024 và 2025 lần lượt ở mức 97,70% và 97,55% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 30/06/2026, tỷ trọng tiền gửi nội tệ ở mức 97,72% tổng tiền gửi của khách hàng.

8.1.3. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng

Với mục tiêu phát triển bền vững, SHB xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn, đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các theo quy định của NHNN.

Bảng 13: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	200.786	39,47%	208.728	34,71%	3,96%	218.678	33,83%
Nợ trung hạn	124.496	24,47%	156.348	26,00%	25,58%	162.622	25,16%
Nợ dài hạn	183.438	36,06%	236.346	39,30%	28,84%	265.123	41,01%
Tổng cộng	**508.720**	**100,00%**	**601.422**	**100,00%**	**18,22%**	**646.423**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	207.297	39,67%	215.455	35,04%	3,94%	225.268	34,15%
Nợ trung hạn	124.734	23,87%	156.576	25,47%	25,53%	162.845	24,69%
Nợ dài hạn	190.526	36,46%	242.831	39,49%	27,45%	271.498	41,16%
Tổng cộng	**522.557**	**100,00%**	**614.862**	**100,00%**	**17,66%**	**659.611**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/12/2025, dư nợ cho vay trung dài hạn hợp nhất của SHB đạt 399.407 tỷ VND, chiếm 64,96% tổng dư nợ cho vay khách hàng và tăng 26,69% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, dư nợ cho vay ngắn hạn hợp nhất tại 31/12/2025 là 215.455 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 35,04%), tăng 3,94% so với thời điểm cuối năm 2024. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được SHB chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 30/06/2026, dư nợ cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn hợp nhất đạt lần lượt 225.268 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 34,15%), 162.845 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 24,69%) và 271.498 tỷ VND (tương đương tỷ trọng 41,16%).

Xét về đối tượng khách hàng:

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, SHB đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho SHB.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, SHB đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục tiên phong trong việc phát triển dòng tín dụng Xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, SHB cũng thiết lập quan hệ với các khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sắp thép, xăng dầu, hàng không và vận tải,...qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu,...từ những lĩnh vực này.

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của SHB. Số dư bảo lãnh hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2025 đạt 28.259 tỷ VND, tăng 57,37% so với cuối năm 2024, do sự gia tăng của cả hoạt động bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh khác. Tại thời điểm 30/06/2026, số dư bảo lãnh hợp nhất của SHB đạt 34.852 tỷ VND, tăng 23,33 % so với cuối năm 2025.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, SHB đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của SHB. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2025 ở mức 2,37% tổng dư nợ cho vay khách hàng, so với mức 2,88% tại thời điểm 31/12/2024. Tại thời điểm 30/06/2026, tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của SHB ở mức 2,18% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 15: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	490.634	96,44%	584.401	97,17%	19,11%	628.788	97,27%
Nợ cần chú ý	4.476	0,88%	3.719	0,62%	-16,91%	4.782	0,74%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.092	0,21%	1.752	0,29%	60,44%	2.002	0,31%
Nợ nghi ngờ	1.938	0,38%	4.280	0,71%	120,85%	4.049	0,63%
Nợ có khả năng mất vốn	10.580	2,08%	7.270	1,21%	-31,29%	6.803	1,05%
Tổng cộng	**508.720**	**100,00%**	**601.422**	**100,00%**	**18,22%**	**646.424**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 16: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	502.112	96,09%	596.168	96,96%	18,73%	640.112	97,04%
Nợ cần chú ý	5.380	1,03%	4.117	0,67%	-23,48%	5.124	0,78%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.969	0,38%	1.777	0,29%	-9,75%	2.206	0,33%
Nợ nghi ngờ	2.053	0,39%	4.324	0,70%	110,62%	4.115	0,62%
Nợ có khả năng mất vốn	11.043	2,11%	8.476	1,38%	-23,25%	8.054	1,22%
Tổng cộng	**522.557**	**100,00%**	**614.862**	**100,00%**	**17,66%**	**659.611**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được SHB nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 17: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2024	4.449	3.730	**8.179**
31/12/2025	4.878	4.456	**9.334**
30/06/2026	5.010	4.797	**9.807**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 18: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2024	4.985	3.831	**8.816**
31/12/2025	5.939	4.559	**10.498**
30/06/2026	6.161	4.897	**11.058**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Từ ngày 01/07/2024, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31 quy định về phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) theo số liệu hợp nhất của SHB tại thời điểm 31/12/2025 là 12,6%, so với mức 11,8% tại thời điểm 31/12/2024. Tại thời điểm 30/06/2026, tỷ lệ CAR hợp nhất của SHB là 11,8%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 19: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tỷ lệ an toàn vốn – riêng lẻ	11,5%	12,3%	11,5%
Tỷ lệ an toàn vốn – hợp nhất	11,8%	12,6%	11,8%

Nguồn: SHB, tỷ lệ tính theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 ("Thông Tư 41")

SHB hiện đang triển khai áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao IRB (Internal Ratings-Based) và đang trong lộ trình hoàn thiện toàn bộ khung quản trị rủi ro tiên tiến với mục tiêu năm

2027 đáp ứng toàn bộ yêu cầu của Basel II-IRB, phù hợp với định hướng của NHNN về nâng cao năng lực quản trị rủi ro hệ thống của TCTD.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của SHB bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD,... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng.

Bảng 20: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.567	902	-42,44%	4.906
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.481	645	-56,45%	4.730
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**86**	**257**	**198,84%**	**176**

Nguồn: SHB

Bảng 21: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.745	1.037	-40,57%	4.979
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.659	779	-53,04%	4.799
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**86**	**258**	**200,00%**	**180**

Nguồn: SHB

Trong năm 2025, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất của SHB đạt 258 tỷ VND, gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể:

- Lãi thuần từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay đạt 179 tỷ VND, chiếm tỷ trọng 69,38% lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và tăng trưởng 52,99% so với cùng kỳ năm 2024.
- Lãi thuần từ công cụ tài chính phái sinh tiền tệ đạt 79 tỷ VND (so với cùng kỳ năm 2024 là -31 tỷ VND), chiếm tỷ trọng 30,62% lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất đạt 180 tỷ VND.

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp SHB tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy nhanh

tốc độ thanh toán, đảm bảo an toàn và chính xác nguồn vốn cho khách hàng. Bên cạnh đó, SHB đã và đang đa dạng kênh thanh toán, phát triển nhiều dịch vụ nhận chuyển tiền trong nước khác và được khách hàng đánh giá cao.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại là một trong những dịch vụ có tốc độ phát triển nhanh. Đây là dịch vụ an toàn, chính xác, với chất lượng dịch vụ cao. Nhờ vậy, SHB nhiều năm liền được vinh dự nhận các giải thưởng tầm cỡ quốc tế như giải thưởng "Ngân hàng có chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc" do ngân hàng Bank of New York Mellon (Mỹ) và Wells Fargo Bank trao tặng, giải thưởng "Ngân hàng Tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam" do tạp chí Finance Asia Magazine và tạp chí Global Finance Magazine bình chọn, ngày càng khẳng định được uy tín và vị thế trong và ngoài nước.

8.1.5. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Bảng 22: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán (gồm cả chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư)	**37.716**	**91,06%**	**28.335**	**88,44%**	**-24,87%**	**35.931**	**90,66%**
Chứng khoán Chính phủ	21.892	52,86%	17.217	53,74%	-21,35%	17.132	43,23%
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.761	4,25%	6.413	20,02%	264,17%	14.101	35,58%
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	14.034	33,88%	4.676	14,60%	-66,68%	4.669	11,78%
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	29	0,07%	29	0,09%	0,00%	29	0,07%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	**3.702**	**8,94%**	**3.702**	**11,56%**	**0,00%**	**3.702**	**9,34%**
Tổng cộng	**41.418**	**100,00%**	**32.037**	**100,00%**	**-22,65%**	**39.633**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 23: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán (gồm cả chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư)	**37.720**	**98,62%**	**28.335**	**98,26%**	**-24,88%**	**35.931**	**98,40%**
Chứng khoán Chính phủ	21.892	57,24%	17.217	59,71%	-21,35%	17.132	46,92%
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.761	4,60%	6.413	22,24%	264,17%	14.101	38,62%
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	14.034	36,69%	4.676	16,22%	-66,68%	4.669	12,79%
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	33	0,09%	29	0,10%	-12,12%	29	0,08%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	**528**	**1,38%**	**501**	**1,74%**	**-5,11%**	**585**	**1,60%**
Tổng cộng	**38.248**	**100,00%**	**28.836**	**100,00%**	**-24,61%**	**36.516**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất (gồm cả chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư) đạt 28.335 tỷ VND tại ngày 31/12/2025, so với mức 37.720 tỷ VND tại ngày 31/12/2024, chủ yếu đến từ việc SHB giảm các khoản đầu tư vào chứng khoán Chính phủ và chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế (TCKT) trong nước phát hành. Tại thời điểm 30/06/2026, tổng giá trị đầu tư chứng khoán hợp nhất đạt 35.931 tỷ VND, tăng 26,81% so với cuối năm 2025, chủ yếu do SHB gia tăng đầu tư vào chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành.

Về cơ cấu đầu tư chứng khoán hợp nhất, chứng khoán Chính phủ có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 59,71% tổng giá trị đầu tư chứng khoán tại ngày 31/12/2025. Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành và chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành lần lượt đứng thứ hai và thứ ba, chiếm lần lượt 22,24% và 16,22% tổng giá trị đầu tư chứng khoán tại ngày 31/12/2025. Tại thời điểm 30/06/2026, chứng khoán Chính phủ, chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành và chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành lần lượt chiếm 46,92%, 38,62% và 12,79% tổng giá trị đầu tư chứng khoán.

b) Hoạt động kinh doanh thẻ

Với mục tiêu chiến lược đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng, Ngân hàng số được yêu thích nhất, Ngân hàng SHB luôn nỗ lực, đầu tư vào công nghệ, sản phẩm và nguồn nhân lực để trở thành một trong các ngân hàng có công nghệ hiện đại nhất tại Việt Nam.

Cùng với sự phát triển các sản phẩm của ngân hàng, sản phẩm và dịch vụ thẻ là một trong các sản

phẩm dịch vụ được SHB ưu tiên phát triển trên nhiều phương diện, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời đem lại nhiều tiện ích và đặc biệt là các đặc tính an toàn của sản phẩm dịch vụ dành cho chủ thẻ. Hiện nay, cùng với việc là ngân hàng thành viên của tổ chức liên minh thẻ tại Việt Nam – Công ty Cổ phần Thanh Toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS), SHB còn là ngân hàng thành viên của các tổ chức thẻ Quốc tế lớn là Visa và MasterCard. Điều đó đã tạo thuận lợi cho các chủ thẻ của SHB có nhiều lựa chọn đối với các sản phẩm thẻ chip EMV contactless an toàn, tiện lợi để sử dụng thẻ trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như trên toàn cầu.

Đồng thời với việc phát triển sản phẩm, đầu tư hệ thống thẻ, SHB luôn luôn chú trọng đến các biện pháp an toàn bảo mật đối với các sản phẩm và dịch vụ thẻ để phòng ngừa rủi ro gian lận. Đặc biệt là bảo mật các dữ liệu thẻ, dữ liệu chủ thẻ trong hoạt động phát hành, lưu trữ, và thanh toán thẻ. SHB đã triển khai thành công Hệ thống tiêu chuẩn bảo mật dành cho thẻ thanh toán - PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standards) và Hệ thống xác thực giao dịch thẻ online 3D Secure.

Trong năm 2026 và các năm tiếp theo, SHB tiếp tục duy trì chiến lược trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, Ngân hàng số được yêu thích nhất, trong đó sản phẩm thẻ sẽ là mũi nhọn để SHB đạt được mục tiêu nêu trên.

c) Hoạt động Ngân hàng đại lý

Từ năm 2008, SHB chính thức triển khai dịch vụ thanh toán quốc tế (TTQT) thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác song phương với ngân hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới thông qua việc trao đổi SWIFT CODE. Cho đến nay SHB đã thiết lập quan hệ đại lý với nhiều ngân hàng, hiện diện ở nhiều khu vực: châu Á, châu Âu, châu Mỹ, Mỹ La Tinh và một số nước tại Châu Phi. Bên cạnh việc phát triển khách hàng TTQT, nghiệp vụ TTQT của SHB luôn được sự tín nhiệm cao của các ngân hàng đại lý với tỷ lệ điện TTQT đạt chuẩn SWIFT ở mức cao.

Hiện nay, ngoài hai loại tài khoản ngoại tệ chính là USD và EUR, SHB đã mở thêm nhiều tài khoản bằng các loại ngoại tệ khác nhau để phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng như tài khoản SGD, JPY, AUD, GBP, HKD và 02 tài khoản đa tệ khác.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Mảng tài chính tiêu dùng của SHB được thực hiện bởi Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance).

Năm 2023, SHB đã hoàn tất chuyển nhượng 50% vốn cổ phần tại SHBFinance cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri) của Thái Lan (thành viên chiến lược thuộc Tập đoàn MUFG, Nhật Bản) đã tạo thêm động lực mới và toàn diện cho SHBFinance trong việc đẩy nhanh thực hiện các kế hoạch trung và dài hạn theo các chuẩn mực quốc tế, cũng như trong chiến lược phát triển một công ty tài chính có thế mạnh hàng đầu Việt Nam về công nghệ và số hóa.

Ngày 04/11/2024, SHB đã công bố Nghị quyết thông qua việc chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHBFinance cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri). Thời gian thực hiện: sau khi có chấp thuận của NHNN.

Ngày 09/03/2026, NHNN đã chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý của SHBFinance

từ loại hình Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sang Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Việc thay đổi hình thức pháp lý dựa trên cơ sở SHB chuyển nhượng 50% vốn điều lệ còn lại tại SHBFinance cho Krungsri. Đây là bước cuối cùng trong lộ trình chuyển nhượng vốn của SHB tại SHBFinance cho Krungsri.

8.2.Tài sản

8.2.1.Tài sản cố định hữu hình

Bảng 24: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	678	201	477	679	218	461	678	229	449
Máy móc thiết bị	205	140	65	190	129	61	191	129	62
Phương tiện vận tải	210	130	80	214	136	78	208	138	70
Thiết bị, dụng cụ quản lý	436	236	200	482	257	225	505	280	225
TSCĐ hữu hình khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	**1.529**	**707**	**822**	**1.565**	**740**	**825**	**1.582**	**776**	**806**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

Bảng 25: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	707	227	480	708	245	463	707	256	451
Máy móc thiết bị	214	149	65	200	138	62	201	139	62

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải	215	135	80	219	141	78	213	142	71
Thiết bị, dụng cụ quản lý	444	243	201	491	265	226	514	288	226
TSCĐ hữu hình khác	1	0	1	1	1	0	1	0	1
Tổng cộng	**1.581**	**754**	**827**	**1.619**	**790**	**829**	**1.636**	**825**	**811**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

8.2.2.Tài sản cố định vô hình

Bảng 26: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	4.361	7	4.354	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353
Phần mềm máy vi tính	478	334	144	734	379	355	752	409	343
TSCĐ vô hình khác	20	17	3	20	18	2	20	18	2
Tổng cộng	**4.859**	**358**	**4.501**	**5.114**	**404**	**4.710**	**5.132**	**434**	**4.698**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 27: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353	4.360	7	4.353
Phần mềm máy vi tính	481	336	145	736	381	355	754	411	343
TSCĐ vô hình khác	23	20	3	23	21	2	23	21	2
Tổng cộng	**4.864**	**363**	**4.501**	**5.119**	**409**	**4.710**	**5.137**	**439**	**4.698**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a) Quản lý rủi ro tín dụng

Quản lý rủi ro tín dụng tại SHB được triển khai trên cơ sở quản trị rủi ro tổng thể, bảo đảm nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro một cách chủ động, liên tục và có hệ thống. Hoạt động quản lý rủi ro tín dụng tuân thủ khẩu vị rủi ro, phù hợp với chiến lược kinh doanh và năng lực vốn của ngân hàng, tuân thủ yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, hướng đến chuẩn mực quản trị rủi ro theo các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế.

SHB đã xây dựng và duy trì hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc: (i) Thiết lập môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; (ii) Hoạt động theo quy trình cấp tín dụng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận thực hiện; (iii) Nhận diện, đo lường, giám sát rủi ro theo 3 tuyến bảo vệ đảm bảo kiểm soát đầy đủ rủi ro tín dụng. SHB cũng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng trong điều kiện hoạt động bình thường và trong điều kiện thị trường có diễn biến bất lợi. Trong đó, với tình huống thị trường có diễn biến bất lợi SHB sử dụng phương pháp kịch bản để dự báo tốc độ tăng trưởng tín dụng và chất lượng nợ để từ đó xây dựng kế hoạch dự phòng, có các biện pháp kiểm soát, giám sát và giảm thiểu nợ xấu kịp thời, phù hợp.

Năm 2025, SHB đã hoàn thành xây dựng, triển khai hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phát triển hệ thống tính vốn theo phương pháp nâng cao Basel II-IRB dưới sự tư vấn của Công ty tư vấn quốc tế (Big 4). Trong thời gian tới, SHB sẽ mở rộng ứng dụng công nghệ và dữ liệu lớn trong quản lý rủi ro tín dụng, giúp nâng cao tính chính xác trong đánh giá rủi ro và ra quyết định tín dụng.

Bên cạnh đó, SHB đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội (ESMS) với cấu trúc rõ ràng và tích hợp trong quy trình cấp tín dụng. Đồng thời, SHB không ngừng mở rộng và nâng cao năng lực trong việc tăng trưởng tín dụng xanh cũng như thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, phát triển danh mục tín dụng xanh một cách bền vững. Trên hành trình bứt tốc trong kỷ nguyên mới, SHB hướng tới xây dựng một mô hình ngân hàng hiện đại, an toàn và bền vững, nơi quản lý rủi ro môi trường xã hội không chỉ là công cụ kiểm soát, mà còn là động lực tạo giá trị dài hạn cho ngân hàng, khách hàng và cộng đồng.

b) Quản lý rủi ro hoạt động

SHB đã triển khai toàn diện khung quản lý rủi ro hoạt động (RRHĐ) đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quốc tế.

Năm 2025, SHB ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai công tác đánh giá rủi ro và đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát nhằm đảm bảo chủ động nhận diện, phòng ngừa RRHĐ với các sản phẩm/quy trình nghiệp vụ/dự án trọng yếu của Ngân hàng. Đồng thời, SHB tiếp tục tăng cường triển khai các hoạt động nâng cao văn hóa quản lý rủi RRHĐ tại tất cả các Đơn vị kinh doanh SHB, thiết lập nhân sự Đầu mối tại mỗi Chi nhánh/Trung tâm kinh doanh và duy trì công tác chia sẻ, đào tạo nội bộ về quản lý RRHĐ tại chính các Đơn vị.

Trong bối cảnh hiện nay phát sinh ngày càng nhiều các sự kiện RRHĐ gian lận bên ngoài liên quan đến tội phạm công nghệ cao sử dụng hồ sơ giả mạo, công nghệ hoán đổi khuôn mặt (swapface) hoặc các ứng dụng chỉnh ảnh bằng AI, … để mở và sử dụng tài khoản thanh toán, tập trung phần lớn vào tài khoản thanh toán trực tuyến, SHB đã nhanh chóng triển khai các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, cái tiến công tác nhận diện rủi ro, truyền thông qua các kênh nhằm phòng ngừa tổn thất cho khách hàng cũng như ngân hàng.

Bên cạnh đó, trước tác động gia tăng của biến đổi khí hậu cực đoan và thiên tai trên diện rộng, SHB đã đặc biệt chú trọng tăng cường công tác quản trị và đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục. Theo đó, Ngân hàng đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động như rà soát, sửa đổi quy định; ban hành mới các quy trình, công văn hướng dẫn; đẩy mạnh công tác truyền thông, khảo sát mức độ sẵn sàng trước mùa mưa lũ; tổ chức đào tạo cho các Đơn vị thực hiện nhằm bảo đảm duy trì hoạt động thông suốt.

c) Quản lý rủi thị trường

Trong bối cảnh thị trường tài chính – tiền tệ có nhiều diễn biến nhanh và khó lường, SHB đặc biệt chú trọng đến quản trị rủi ro thị trường, đảm bảo khả năng thích ứng linh hoạt với sự biến động của lãi suất, tỷ giá và giá trị tài sản tài chính: Định kỳ đo lường trạng thái rủi ro thị trường bằng các chỉ số: trạng thái mở, độ nhạy PV01, đánh giá PnL theo giá trị thị trường (MtM) và giá trị rủi ro VaR, tăng cường giám sát biến động lãi suất và tỷ giá, tối ưu hóa danh mục tài sản tài chính để giảm thiểu tác động từ rủi ro thị trường.

SHB áp dụng chiến lược quản lý rủi ro thị trường và xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường đảm bảo phù hợp khung quản trị rủi ro của Ngân hàng, đáp ứng các thông lệ quốc tế và chuẩn mực Basel II cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý về quản trị rủi ro thị trường.

Ngoài ra, SHB thực hiện xây dựng các kịch bản diễn biến bất lợi về thị trường như lãi suất/tỷ giá, thực hiện kiểm tra sức chịu đựng (stress test) rủi ro thị trường, xác định tác động đến giá trị tài sản và vốn, từ đó, đánh giá khả năng chịu đựng của Ngân hàng và đưa ra các giải pháp để ứng phó theo các kịch bản, tình huống.

d) Quản lý rủi ro thanh khoản

SHB đã hoàn thành triển khai và áp dụng quản lý rủi ro thanh khoản theo tiêu chuẩn Basel III (LCR, NSFR) và triển khai công cụ đo lường quản lý tài sản nợ có (FTP, ALM) tiên tiến, giúp kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh khoản và có dự phòng chủ động trong trường hợp thị trường có diễn biến bất lợi.

Ngân hàng cũng xây dựng các kịch bản và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản (stress test) định kỳ 6 tháng, đánh giá khả năng thanh khoản và quản trị vốn trong cả điều kiện bình thường và diễn biến bất lợi. Bên cạnh đó, SHB tiếp tục thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động, cân bằng tài sản – nợ phải trả và theo dõi sát sao các chỉ số thanh khoản đảm bảo ngân hàng luôn chủ động và có phương án ứng phó kịp thời.

Trong năm 2025, SHB đã hoàn thành triển khai giai đoạn 1 Dự án ALM với đối tác tư vấn Big 4 - cấu phần phương pháp luận ALM và trong năm 2026 sẽ tiếp tục giai đoạn 2 - triển khai hệ thống ALM, góp phần nâng cấp và hoàn thiện khung chính sách, phương pháp luận cũng như công cụ đo lường, giám sát rủi ro thanh khoản, tăng tính hiệu quả quản lý bảng cân đối và giảm thiểu, phòng ngừa rủi ro cho Ngân hàng.

e) Quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng. Để quản lý rủi ro lãi suất, SHB thực hiện duy trì mức độ cân bằng hợp lý về cơ cấu kỳ hạn/kỳ tái định giá giữa tài sản có và nợ phải trả, áp dụng chính sách lãi suất cơ sở phù hợp,... từ đó hạn chế rủi ro lãi suất mà Ngân hàng có thể gặp phải như rủi ro định giá lại (repricing risk), rủi ro cơ bản (basic risk),...

SHB ban hành và áp dụng hạn mức rủi ro lãi suất sổ ngân hàng phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh và khẩu vị rủi ro, bao gồm: Hạn mức Gap lãi suất, hạn mức NII. Ngân hàng đo lường rủi ro lãi suất đối với VND và ngoại tệ có giá trị từ 5% tổng tài sản trở lên thông qua phương pháp và các chỉ số như: Gap nhạy cảm với lãi suất; đánh giá tác động của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE); xác định vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thông qua phương pháp Delta EVE theo hướng dẫn của Basel III. Cùng với việc triển khai Dự án phương pháp luận ALM trong năm 2025 và dự kiến triển khai giai đoạn 2 – giải pháp ALM trong năm 2026, SHB tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện khung chính sách, phương pháp luận cũng như công cụ đo lường, giám sát rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

HĐQT SHB đã định hướng và giám sát chặt chẽ việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các giới hạn an toàn theo quy định của pháp luật và từng bước tiệm cận

các thông lệ quốc tế. Công tác quản trị rủi ro được xác định là một trong những trụ cột cốt lõi hỗ trợ triển khai chiến lược ngân hàng hiệu quả, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng số, ngân hàng xanh.

8.3.3. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2026

Trong bối cảnh yêu cầu ngày càng cao về an toàn hệ thống và quản trị rủi ro, SHB kiên định với mục tiêu tăng trưởng đi cùng an toàn-hiệu quả, mở rộng đi cùng bền vững, đổi mới đi cùng chuẩn mực. Công tác quản trị rủi ro liên tục được cải tiến, nâng cao theo các chuẩn mực quản lý rủi ro của quốc tế (Basel) và triển khai toàn diện, làm nền tảng vững vàng để SHB đổi mới, bứt tốc trong kỷ nguyên mới.

Với mục tiêu thiết lập hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo an toàn hoạt động và khả năng phòng vệ trước rủi ro dự kiến phát sinh, SHB sẽ tiếp tục triển khai ứng dụng các công cụ/mô hình nhận diện, đo lường rủi ro tiên tiến phù hợp với mô hình kinh doanh của SHB. Đồng thời, triển khai triển khai chiến lược quản trị rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động ngân hàng và hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, với mục tiêu duy trì đủ vốn cho các loại rủi ro trọng yếu, SHB thường xuyên thực hiện các biện pháp tối ưu hóa tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng (RWA) và cải thiện năng lực vốn của Ngân hàng, thông qua đó đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 trên 12%, cao hơn mức tối thiểu quy định của NHNN là 8% và duy trì trên tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu của SHB trong cả điều kiện bình thường và điều kiện có diễn biến bất lợi. Việc này nhằm đảm bảo SHB có bộ đệm vốn nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và mạng lưới khách hàng

Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Tại ngày 30/06/2026, Ngân hàng có 1 Trụ sở chính, 63 chi nhánh, 230 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước; 3 chi nhánh tại Lào và 5 chi nhánh tại Campuchia.

Mạng lưới khách hàng

Mạng lưới hoạt động phân bổ rộng giúp SHB tiếp cận khách hàng tại các tỉnh và thành phố trên cả nước và 2 nước Đông Nam Á là Lào và Campuchia. Nhờ đó, SHB cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp. SHB cũng đang phát triển kinh doanh và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

Bảng 28: Tình hình lợi nhuận trước thuế hợp nhất theo khu vực địa lý

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khu vực thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Miền Bắc	9.297	11.718	7.293
2	Miền Trung	566	746	336

STT	Khu vực thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
3	Miền Nam	1.446	2.344	1.404
4	Nước ngoài	260	213	110
Tổng cộng		**11.569**	**15.021**	**9.143**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

8.4.2. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

Hơn 32 năm đồng hành và phát triển cùng đất nước, SHB trở thành biểu tượng cho sự vươn mình không ngừng nghỉ, luôn có mặt tại những cột mốc quan trọng của đất nước qua mỗi giai đoạn phát triển. Ngân hàng luôn sẵn sàng đồng hành cùng những quyết sách quan trọng của quốc gia: nhận sáp nhập theo đề án cơ cấu lại tổ chức tín dụng; cung ứng vốn thực hiện các công trình hạ tầng trọng điểm, các dự án năng lượng xanh, nông nghiệp sạch; triển khai nhiều gói tín dụng ưu đãi lãi suất hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SHB luôn xác lập chiến lược rõ ràng, có sự khác biệt, phù hợp theo từng giai đoạn, có định hướng lâu dài. Với nền tảng vững vàng và chiều sâu văn hóa, kiên định với định hướng phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả, liên tục nâng cao năng lực quản trị theo chuẩn quốc tế, mô hình hiện đại, SHB ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

Xét về mặt quy mô:

Tính đến 30/06/2026, Tổng tài sản (TTS) hợp nhất của SHB đạt 962.887 tỷ VND, thuộc top 9 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM ("NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch") có TTS lớn nhất. Vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 75.309 tỷ VND, thuộc top 9 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

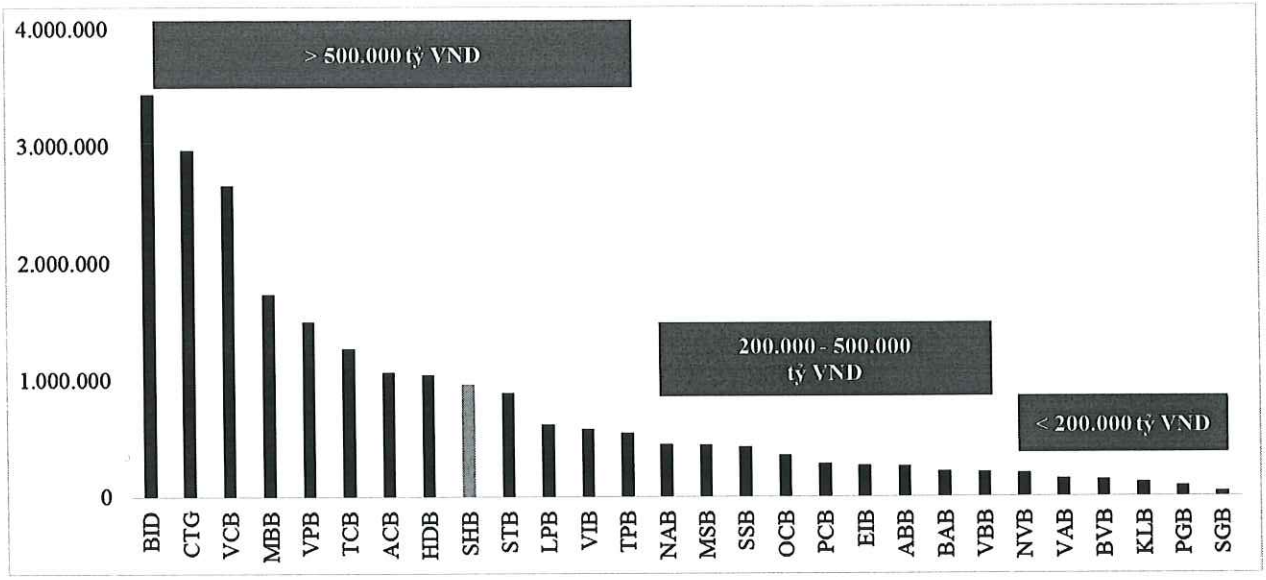
Ngoài ra, SHB nằm trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam VN30, qua đó khẳng định vị thế của Ngân hàng trên thị trường chứng khoán.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất của SHB trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 9.143 tỷ VND, thuộc top 9 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có lợi nhuận cao nhất. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) hợp nhất của SHB ở mức 2,18%, đứng thứ 15 trong nhóm NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có tỷ lệ NPL thấp nhất.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Biểu đồ 1: TTS của các NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM



Nguồn: Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của các ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch UPCOM (ngoại trừ trường hợp Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Mã cổ phiếu: PCB) là theo số liệu BCTC hợp nhất tự lập Quý II/2026) dựa trên cơ sở dữ liệu của FiinPro-X

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch của các ngân hàng đó

Bảng 29: Vị thế của SHB trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng, %

STT	Ngân hàng	TTS 6T/2026	VCSH 6T/2026	LNTT 6T/2026	NPL 6T/2026
1	BID	3.440.841	198.783	18.905	1,83%
2	CTG	2.962.004	200.214	25.868	1,20%
3	VCB	2.657.441	248.491	29.222	0,61%
4	MBB	1.733.013	156.763	20.188	1,45%
5	VPB	1.502.526	191.215	18.880	3,28%
6	TCB	1.273.077	188.997	18.540	1,08%
7	ACB	1.067.845	99.315	10.735	1,03%
8	HDB	1.043.892	90.224	13.188	2,79%
9	**SHB**	**962.887**	**75.309**	**9.143**	**2,18%**
10	STB	892.049	62.807	4.136	7,54%
11	LPB	615.502	43.030	5.973	1,85%
12	VIB	580.998	47.838	5.186	2,93%
13	TPB	547.664	49.566	4.483	1,86%
14	NAB	451.517	25.892	3.159	1,47%

STT	Ngân hàng	TTS 6T/2026	VCSH 6T/2026	LNTT 6T/2026	NPL 6T/2026
15	MSB	440.999	45.247	3.423	2,53%
16	SSB	427.108	42.195	2.625	2,25%
17	OCB	351.741	35.822	2.470	3,49%
18	PCB	278.431	13.251	1.023	2,83%
19	EIB	266.068	26.488	678	3,08%
20	ABB	260.561	22.597	3.016	1,20%
21	BAB	214.351	13.739	682	1,13%
22	VBB	204.825	13.154	944	1,87%
23	NVB	198.896	14.320	727	6,43%
24	VAB	149.130	10.810	825	1,22%
25	BVB	141.974	7.922	547	3,22%
26	KLB	114.911	9.289	1.176	1,83%
27	PGB	89.312	8.212	440	2,93%
28	SGB	35.670	4.233	48	2,89%

Nguồn: Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của các ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch UPCOM (ngoại trừ trường hợp Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Mã cổ phiếu: PCB) là theo số liệu BCTC hợp nhất tự lập Quý II/2026) dựa trên cơ sở dữ liệu của FiinPro-X

Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành

Tại thời điểm 30/06/2026, thị phần của SHB về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành như sau:

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay khách hàng (*)	Tiền gửi của khách hàng
SHB (tỷ đồng)	962.887	659.611	624.269
Thị phần SHB so với các ngân hàng trong ngành	4,20%	4,23%	4,56%

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Nguồn: Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của các ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch UPCOM (ngoại trừ trường hợp Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Mã cổ phiếu: PCB) là theo số liệu BCTC hợp nhất tự lập Quý II/2026) dựa trên cơ sở dữ liệu của FiinPro-X

8.5.Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

STT	Tên dự án	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của dự án tới hoạt động kinh doanh của SHB
1.	Dự án KPI cho lực lượng bán	Đã hoàn thành	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tối ưu và chuẩn hóa năng suất lao động theo thông lệ quản trị hiện đại, đảm bảo hoàn thành mục tiêu lợi nhuận và đảm bảo tăng trưởng bền vững.
2.	Triển khai mạng nội bộ tốc độ cao (SDWAN)	Đã hoàn thành	Tăng tốc độ kết nối từ chi nhánh phòng giao dịch tại SHB đến trung tâm dữ liệu chính và dự phòng.
3.	Triển khai hạ tầng trung tâm dữ liệu chuẩn quốc tế Tier 3	Đã hoàn thành	Nhằm đảm bảo trung tâm dữ liệu SHB đặt tại đơn vị uy tín tại Việt Nam và đáp ứng tiêu chuẩn Tier 3 của quốc tế.
4.	Dự án nâng cấp hệ thống Corebanking	Đã hoàn thành	- Bổ sung tính năng, tiện ích nhằm đáp ứng các yêu cầu của nghiệp vụ lõi ngân hàng. - Hệ thống Corebanking với kiến trúc hiện đại, vận hành ổn định nhằm đáp ứng sự tăng trưởng về khách hàng, sản phẩm, giao dịch.
5.	Chứng từ điện tử tại quầy	Đang triển khai	- Tối ưu chi phí vận hành. - Tăng tỷ lệ số hóa, tự động hóa tạo tiền đề chuyển dịch kênh. - Nâng cao trải nghiệm, tăng chỉ số hài lòng của khách hàng. - Giảm tỷ lệ lỗi trong giao dịch.
6.	Dự án Phân tách lực lượng nhân sự tại bộ phận Dịch vụ khách hàng	Đang triển khai	Nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm khách hàng, thông qua tư vấn tài chính hiệu quả, cung cấp giải pháp đúng nhu cầu dựa trên am hiểu KH, cải thiện năng suất và hiệu quả làm việc cũng như phát huy tối đa năng lực bán, đồng thời quản lý nguồn lực tối ưu cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh.
7.	Dự án triển khai Giải pháp AI Agent (Chat Bot) 24/7 và AI Agent (Voice Bot) 24/7	Đang triển khai	Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trên nền tảng số, đồng thời tối ưu hiệu quả vận hành của hệ thống chăm sóc khách hàng.

Nguồn: SHB

8.6.Chiến lược kinh doanh

Mục tiêu tới năm 2027, 2028 là Ngân hàng TOP 1 về hiệu quả; Ngân hàng số được yêu thích nhất; Ngân hàng bán lẻ tốt nhất đồng thời là Ngân hàng TOP đầu cung ứng nguồn vốn, sản phẩm tài

chính dịch vụ với khách hàng doanh nghiệp chiến lược tư nhân và Nhà nước, có chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, hệ sinh thái, phát triển xanh.

Tầm nhìn tới năm 2035, SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, Ngân hàng xanh, Ngân hàng số trong TOP đầu của khu vực.

SHB đã và đang cùng các nhà tư vấn hàng đầu thế giới đẩy mạnh triển khai các chiến lược cạnh tranh khác biệt và phù hợp trong từng giai đoạn, giúp tăng tốc hiệu quả để thực hiện thành công các định hướng này.

Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng TOP 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, SHB xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, có tính định hướng dài hạn, luôn tạo ra sự khác biệt, hướng tới thị trường và khách hàng, trong đó:

- Thực hiện chủ trương thành lập Khối Ngân hàng Định chế và đưa vào hoạt động để huy động các nguồn vốn tài chính quốc tế, nâng cao tỷ lệ CASA, bảo đảm hiệu quả hoạt động kinh doanh vốn và tài chính.
- Bảo vệ và phát triển bền vững lợi ích của cổ đông theo các chuẩn mực quản trị mới, tăng cường tính minh bạch thông tin, huy động các cổ đông có tiềm lực tài chính mạnh, đặc biệt chú trọng cổ đông nước ngoài thân thiện và đồng lợi ích.
- Đổi mới cơ chế, thể chế, quy định, quy trình phù hợp, môi trường cạnh tranh, quy định pháp luật hiện hành, thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh. Thực hiện quản lý văn bản thông minh, ứng dụng công nghệ hiện đại để tiếp tục số hóa các văn bản quy phạm nội bộ.
- Kiện toàn tổ chức và nhân sự theo hướng hiện đại và an toàn, tách bạch chức năng hoạch định, chỉ đạo và quản lý, điều hành kinh doanh với chức năng thực thi, triển khai hoạt động kinh doanh, nâng cao tính kết nối, tính quản lý hệ thống giữa Hội sở và các đơn vị kinh doanh theo nguyên tắc "quản lý theo mục tiêu", tiếp tục chú trọng huy động nhân tài bao gồm cả lao động nước ngoài.
- Hoạt động kinh doanh "khách hàng là trọng tâm": Tập trung phát triển khách hàng đem lại hiệu quả cao phù hợp với tiềm năng của vùng miền, địa bàn. Phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, vận dụng tư duy thiết kế (Design Thinking) và phương pháp luận Agile để tạo ra sự khác biệt trong từng sản phẩm: sử dụng cách tiếp cận lấy khách hàng làm trung tâm; khám phá ra các nhu cầu khác biệt nhỏ nhất, thậm chí là tiềm ẩn của khách hàng, đặt người dùng cuối ở vị trí trung tâm và đưa sáng tạo trở thành yếu tố cốt lõi; sáng tạo cần phải được thúc đẩy tối đa để tạo ra các đột phá.
- Công nghệ và chuyển đổi số: tập trung nguồn lực để phát triển hiện đại hóa nền tảng hạ tầng CNTT, nâng cấp/chuyển đổi Corebanking, Core thẻ… và khả năng tích hợp cao cho các phần mềm ứng dụng CNTT hiện đại và chuyển đổi số… để nâng cao tiện ích cho khách hàng và nâng cao quản trị điều hành hệ thống của SHB; chú trọng tuyển dụng, thu hút đội ngũ nhân sự chuyên ngành và các chuyên gia cao cấp về CNTT và chuyển đổi số để quản lý vận hành hệ thống; lựa chọn đối tác chiến lược trong và ngoài nước có năng lực để tư vấn triển khai và tổ chức thực hiện hiện đại hóa CNTT và chuyển đổi số.

Các mục tiêu phát triển bền vững

SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn

mà còn thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội. Cụ thể như sau:

- Đảm bảo chế độ đãi ngộ, cơ hội học tập, phát triển nghề nghiệp cho người lao động; chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, bình đẳng.
- SHB cam kết chung tay bảo vệ môi trường sinh thái với các hoạt động giảm khí thải nhà kính và rác thải nơi làm việc; Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống; Phát triển tín dụng xanh với tiêu chí quan trọng được đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.
- Thực hiện các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội, tập trung cho lĩnh vực y tế, hoàn cảnh khó khăn, giáo dục đối với cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tấm lòng thiện nguyện của cán bộ nhân viên và SHB coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để không ngừng phát triển.

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

Không có.

10. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ và Kế toán trưởng

10.1. Hội đồng Quản trị

Bảng 30: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Thái Quốc Minh	Thành viên HĐQT
4	Bà Ngô Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Ông Phạm Viết Dần	Thành viên HĐQT
6	Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Phan Đăng Tuất	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: SHB

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

10.1.1. Ông Đỗ Quang Hiển – Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Kĩ sư Vật lý, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2022 - Nay	Giám đốc Vận hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2015 - 2021	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông Vận tải
2013 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2008 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2008 - 2018	Chủ tịch HĐQT	Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2022	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn – Hà Nội
2005 - 2008	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
1993 - 2022	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
1988 - 1993	Kỹ sư vật lý/Cán bộ Xí nghiệp Công nghệ Quang học	Viện Ngiên cứu Công Nghệ Quốc Gia
1987 - 1988	Kỹ sư vật lý vật lý Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel)
1984 - 1987	Kỹ sư vật lý vô tuyến Tổ trưởng Tổ Lắp ráp	Xí nghiệp sửa chữa máy thu hình

- Chức vụ tại SHB: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc vận hành, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 125.163.350 cổ phần, tương ứng 2,34% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 782.756.762 cổ phần, tương ứng 14,65% vốn cổ phần.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026:

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phát hành bảo lãnh	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	+ Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các dịch vụ liên quan; Hợp đồng cho thuê văn phòng; và Hợp đồng hợp tác triển khai sản phẩm cho vay chứng khoán. + Cấp hạn mức tín dụng; Cấp hạn mức thấu chi; Thay đổi điều kiện cấp tín dụng. + Triển khai hợp tác liên quan đến hoạt động khai thác Khách hàng cá nhân. + Ký hợp đồng cho thuê văn phòng.	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị SHB
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty Cổ phần Cảng Hàng không Quảng trị	Cấp tín dụng và Thay đổi điều kiện cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	Tái cấp hạn mức L/C đối với khách hàng doanh nghiệp	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bình - Nghệ An	Cấp bảo lãnh	Hội đồng Quản trị SHB

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Giao thông T&T	Cấp bảo lãnh thanh toán	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Móng Cái	Cấp bảo lãnh	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Đô thị T&T	Ký hợp đồng thuê tòa nhà văn phòng	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty TNHH T&T Land Phước Thọ	Cấp hạn mức bảo lãnh	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty TNHH Phát triển khu đô thị, Nghỉ dưỡng Sapa	Cấp bảo lãnh	Hội đồng Quản trị SHB

- Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao cơ bản (triệu VND)	4.200	2.800
ESOP (cổ phiếu)	Không có	Không có
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	55.382.013.500	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	25.375.938	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	6.258.167.500
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.1.2. Ông Đỗ Quang Vinh – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1989
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Quản trị, University of East Anglia, Vương quốc Anh.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2023 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
2022 - 2024	Chủ tịch HĐQT	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM
2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 - 2024	Giám đốc Khối Ngân hàng số	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2021 - 2023	Chủ tịch HĐTV Phó Chủ tịch thường trực HĐTV	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2020 - 2022	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2013 - Nay	Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

- Chức vụ tại SHB: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
  - Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM;
  - Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 127.165.207 cổ phần, tương ứng 2,38% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 687.382.052 cổ phần, tương ứng 12,86% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:

- Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026:

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phát hành bảo lãnh	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	+ Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các dịch vụ liên quan; Hợp đồng cho thuê văn phòng; và Hợp đồng hợp tác triển khai sản phẩm cho vay chứng khoán. + Cấp hạn mức tín dụng; Cấp hạn mức thấu chi; Thay đổi điều kiện cấp tín dụng. + Triển khai hợp tác liên quan đến hoạt động khai thác Khách hàng cá nhân. + Ký hợp đồng cho thuê văn phòng.	Hội đồng Quản trị SHB
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị SHB
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Cấp tín dụng	Hội đồng Quản trị SHB

- Thù lao, lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao, lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao và lương cơ bản (triệu VND) (*)	3.665	2.670
ESOP (cổ phiếu)	Không có	Không có
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	56.267.791.000	Không có

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	25.781.799	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	6.358.260.350
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

(*) Thù lao của Ông Đỗ Quang Vinh đối với chức danh Phó Chủ tịch HĐQT SHB là 0 VND trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.1.3. Ông Thái Quốc Minh – Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1960
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2018 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2017 - 2018	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2023	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Hữu nghị Việt Nam – Mỹ La Tinh
2014 - 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Sắc đẹp phụ nữ
2009 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Công nghệ và Phát triển Hạ tầng Viễn thông Unitel
2008 - 2018	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex
2006 - 2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân VINA
2009 - 2017	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel (hiện nay là SHB FC)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2008 - 2014	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần đầu tư Thùy Dương
2008 - 2014	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam
2006 - 2015	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Phát triển Vina Phú Gia
2006 - 2008	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
2005 - 2006	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng Tân Việt (sau đổi tên thành Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương)
2002 - 2005	Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, trưởng phòng Thu xếp vốn và tín dụng doanh nghiệp	Công ty Tài chính Dầu khí
1996 - 2002	Phó trưởng phòng Quan hệ Quốc tế Phó trưởng phòng Phòng Tổng hợp thanh Toán	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1993 - 1996	Học thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	Đại học Tổng hợp Edith Cowan Australia
1987 - 1993	Chuyên viên phòng Quan hệ Quốc tế	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
1985 - 1987	Nghĩa vụ quân sự	Sư đoàn 304, quân đoàn 2
1984 - 1985	Chuyên viên phòng vay nợ, viện trợ	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 646.890 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
    - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên

HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.

- Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao cơ bản (triệu VND)	2.640	1.760
ESOP (cổ phiếu)	Không có	425.300
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	98.049.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	44.925	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	11.079.500
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có

10.1.4. Bà Ngô Thu Hà – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
09/2022 - Nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
07/2022 - 08/2022	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2017 - 2018	Thành viên HĐTV	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2014 - 2015	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2022	Ủy viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đồng Xuân
2012 - 2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần chứng khoán SHB (SHBS)
2011 - 2022	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2009 - 2011	Phó phòng phụ trách/ Trưởng phòng KHTH	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2009	Trợ lý TGĐ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
1999 - 2008	Chuyên viên thẩm định dự án Phòng đầu tư phát triển	Công ty Điện toán và Truyền số liệu - Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông VN
1994 - 1999	Chuyên viên	Ngân hàng Tokyo Mitsubishi – Hà Nội (VPĐD và Chi nhánh)

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 4.817.126 cổ phần, tương ứng 0,09% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
    - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
    - Thù lao, lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao, lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao và lương cơ bản (*) (triệu VND)	4.068	2.977
ESOP (cổ phiếu)	Không có	878.900
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	1.584.162.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	725.859	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	358.020

(*) Thù lao của Bà Ngô Thu Hà đối với chức danh Thành viên HĐQT SHB là 0 VND trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026.

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.1.5. Ông Phạm Viết Dần – Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2023 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2020 - 2023	Thành viên HĐTV	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2022	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2007 - 2016	Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro, Khối khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam
2000 - 2007	Phó Phòng	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1995 - 2000	Sinh viên	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh
1992 - 1995	Nhân viên	Công ty Phong Lan

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 635.167 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 19.737 cổ phần, tương ứng 0,0004% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao cơ bản (triệu VND)	2.500	1.749
ESOP (cổ phiếu)	Không có	441.000
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	78.104.500	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	35.787	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	17.651

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.1.6. Ông Đỗ Văn Sinh – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2021	Ủy viên Thường trực Ủy Ban Kinh tế	Quốc hội
2004 - 2016	Phó Tổng Giám đốc	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1995 - 2004	Trưởng ban kế hoạch tài chính	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
1987 - 1995	Kế toán trưởng	Đài Tiếng nói Việt Nam
1984 - 1987	Trợ lý Ban tài vụ	Trường sĩ quan tài chính Bộ Quốc phòng
1983 - 1984	Chuyên viên	Bộ Tài chính

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 603.667 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
    - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
    - Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao cơ bản (triệu VND)	2.321	1.516
ESOP (cổ phiếu)	Không có	409.500
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	78.104.500	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	35.787	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	17.651

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.1.7. Ông Phan Đăng Tuất – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1957
- Trình độ học vấn: 10/10
- Năng lực chuyên môn: Phó Giáo sư, Tiến sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
22/04/2025 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
03/2022 - Nay	Chủ tịch	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
03/2018 - 03/2022	Phó Chủ tịch	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
09/2015 - 06/2017	Vụ trưởng – Thường trực	Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương
05/2012 - 08/2015	Chủ tịch HĐQT (Người Quản lý)	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
12/2009 - 04/2012	Thành viên HĐQT (Người Quản lý)	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
06/2003 - 04/2012	Viện trưởng	Viện nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
10/1986 - 05/2003	Giảng viên	Đại học Kinh tế Quốc dân

- Chức vụ tại SHB: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch - Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao cơ bản (triệu VND)	1.485	1.537
ESOP (cổ phiếu)	Không có	Không có
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	Không có	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	Không có	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

10.2. Ban Kiểm soát

Bảng 31: Danh sách Thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng BKS
2	Bà Lê Thanh Cẩm	Thành viên BKS
3	Ông Vũ Xuân Thủy Sơn	Thành viên BKS

Nguồn: SHB

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

10.2.1. Ông Phạm Hòa Bình - Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành Tài chính - Tín dụng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/2012 - Nay	Trưởng BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
05/2009 - 05/2012	Thành viên BKS, Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
10/2006 - 05/2009	Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
10/2003 - 10/2006	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, Chi nhánh Cần Thơ
07/1998 - 10/2003	Chánh thanh tra	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ
08/1991 - 07/1998	Phó Chánh thanh tra	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ
02/1990 - 07/1991	Nhân viên Phòng Tổng hợp-Quản lý tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ

- Chức vụ tại SHB: Trưởng BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 290.584 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần.

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	**8 tháng đầu năm 2026**
Thù lao cơ bản (triệu VND)	2.100	1.400
ESOP (cổ phiếu)	Không có	15.000
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	121.940.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	55.872	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	13.779.200
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.2.2. Bà Lê Thanh Cẩm - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1967
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2017 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2013 - 2020	Phó Giám đốc Khối KTNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2009 - 2013	Phó Giám đốc Quản lý rủi ro; Giám đốc Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Hàng Hải
2007 - 2009	Giám đốc Khối KD tiền tệ ngoại hối; Giám đốc Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP An Bình
1991 - 2007	Trưởng phòng KD ngoại tệ	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

- Chức vụ tại SHB: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 192.278 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
    - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
    - Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao cơ bản (triệu VND)	1.260	840
ESOP (cổ phiếu)	Không có	81.900
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	44.400.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	20.344	Không có

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	10.034

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.2.3. Ông Vũ Xuân Thủy Sơn - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1981
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 - 2022	Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2012 - 2016	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2011 - 2012	Phó Trưởng phòng Kiểm toán KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2011 - 2012	Phó Trưởng phòng KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2010 - 2011	Quản trị viên	Ngân hàng TMCP Á Châu
2007 - 2010	Trưởng Bộ phận KTNB phía Bắc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2004 - 2007	Kiểm toán viên	Ngân hàng TMCP Á Châu
2003 - 2004	Nhân viên Hỗ trợ tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Chức vụ tại SHB: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 182.244 cổ phần, tương ứng 0,003% vốn cổ phần.

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Thù lao cơ bản (triệu VND)	1.260	840
ESOP (cổ phiếu)	Không có	81.900
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	44.400.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	20.344	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	5.017.200
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 32: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Ngô Thu Hà	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
5	Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Đinh Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
7	Bà Nguyễn Thị Thùy Phương	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Ngô Thị Vân	Kế toán trưởng

Nguồn: SHB

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

10.3.1. Bà Ngô Thu Hà - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem tại Thông tin Thành viên HĐQT

10.3.2. Ông Đỗ Quang Vinh - Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Xem tại Thông tin Thành viên HĐQT

10.3.3. Ông Lê Đăng Khoa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
4/2009 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
12/2019 - 06/2023	Thành viên HĐTV	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
05/2019 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
05/2014 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama
03/2014 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
03/2014 - 2024	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 03/2009	Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và Ngoại hối	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2005 - 2006	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn vốn và Ngoại hối	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2003 - 2005	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn Vốn	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2000 - 2003	Chuyên viên phân tích tổng hợp và Chuyên viên nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Quốc tế
1995 - 2000	Chuyên viên Kế toán Tổng hợp	Công ty Nhiếp ảnh trung ương

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội;
  - Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama;
  - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 221.094 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 67.211.421 cổ phần, tương ứng 1,26% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026:

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	+ Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các dịch vụ liên quan; Hợp đồng cho thuê văn phòng; và Hợp đồng hợp tác triển khai sản phẩm cho vay chứng khoán. + Cấp hạn mức tín dụng; Cấp hạn mức thấu chi; Thay đổi điều kiện cấp tín dụng. + Triển khai hợp tác liên quan đến hoạt động khai thác Khách hàng cá nhân.	Hội đồng Quản trị SHB

Bên có liên quan	Nội dung giao dịch	Cấp phê duyệt
	+ Ký hợp đồng cho thuê văn phòng.	

- Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Lương cơ bản (triệu VND)	3.539	2.504
ESOP (cổ phiếu)	Không có	Không có
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	97.829.500	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	44.824	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	11.054.700
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.3.4. Ông Nguyễn Huy Tài - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính tín dụng, Học viện Ngân hàng; Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2013 - 10/2021 01/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2009 - 10/2021 01/2023 - 03/2026	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2020 - 2023	Giám đốc Khối Quản lý và xử lý nợ có vấn đề	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2009	Phó Giám đốc Trưởng phòng Giao dịch Ba Đình	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội
2005 - 2007	Giám đốc Phòng giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, Chi nhánh Hà Nội, PGD Phương Mai
2001 - 2005	Trưởng phòng Giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, Chi nhánh Hà Nội, PGD Phương Mai
01/2001 - 11/2001	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1997 - 2000	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 443.203 cổ phần, tương ứng 0,008% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Lương cơ bản (triệu VND)	3.570	2.385
ESOP (cổ phiếu)	Không có	200.000

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	97.829.500	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	44.824	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	22.109

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.3.5. Bà Ninh Thị Lan Phương - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: 11/11
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2012 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2016 - 05/2026	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2012	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2008	Phó Trưởng phòng KTTK	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2003 - 2007	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng Liên doanh Việt Thái, Chi nhánh Hà Nội
2001 - 2003	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Hội sở chính
1997 - 2001	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1996 - 1997	Nhân viên Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 806.601 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 63.500 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	**8 tháng đầu năm 2026**
Lương cơ bản (triệu VND)	2.954	2.001
ESOP (cổ phiếu)	Không có	402.200
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	162.672.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	74.535	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	36.763

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.3.6. Ông Đinh Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tổng hợp, Đại học Kinh tế Quốc dân

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
12/2025 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2024 - 12/2025	Giám đốc Khối Ngân hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
01/2024 - 08/2024	Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, (Chi nhánh) Trung tâm Kinh doanh
2023 - 2024	Phó Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2020 - 2023	Giám đốc Trung tâm thẩm định tín dụng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2019 - 2020	Phó Giám đốc Trung tâm thẩm định tín dụng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2019	Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Ba Đình
2011 - 2012	Trưởng Phòng Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội (Habubank), SGD Hà Nội
2010 - 2011	- Phó trưởng phòng Phát triển kinh doanh SGD Hà Nội - Phó trưởng phòng PT phòng Phát triển kinh doanh SGD Hà Nội	Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội (Habubank), SGD Hà Nội
2006 - 2010	Cán bộ Tín dụng	Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội (Habubank), SGD Hà Nội
2005 - 2006	Chuyên viên Kế toán	Công ty Nhựa cao cấp hàng không (Sân bay Gia Lâm)
2003 - 2005	Chuyên viên Kế toán	Công ty du lịch và dịch vụ Hồng Gai (Quảng Ninh)
2000 - 2003	Chuyên viên điều hành tour	Công ty du lịch và dịch vụ Hồng Gai (Quảng Ninh)

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 1.639.140 cổ phần, tương ứng 0,03% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ

phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	**8 tháng đầu năm 2026**
Lương cơ bản (triệu VND)	3.489	2.791
ESOP (cổ phiếu)	Không có	635.700
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	444.000.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	203.440	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

10.3.7. Bà Nguyễn Thị Thùy Phương - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1978
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Ngân hàng và Tài chính ngân hàng, Đại học Paris Dauphin và ESCP Europe

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
01/2026 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
05/2026 - Nay	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
05/2026 - Nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Điều hành	Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Sài Gòn - Hà Nội Lào (SHB Lào)
05/2026 - Nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Điều hành	Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Đại chúng Sài Gòn - Hà Nội Campuchia (SHB Campuchia)
2024 - 2025	Giám đốc Khối Vận hành	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2023 - 2024	Phó Giám đốc Khối Vận hành	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2011 - 2023	Giám đốc Trung tâm Nghiệp vụ Ngân hàng quốc tế, Khối vận hành	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2010 - 2011	Trưởng Trung tâm Nghiệp vụ Ngân hàng quốc tế	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 - 2010	Trưởng Phòng Thanh toán Quốc tế	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2004 - 2007	Phụ trách Trung tâm Thanh toán kiêm Trưởng phòng Thanh toán quốc tế	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
2002 - 2003	Nhân viên bảo hiểm	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex PJICO
2000 - 2002	Nhân viên Xuất Nhập khẩu	Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex

- Chức vụ tại SHB: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Điều hành Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Sài Gòn - Hà Nội Lào (SHB Lào);
  - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Điều hành Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Đại chúng Sài Gòn - Hà Nội Campuchia (SHB Campuchia);

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 5 cổ phần, tương ứng 0,0000001% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
  - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban TGĐ và những người có liên quan của thành viên Ban TGĐ trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
  - Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	**8 tháng đầu năm 2026**
Lương cơ bản (triệu VND)	1.668	1.821
ESOP (cổ phiếu)	Không có	Không có
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	388.502.500	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	178.010	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có

10.3.8. Bà Ngô Thị Vân - Kế toán trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: 12/12

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2014 - Nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2015	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Trung tâm kinh doanh
2012 - 2014	Phó Trưởng Ban tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
06/2012 - 12/2012	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2010 - 2012	Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2010	Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2006 - 2008	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 - 2006	Chuyên viên Kế toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2002 - 2005	Kiểm soát viên	Công ty TNHH Denso VN

- Chức vụ tại SHB: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 126.900 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần.
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB tại thời điểm 27/05/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
    - Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán trưởng trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026: Không có.
    - Lương và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản lương và lợi ích khác của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Quyết định HĐQT và các quy định nội bộ khác của

Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2025 và 8 tháng đầu năm 2026 như sau:

	Năm 2025	8 tháng đầu năm 2026
Lương cơ bản (triệu VND)	1.187	857
ESOP (cổ phiếu)	Không có	126.900
Cổ tức bằng tiền mặt (VND)	15.000.000	Không có
Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	5.926	Không có
Giá trị nhận được từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (VND)	Không có	Không có
Thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng (cổ phiếu)	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với SHB tại thời điểm 31/08/2026: Không có.

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tiếp liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại

SHB thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi các trái phiếu đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

12.1 Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán

Tính đến thời điểm 31/08/2026, số dư trái phiếu SHB đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 16.110.760.000.000 VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 7.080.760.000.000 VND;
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 9.030.000.000.000 VND.

Bảng 33: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành (theo mệnh giá)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2024	Giá trị tại 31/12/2025	Giá trị tại thời điểm 31/08/2026
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	2.448	13.030	16.111
	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	4.000	2.000	0

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2024	Giá trị tại 31/12/2025	Giá trị tại thời điểm 31/08/2026
Trái phiếu thường	Từ 5 năm trở lên	0	0	0
Tổng cộng		**6.448**	**15.030**	**16.111**

Nguồn: SHB

12.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 34: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2026

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của SHB (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)	153
2	Bất động sản là tài sản SHB đang sở hữu đến ngày 30/06/2026	5.038
-	a) Nhà cửa, vật kiến trúc (nguyên giá)	678
-	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	4.360

Nguồn: SHB

12.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 35: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/06/2026 (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Bảo lãnh vay vốn	102
2	Cam kết giao dịch hối đoái	17.241
-	*Cam kết mua ngoại tệ*	*8*
-	*Cam kết bán ngoại tệ*	*266*
-	*Cam kết giao dịch hoán đổi*	*16.967*
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	90.160
4	Bảo lãnh khác	34.750
5	Cam kết khác	3.894

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.12 nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không có phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 36: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	741.073	885.138	19,44%	956.377
Vốn chủ sở hữu	57.501	67.257	16,97%	74.237
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	49.481	56.053	13,28%	36.765
Thu nhập lãi thuần	20.562	19.339	-5,95%	11.928
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.248	3.200	156,41%	3.826
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	86	257	198,84%	176
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	4	42	950,00%	1
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-218	511	-334,40%	2
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.154	4.828	318,37%	899
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	41	11	-73,17%	8
Chi phí hoạt động	5.592	6.253	11,82%	2.657

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	17.284	21.935	26,91%	14.182
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5.945	7.073	18,97%	5.271
Lợi nhuận trước thuế	11.339	14.862	31,07%	8.910
Lợi nhuận sau thuế	9.132	11.850	29,76%	7.127
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	16,9%	19,0%	-	20,1%
Tỷ lệ trả cổ tức	18,0%	16,0%	-	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

Bảng 37: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026
Tổng tài sản	747.478	892.009	19,34%	962.887
Vốn chủ sở hữu	58.067	68.131	17,33%	75.309
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	50.511	57.323	13,49%	37.305
Thu nhập lãi thuần	21.256	20.215	-4,90%	12.258
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.260	3.206	154,44%	3.824
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	86	258	200,00%	180
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3	43	1333,33%	1
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-218	511	-334,40%	2
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.156	4.811	316,18%	894
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	-26	-186,67%	84
Chi phí hoạt động	5.760	6.422	11,49%	2.742
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	17.812	22.596	26,86%	14.500
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.243	7.575	21,34%	5.357
Lợi nhuận trước thuế	11.569	15.021	29,84%	9.143
Lợi nhuận sau thuế	9.322	11.960	28,30%	7.329

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	17,2%	19,0%	-	20,4%
Tỷ lệ trả cổ tức	18,0%	16,0%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB; SHB

Kết thúc năm 2025, SHB đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất của SHB đạt 892.009 tỷ VND, tăng 19,34% so với cuối năm 2024;
- Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 68.131 tỷ VND, tăng 17,33% so với cuối năm 2024. Trong năm 2025, SHB đã tăng vốn điều lệ lên 45.942 tỷ VND, so với mức 36.629 tỷ VND tại cuối năm 2024;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 15.021 tỷ VND, tăng 29,84% so với năm 2024 và hoàn thành 103,59% kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả kinh doanh của SHB đạt kết quả tích cực là SHB tiếp tục phát huy các thế mạnh tiềm năng, cùng với sự tăng trưởng hoạt động kinh doanh mạnh mẽ, tích cực, phát triển mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm dịch vụ, đẩy mạnh phát triển khách hàng, thu hồi nợ xấu, áp dụng công nghệ hiện đại hóa ngân hàng giúp nâng cao hiệu quả và năng suất lao động,...

Trong 6 tháng đầu năm năm 2026, SHB đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất của SHB đạt 962.887 tỷ VND, tăng 7,95% so với cuối năm 2025;
- Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 75.309 tỷ VND, tăng 10,54% so với cuối năm 2025, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng từ 11.643 tại ngày 31/12/2025 lên 18.750 tại ngày 30/06/2026;
- Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt 9.143 tỷ VND, tăng 2,20% so với cùng kỳ năm 2025.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Bảng 38: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	20.562	89,88%	19.339	68,61%	-5,95%	11.928	70,83%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.248	5,46%	3.200	11,35%	156,41%	3.826	22,72%

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	86	0,38%	257	0,91%	198,84%	176	1,05%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	4	0,02%	42	0,15%	950,00%	1	0,01%
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-218	-0,95%	511	1,81%	-334,40%	2	0,01%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	41	0,18%	11	0,04%	-73,17%	8	0,05%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.154	5,04%	4.828	17,13%	318,37%	899	5,34%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	**22.877**	**100,00%**	**28.188**	**100,00%**	**23,22%**	**16.840**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 39: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	21.256	90,17%	20.215	69,66%	-4,90%	12.258	71,09%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.260	5,35%	3.206	11,05%	154,44%	3.824	22,18%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	86	0,36%	258	0,89%	200,00%	180	1,04%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3	0,01%	43	0,15%	1333,33%	1	0,01%
Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-218	-0,92%	511	1,76%	-334,40%	2	0,01%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	0,13%	-26	-0,09%	-186,67%	84	0,49%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.156	4,90%	4.811	16,58%	316,18%	894	5,18%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	**23.573**	**100,00%**	**29.018**	**100,00%**	**23,10%**	**17.243**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Năm 2025, tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh hợp nhất của SHB đạt 29.018 tỷ VND, tăng 23,10% so với năm 2024. Cơ cấu lãi thuần hợp nhất năm 2025 của SHB bao gồm 3 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần, Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ và Lãi thuần từ hoạt động khác:

- Thu nhập lãi thuần hợp nhất năm 2025 đạt 20.215 tỷ VND, giảm 4,90% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ trọng thu nhập lãi thuần trên tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh giảm từ mức 90,17% trong năm 2024 xuống mức 69,66% trong năm 2025. Diễn biến này cho thấy hoạt động tín dụng và biên lãi ròng (NIM) chịu áp lực trong bối cảnh mặt bằng lãi suất và cạnh tranh gia tăng, qua đó làm suy giảm thu nhập lãi trong cơ cấu tổng thu nhập.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ hợp nhất năm 2025 đạt 3.206 tỷ VND, tăng 154,44% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm tỷ trọng 11,05% năm 2025 (so với mức 5,35% năm 2024). Kết quả này phản ánh chiến lược đẩy mạnh các mảng dịch vụ phi tín dụng như thanh toán, ngân hàng số và phân phối bảo hiểm, góp phần cải thiện chất lượng và tính bền vững của nguồn thu.
- Lãi thuần từ hoạt động khác hợp nhất năm 2025 đạt 4.811 tỷ VND, tăng 316,18% so với năm trước và chiếm tỷ trọng 16,58% (so với mức 4,90% năm 2024). Nguyên nhân tăng mạnh chủ yếu đến từ nguồn thu từ nợ xấu đã được xử lý, đạt 4.446 tỷ VND năm 2025 so với mức 478 tỷ VND của năm 2024.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, theo số liệu hợp nhất, thu nhập lãi thuần (đạt 12.258 tỷ VND, giảm 16,63% so với cùng kỳ năm 2025) và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (đạt 3.824 tỷ VND, tăng 3,77 lần so với cùng kỳ năm 2025) tiếp tục chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng, đạt lần lượt 71,09% và 22,18%. Sự gia tăng tỷ trọng của lãi thuần từ hoạt động dịch vụ góp phần đa dạng hóa cơ cấu nguồn thu, giảm mức độ phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và nâng cao khả năng thích ứng của mô hình kinh doanh trước những biến động của thị trường.

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Bảng 40: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28.919	36.713	26,95%	24.837
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (%)	*58,44%*	*65,50%*		*67,56%*
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	253	191	-24,51%	86
	Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động dịch vụ (%)	*16,87%*	*5,63%*		*2,20%*
3	Chi phí hoạt động (chi phí cho nhân viên, chi phí tài sản, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ,...)	5.592	6.253	11,82%	2.657
	Tỷ trọng trong Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh (%)	*24,44%*	*22,18%*		*15,78%*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5.945	7.073	18,97%	5.271
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (%)	*34,40%*	*32,25%*		*37,17%*

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 41: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	29.255	37.108	26,84%	25.047
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (%)	*57,92%*	*64,73%*		*67,14%*
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	286	222	-22,38%	106
	Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động dịch vụ (%)	*18,50%*	*6,48%*		*2,70%*
3	Chi phí hoạt động (chi phí cho nhân viên, chi phí tài sản, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ,...)	5.760	6.422	11,49%	2.742
	Tỷ trọng trong Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh (%)	*24,43%*	*22,13%*		*15,90%*
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.243	7.575	21,34%	5.357
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (%)	*35,05%*	*33,52%*		*36,94%*

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

SHB đã tăng cường kiểm soát chi phí, bao gồm chủ động tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi, cải thiện chất lượng quản trị rủi ro để giảm thiểu chi phí liên quan đến rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, thúc đẩy quá trình tự động hóa, số hóa và đưa công nghệ tiên tiến vào quản trị Ngân hàng để cải thiện năng lực quản trị và giảm chi phí hoạt động. Cụ thể:

- Tỷ trọng chi phí lãi trong thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tăng mạnh từ 57,92% năm 2024 lên 67,14% trong 6 tháng đầu năm 2026. Nguyên nhân do chi phí huy động vốn gia tăng, cạnh tranh lãi suất đầu vào trong bối cảnh tín dụng phục hồi làm biên lãi ròng thu hẹp.
- Tỷ trọng chi phí trên thu nhập hoạt động dịch vụ giảm mạnh từ mức 18,50% năm 2024 xuống còn 2,70% trong 6 tháng đầu năm 2026. Điều này cho thấy sự gia tăng hiệu quả trong hoạt động dịch vụ của Ngân hàng.
- Tỷ trọng chi phí hoạt động trên tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh giảm từ mức 24,43% năm 2024 xuống mức 15,90% trong 6 tháng đầu năm 2026. Nguyên nhân chủ yếu do Ngân

hàng tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng mục tiêu kinh doanh chuyển đổi số, số hóa sản phẩm dịch vụ và hoạt động quản trị.

SHB tăng cường trích lập dự phòng nhằm tích lũy nguồn lực xử lý rủi ro và tạo bộ đệm dự phòng vững chắc để ứng phó với những biến động khó lường trong tương lai, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững. Theo đó, tỷ trọng chi phí dự phòng rủi ro tín trên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng từ mức 35,05% năm 2024 lên mức 36,94% trong 6 tháng đầu năm 2026.

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 42: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí cho nhân viên	3.006	53,76%	3.281	52,47%	9,15%	1.351	50,85%
Chi về tài sản	570	10,19%	631	10,09%	10,70%	319	12,01%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	80	1,43%	86	1,38%	7,50%	20	0,75%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.437	25,70%	1.678	26,84%	16,77%	654	24,61%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	499	8,92%	577	9,23%	15,63%	313	11,78%
Trích lập/Hoàn nhập chi phí dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán)	0	0,00%	0	0,00%	-	0	0,00%
Tổng chi phí hoạt động	**5.592**	**100,00%**	**6.253**	**100,00%**	**11,82%**	**2.657**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 43: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí cho nhân viên	3.178	55,17%	3.453	53,77%	8,65%	1.438	52,44%

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi về tài sản	624	10,83%	690	10,74%	10,58%	352	12,84%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	89	1,55%	91	1,42%	2,25%	23	0,84%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.368	23,75%	1.608	25,04%	17,54%	616	22,47%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	499	8,66%	577	8,98%	15,63%	313	11,42%
Trích lập/Hoàn nhập chi phí dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán)	2	0,03%	3	0,05%	50,00%	0	0,00%
Tổng chi phí hoạt động	**5.760**	**100,00%**	**6.422**	**100,00%**	**11,49%**	**2.742**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của SHB, chi phí cho nhân viên, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ và chi về tài sản là ba chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm trung bình khoảng 89,02% tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng trong giai đoạn 2024 – 6 tháng đầu năm 2026. Cụ thể, chi phí cho nhân viên là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm tỷ trọng 52,44% trong 6 tháng đầu năm 2026, so với mức 55,17% năm 2024. Chi cho hoạt động quản lý công vụ đứng thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, chiếm tỷ trọng 22,47% trong 6 tháng đầu năm 2026, so với mức 23,75% năm 2024. Chi về tài sản đứng thứ ba trong tổng chi phí hoạt động, chiếm tỷ trọng 12,84% trong 6 tháng đầu năm 2026, so với mức 10,83% năm 2024.

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

1.2.1 Những nhân tố thuận lợi

- NHNN điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, đảm bảo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định giá trị đồng tiền;
- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, SHB đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;

- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường. Thương hiệu SHB ngày càng khẳng định tính chuyên nghiệp và được nhiều người biết đến, quan hệ Ngân hàng ngày càng mở rộng;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Đẩy mạnh đầu tư vào số hóa và công nghệ: thực hiện số hóa quy trình, tự động hóa vận hành và phát triển các nền tảng ngân hàng số giúp SHB cải thiện năng suất lao động, kiểm soát chi phí, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tạo nền tảng cho tăng trưởng lợi nhuận bền vững. Cùng với đó, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho Khách hàng, nâng cao trải nghiệm người dùng;
- Nỗ lực tái cơ cấu danh mục tài sản và kiểm soát rủi ro được triển khai đồng bộ. SHB chú trọng xử lý nợ xấu, tăng cường trích lập dự phòng, nâng cao chất lượng tín dụng và quản trị rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế, qua đó củng cố niềm tin của thị trường và tạo dư địa cho tăng trưởng trong các chu kỳ tiếp theo;
- SHB kiên định với chiến lược phát triển theo hệ sinh thái và chuỗi giá trị phát huy hiệu quả rõ nét. Tập trung khai thác các khách hàng trong các chuỗi cung ứng, từ đó khai thác khách hàng đầu vào – đầu ra đối với cả khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, giúp gia tăng quy mô tín dụng, huy động vốn.

1.2.2 Những yếu tố bất lợi

- Nền kinh tế thế giới biến động do tác động của những bất ổn về địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng trên toàn cầu;
- Biến đổi khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của nền kinh tế;
- Mặt bằng lãi suất và chi phí vốn biến động mạnh trong giai đoạn hậu thắt chặt tiền tệ toàn cầu đã gây áp lực lên biên lợi nhuận. Chi phí huy động vẫn ở mức tương đối cao do cạnh tranh thanh khoản giữa các ngân hàng, đặc biệt là cuối năm 2025, trong khi SHB có tỷ lệ CASA thấp hơn mức bình quân ngành, khiến chi phí vốn cao hơn và tạo áp lực lên NIM.
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay…tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

1.2.3 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 bị ảnh hưởng bởi một số biến số khó đoán định như: Căng thẳng địa chính trị leo thang tại Nga - Ukraine, khu vực Trung Đông, một số nước Châu Á và Mỹ Latinh,...làm gián đoạn hoạt động thương mại; Xu hướng bảo hộ thương mại đang gia tăng và có thể leo thang thành các cuộc chiến tranh thương mại; Mối lo ngại về tính bền vững tài khóa, đặc biệt là mức nợ công cao tại một số nền kinh tế lớn; Biến đổi khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của nền kinh tế,... Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nên nhiều khả năng sẽ bị ảnh hưởng bởi những biến động kể trên. Mặc dù vậy, với tình hình chính trị - xã hội ổn định và một số động lực tăng trưởng đến từ nội tại, nhiều tổ chức quốc tế đánh giá rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng tích cực trong năm 2026. Những biến động kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngân hàng của SHB. Tuy nhiên, Ngân hàng đã và đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro đồng thời nỗ lực tối đa để tập trung kinh doanh hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được, SHB kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và khu vực.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản cho vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 44: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Nợ phải thu**	**42.625**	**77.322**	**96.392**
1	Các khoản phải thu	30.073	64.526	77.913
2	Các khoản lãi, phí phải thu	11.256	11.325	16.675
3	Tài sản có khác	1.394	1.515	1.843
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-98	-44	-39
II	**Nợ phải trả**	**13.111**	**17.282**	**29.792**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	10.467	13.713	16.775

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.644	3.569	13.017

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

Bảng 45: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Nợ phải thu**	**44.372**	**79.753**	**99.269**
1	Các khoản phải thu	30.875	65.336	78.903
2	Các khoản lãi, phí phải thu	12.222	12.958	18.580
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0	10	2
3	Tài sản có khác	1.380	1.504	1.832
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-105	-55	-48
II	**Nợ phải trả**	**13.440**	**17.573**	**30.081**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	10.591	13.813	16.894
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	22	36	37
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.827	3.724	13.150

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 46: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm 31/08/2026

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	**Năm 2025**					
Trái phiếu ra công chúng						
1	SHBC7Y202401	2.350.619.000.000	28/02/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
2	SHBC7Y202402	2.649.381.000.000	28/07/2025	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHB12501	3.000.000.000.000	18/06/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
2	SHB12502	1.500.000.000.000	14/07/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
3	SHB12503	800.000.000.000	15/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
4	SHB12504	500.000.000.000	21/08/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
5	SHB12505	750.000.000.000	25/09/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
6	SHB12506	380.000.000.000	28/10/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
7	SHB12507	600.000.000.000	30/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
8	SHB12508	500.000.000.000	31/12/2025	Kết hợp	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
II	**Năm 2026**					
Trái phiếu ra công chúng						
1	SHB7Y202601	2.080.760.000.000	18/08/2026	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHBL12601	1.000.000.000.000	27/08/2026	Kết hợp	6	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
Tổng cộng		**16.111.760.000.000**				

Nguồn: SHB

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

SHB thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước.

Bảng 47: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Số dư tại 31/12/2025	Phát sinh trong năm		Số dư tại 30/06/2026
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	50	60	376	282	154
Thuế TNDN	1.507	2.238	1.783	2.538	1.483
Các loại thuế khác	41	38	322	341	19
Tổng	**1.598**	**2.336**	**2.481**	**3.161**	**1.656**

Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 48: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Số dư tại 31/12/2025	Phát sinh trong năm		Số dư tại 30/06/2026
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	51	61	380	287	154
Thuế TNDN	1.621	2.295	1.792	2.558	1.529
Các loại thuế khác	44	42	332	352	22
Tổng	**1.716**	**2.398**	**2.504**	**3.197**	**1.705**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét của SHB

2.1.4. Trích lập các quỹ

SHB thực hiện trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

Tình hình trích lập các quỹ từ LNST của Ngân hàng như sau:

Bảng 49: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2024	Năm 2025
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	913	1.185
2	Quỹ dự phòng tài chính	913	1.185
3	Quỹ hỗ trợ kinh doanh	-	118
4	Quỹ khen thưởng	-	118
Tổng cộng		**1.826**	**2.606**

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và 2026 của SHB

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 bị ảnh hưởng bởi một số biến số khó đoán định như: Căng thẳng địa chính trị leo thang tại Nga - Ukraine, khu vực Trung Đông, một số nước Châu Á và Mỹ Latinh,...làm gián đoạn hoạt động thương mại; Xu hướng bảo hộ thương mại đang gia tăng và có thể leo thang thành các cuộc chiến tranh thương mại; Mối lo ngại về tính bền vững tài khóa, đặc biệt là mức nợ công cao tại một số nền kinh tế lớn; Biến đổi khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của nền kinh tế,... Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nên nhiều khả năng sẽ bị ảnh hưởng bởi những biến động kể trên. Mặc dù vậy, với tình hình chính

trị - xã hội ổn định và một số động lực tăng trưởng đến từ nội tại, nhiều tổ chức quốc tế đánh giá rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng tích cực trong năm 2026. Những biến động kể trên có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của SHB. Tuy nhiên, Ngân hàng đã và đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro để giữ vững sự ổn định tình hình tài chính đồng thời gia tăng tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

2.2.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 50: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ đồng*	36.629	45.942	45.942
Vốn tự có	*tỷ đồng*	71.409	88.424	94.203
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	11,5%	12,3%	11,5%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,0%	2,3%	2,2%
Tỷ lệ nợ xấu (theo Thông tư 31)	%	2,2%	1,8%	1,6%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	71,6%	69,2%	68,6%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	93,5%	91,1%	89,8%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	21,3%	20,7%	21,2%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	23,6%	24,2%	23,3%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	76,6%	78,5%	80,6%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,2%	23,8%	25,2%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,7%	1,8%	1,9%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,2%	2,6%	5,7%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,3%	1,5%	1,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,9%	19,0%	20,1%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*VND/cp*	-	-	-
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	10,4%	11,4%	22,7%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	20,8%	21,5%	42,9%

Nguồn: SHB

Bảng 51: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ đồng*	36.629	45.942	45.942
Vốn tự có	*tỷ đồng*	75.039	92.384	98.296
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	11,8%	12,6%	11,8%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,3%	2,5%	2,4%
Tỷ lệ nợ xấu (theo Thông tư 31)	%	2,4%	2,0%	1,8%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	72,9%	70,2%	69,6%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	93,8%	99,4%	90,0%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	22,0%	22,5%	22,8%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	23,6%	24,2%	23,3%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	76,6%	78,5%	80,6%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,4%	23,8%	25,5%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,7%	1,8%	2,0%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,3%	2,7%	2,9%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,4%	1,5%	1,6%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,2%	19,0%	20,4%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*VND/cp*	2.029	2.604	1.551
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	10,0%	11,0%	22,3%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	20,4%	21,3%	41,8%

Nguồn: SHB

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện: (i) kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 và năm 2025; và (ii) soát xét BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2026 của SHB. Ý kiến của tổ chức kiểm toán tại các BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét giữa niên độ năm 2026 đều là ý kiến chấp nhận toàn phần. Cụ thể như sau:

- **BCTC năm 2024 đã được kiểm toán**
  - ***BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1007/VN1A-HN-BC ngày 31/03/2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

  - ***BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1009/VN1A-HN-BC ngày 31/03/2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

- **BCTC năm 2025 đã được kiểm toán**
  - ***BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1066/VN1A-HN-BC ngày 31/03/2026: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

  - ***BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 1067/VN1A-HN-BC ngày 31/03/2026: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025,*

cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

- **BCTC giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét**

  - ***BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0266/VN1A-HN-BC ngày 26/08/2026: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ".*

  - ***BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét***

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0267/VN1A-HN-BC ngày 26/08/2026: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ".*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

a) Chỉ tiêu

Năm 2026, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, ổn định vĩ mô và khai thác hiệu quả các động lực mới. Trong bối cảnh đó, Chính phủ và NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa theo hướng chủ động, linh hoạt, phối hợp đồng bộ, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng gắn với kiểm soát lạm phát, đảm bảo an toán hệ thống tài chính – ngân hàng.

Bám sát định hướng chỉ đạo của Chính phủ, NHNN và mục tiêu chiến lược phát triển của Ngân hàng, SHB xác định năm 2026 là năm tăng tốc, bứt phá và nâng cao chất lượng tăng trưởng. SHB tiếp tục tập trung tối ưu hóa nguồn lực và khai thác triệt để các lợi thế cạnh tranh cốt lõi, đẩy mạnh chuyển đổi số toán diện, lấy công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực để tạo ra những giá trị vượt trội cho cổ đông, cho khách hàng, khẳng định vị thế của một ngân hàng hiện đại, tâm huyết và vươn tầm quốc tế.

Căn cứ vào các yếu tố trên và theo các dự báo về kịch bản tăng trưởng tín dụng năm 2026, SHB xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026 như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 52: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026			
		Kịch bản 1 (*)		Kịch bản 2 (**)	
		Kế hoạch dự kiến (*)	% tăng/giảm so với năm 2025	Kế hoạch dự kiến (*)	% tăng/giảm so với năm 2025
Thu nhập lãi thuần (tỷ đồng)	20.215	23.809	17,78%	25.572	26,50%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	11.960	14.132	18,16%	15.332	28,19%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	59,17%	59,35%	0,18%	59,96%	0,79%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	18,95%	18,27%	-0,68%	19,62%	0,67%
Tỷ lệ chia cổ tức	16,00%	18,00%	2,00%	18,00%	2,00%

(*) Kịch bản 1: Trường hợp tăng trưởng tín dụng của SHB năm 2026 tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 10,2%.

(**) Kịch bản 2: Trường hợp tăng trưởng tín dụng của SHB năm 2026 tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 16,0%.

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 số 02/2026/BC-BĐH-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2026; SHB.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập lãi thuần của SHB đạt 12.258 tỷ VND (giảm 16,63% so với cùng kỳ năm 2025), hoàn thành 51,48% kế hoạch thu nhập lãi thuần năm 2026 theo Kịch bản 1 và 47,94% kế hoạch thu nhập lãi thuần năm 2026 theo Kịch bản 2. Lợi nhuận sau thuế của SHB đạt 7.329 tỷ VND (tăng 2,60% so với cùng kỳ năm 2025), hoàn thành 51,86% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 theo Kịch bản 1 và 47,80% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 theo Kịch bản 2.

b) Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2026, SHB xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
- Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;

- Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của SHB, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;
- Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu < 2%;
- Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động;

Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.

c) Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận của Ngân hàng.

SHB có mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch phủ sóng khắp cả nước và một số nước trong khu vực (Lào và Campuchia). Song song với đó, Ngân hàng đã bắt kịp xu thế số hóa công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng để nhanh chóng tận dụng lợi thế sẵn có. Chúng tôi cũng đánh giá cao đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết đối với sự phát triển của SHB.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của SHB, SHS cho rằng kế hoạch doanh thu (thu nhập lãi thuần), lợi nhuận của Ngân hàng dự kiến cho năm 2026 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà Đầu Tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của SHB.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Trái Phiếu

Trái phiếu SHB phát hành ra công chúng năm 2026 (SHB7Y202601) ("Trái Phiếu").

Mã Trái Phiếu: SHBC12601.

2. Loại Trái Phiếu

2.1. Loại Trái Phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

2.2. Các tính chất khác của Trái Phiếu

a) Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị phá sản, giải thể, thanh lý. Trái Phiếu tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

b) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.

c) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn Trái Phiếu với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN để giám sát.

d) Trong thời hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

3. Mệnh giá

Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

4. Tổng số Trái Phiếu đăng ký niêm yết

20.807.600 Trái Phiếu (Hai mươi triệu tám trăm linh bảy nghìn sáu trăm Trái Phiếu).

5. Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá

2.080.760.000.000 VND (Hai nghìn không trăm tám mươi tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

6. Kỳ hạn Trái Phiếu

07 (bảy) năm.

7. Ngày phát hành Trái Phiếu

Ngày 18/08/2026.

8. Ngày đáo hạn Trái Phiếu

Ngày 18/08/2033.

9. Mục đích phát hành Trái Phiếu

SHB dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của SHB.

Dự kiến phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt 1

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ ngành nghề, lĩnh vực sử dụng vốn	Quý II/2026 - Quý III/2026
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	900
2	Xây dựng	300
3	Vận tải kho bãi	500
4	Kinh doanh bất động sản	1.000
5	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	300
TỔNG		**3.000**

Nguồn: SHB

Thực tế sử dụng vốn thu được từ Đợt 1

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ ngành nghề, lĩnh vực sử dụng vốn	Thực tế đã sử dụng (tính đến ngày 03/09/2026)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	10,01
2	Xây dựng	300,00
3	Vận tải kho bãi	24,40
4	Kinh doanh bất động sản	146,40
5	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	300,00
TỔNG		**780,81**

Nguồn: SHB

10. Lãi Trái Phiếu

10.1. Lãi Suất Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu là lãi suất thả nổi, được xác định theo nguyên tắc như sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,3%/năm (ba phẩy ba phần trăm một năm).

Vì mục đích của Điều Kiện 10.1 này:

a) "**Lãi Suất Tham Chiếu**" đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

b) "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" và gọi chung là "**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**").

c) "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày SHB ban hành Thông báo chào bán Trái Phiếu ra công chúng (ngày 23/06/2026). Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

d) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo nguyên tắc sau:

(i) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà trang thông tin điện tử của Các Ngân Hàng Tham Chiếu thể hiện lãi suất tại nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi Các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính.

(ii) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà trang thông tin điện tử của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tham chiếu do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất đó.

(iii) Trường hợp nếu tất cả Các Ngân Hàng Tham Chiếu không có hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng của mình vào Ngày Xác Định Lãi Suất thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) áp dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội công bố trên trang thông tin điện tử tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan.

(iv) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất bằng văn bản cho VSDC trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng cách đăng tải lên website của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc VSDC (tùy từng thời điểm áp dụng) vào trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp Kỳ Tính Lãi đầu tiên là tại ngày SHB ban hành Thông báo chào bán Trái Phiếu ra công chúng (ngày 23/06/2026). Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác

định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ("**Lãi Suất Trái Phiếu**") sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.

e) Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất Trái Phiếu xác định theo quy định tại Điều Kiện 10.1 không phải là một số nguyên thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 04 (bốn) sau dấu phẩy. Tổng số tiền Lãi của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quy định tại Điều Kiện 10.2 dưới đây được làm tròn lên đến hàng đơn vị.

f) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (i) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Kiện 10.1 nêu trên thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điều Kiện 10.1 đó; (ii) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu và Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Kiện 10.1 nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định Lãi Suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (iii) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu nhưng Lãi Suất Trái Phiếu được quy định tại Điều Kiện 10.1 nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điều Kiện 10.1 nêu trên.

10.2. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đồng ý thanh toán lãi phát sinh ("**Lãi**") trên Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ kể từ Ngày Phát Hành cho đến, và không bao gồm, ngày đến sớm hơn của (i) Ngày Đáo Hạn; (ii) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại; và (iii) Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có), với mức Lãi Suất Trái Phiếu có liên quan đối với số ngày thực tế đã trôi qua của mỗi Kỳ Tính Lãi trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Công thức tính Lãi cụ thể như sau:

$$\text{Tổng số Lãi được hưởng} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Tính Lãi đó} \times \frac{\text{Số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi đó}}{365}$$

10.3. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán khoản Lãi vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Khoản Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:

a) liên quan đến Kỳ Tính Lãi đầu tiên, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên của Trái Phiếu tương ứng; và

b) liên quan đến bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó.

10.4. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có), khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc Trái Phiếu không được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán đầy đủ hoặc đúng hạn

(ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều Kiện 10.7), khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc bị chậm thanh toán đó sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Tính Lãi bị chậm thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày, kể từ ngày phát sinh việc chậm trả cho đến và không bao gồm ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan.

10.5. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có) mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán Lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc VSDC thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giữ hộ và không được hưởng lãi.

10.6. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có) không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau đó ("**Ngày Thanh Toán Thực Tế**"), và được thực hiện như sau:

a) Nếu Ngày Thanh Toán Lãi (mà không phải là ngày đến hạn thanh toán gốc) không phải là Ngày Làm Việc thì Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do Ngày Thanh Toán Lãi không phải là một Ngày Làm Việc.

b) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi trái phiếu do mình sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi tính trên số tiền gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Tính Lãi bị chậm thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày, cho giai đoạn tính từ và bao gồm ngày đến hạn thanh toán Khoản Gốc đó cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Thực Tế.

10.7. Ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu

Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán Lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản Lãi đến hạn đó của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc chậm trả Lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tạm ngừng thanh toán tiền Lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền Lãi đó.

Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi

lăm) ngày.

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tạm Ngừng thanh toán đó (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán tiền lãi).

11. Kỳ hạn trả Lãi, kỳ hạn trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc cho Trái Phiếu

11.1. Kỳ hạn trả Lãi: áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau, định kỳ vào ngày tròn 06 (sáu) tháng liên tục kể từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có).

11.2. Kỳ hạn trả Gốc: Gốc được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có).

11.3. Việc thanh toán Lãi, Gốc và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC và các quy định tại Điều Kiện 11.3 a) và 11.3 b) dưới đây (trong phạm vi các quy định này không trái hoặc xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC) (nếu có):

a) Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết xác định Lãi Suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi tương ứng phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này;

b) Vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có) hoặc Ngày Thanh Toán Thực Tế, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện thanh toán Lãi, Gốc và các khoản tiền khác liên quan đếnTrái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu.

11.4. Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong danh sách tổng hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSDC lập tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần thanh toán mới được nhận tiền thanh toán trong lần thanh toán đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho lần thanh toán có liên quan đó.

11.5. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh (bao gồm cả phí chuyển tiền của ngân hàng (nếu có)), ngoại trừ các chi phí thuế có liên quan theo quy định của pháp luật, liên quan đến việc thanh toán tiền Lãi, Gốc và/hoặc các khoản phải thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

11.6. Mọi khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu tương ứng của họ trên tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại Thời Điểm Khóa Sổ và theo thứ tự sau (trừ khi pháp luật liên quan có quy định khác):

a) Thứ nhất, thanh toán tiền Gốc Trái Phiếu;
b) Thứ hai, thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu;
c) Thứ ba, thanh toán tiền lãi phát sinh trên khoản Gốc Trái Phiếu bị quá hạn; và
d) Thứ tư, thanh toán tiền lãi phát sinh trên khoản Lãi Trái Phiếu bị quá hạn.

12. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Trái Phiếu có thứ tự thanh toán sau các nghĩa vụ và khoản nợ của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trái Phiếu tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

13. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

14. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

14.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó. Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:

a) Được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán đầy đủ tiền Gốc và tiền Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu;

b) Được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán đúng hạn tiền Gốc và tiền Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, ngoại trừ trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện quyền ngừng thanh toán tiền Lãi theo quy định tại Điều Kiện 10.7 Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để làm rõ, trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện quyền ngừng thanh toán tiền Lãi theo quy định tại Điều Kiện 10.7 Các Điều Kiện Trái Phiếu thì quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán vẫn được bảo lưu và được chi trả theo quy định tại Điều Kiện 10.7 Các Điều Kiện Trái Phiếu;

c) Được tự do chuyển quyền sở hữu (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký và/hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu nếu có yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết làm thủ tục lưu ký tập trung;

e) Có quyền yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định của các thành viên lưu ký tại nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản chứng khoán;

f) Có quyền yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giữ bí mật thông tin của Người Sở Hữu

Trái Phiếu trừ khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;

g) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:
Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây, gọi chung là một "**Sự Kiện Vi Phạm**":

(i) Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán tiền Gốc và/hoặc tiền Lãi của Các Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Khác (nếu có) (trừ trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được phép thực hiện quyền ngừng thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu theo quy định tại Điều Kiện 10.7). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.

(ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

h) Được tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (như được quy định dưới đây) và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu;

i) Các quyền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

14.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này;

b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;

c) Không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

d) Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm

theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;

e) Thông báo cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết khi có sự thay đổi hoặc chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;

f) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;

g) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;

h) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;

i) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

14.3. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có sự thống nhất giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết xác nhận đồng ý hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

15. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

15.1. Tên Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 3818 1888

Fax: (84 24) 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

15.2. Chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị Định 155 và Khoản 13 Điều 1 Nghị Định 245. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đồng ý làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo chỉ định của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, công nhận và đồng ý không hủy ngang (i) việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và (ii) các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Trong thời gian Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định đối với Trái Phiếu. Quyền hạn và trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có hiệu lực kể từ khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoàn thành việc phát hành Trái Phiếu cho đến khi Trái Phiếu đáo hạn và/hoặc không còn bất kỳ Trái Phiếu nào được lưu hành.

Việc lựa chọn một pháp nhân kế vị để thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ("Đại Diện Thay Thế") được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

15.3. Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Giám sát việc tuân thủ và thực hiện các cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu;

b) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc với các tổ chức có liên quan khác;

c) Thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

d) Thực hiện trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu (nếu có);

e) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục I của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của người có thẩm quyền triệu tập theo Các Điều Kiện Trái Phiếu;

f) Nhận và gửi cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được các thông báo, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

g) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật hiện hành;

h) Hỗ trợ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu;

i) Các công việc và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu.

15.4. Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 10% (mười phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành tại thời điểm đó theo trình tự quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới hình thức các phương tiện truyền thông điện tử như hội nghị qua điện thoại (teleconference) hoặc hội nghị trực tuyến (video conference).

b) Số đại biểu cần thiết để tiến hành tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là có sự tham dự của số Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc đại diện được ủy quyền hợp pháp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đó) đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành tại thời điểm đó.

c) Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

d) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điểm a), b) và c) Điều Kiện 15.1 nêu trên, Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội Nghị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội Nghị không đúng quy định.

e) Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Điều Kiện 15.1 a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (2) phải được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành chấp thuận.

f) Để tránh hiểu nhầm, Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu khi đã được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều Kiện 15.1 này sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp hội nghị hoặc gửi ý kiến bằng văn bản hay không). Tuy nhiên, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điều Kiện 15.1 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (trừ các Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết).

g) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điểm a), b), c), d), e) và f) Điều Kiện 15.1 nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu này bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn

bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua.

h) Vì mục đích của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, trong trường hợp bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (nếu có) mua hoặc bằng cách khác nhận quyền sở hữu hợp pháp hoặc được hưởng lợi đối với bất kỳ Trái Phiếu nào, thì Công Ty Con đó sẽ không được quyền biểu quyết liên quan đến các Trái Phiếu đó tại bất kỳ Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nào.

16. Hoàn trả, Mua lại trước hạn và Hủy bỏ Trái Phiếu

16.1. Hoàn trả vào Ngày Đáo Hạn

Trừ khi được mua lại và hủy bỏ trước hạn theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán toàn bộ (i) Khoản Gốc của Các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó; (ii) bất kỳ khoản Lãi và tất cả các khoản tiền khác phải trả đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn.

16.2. Mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điều Kiện 16.2 c) dưới đây, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại *(là bất kể ngày nào kể từ ngày Trái Phiếu tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành)*. Giá mua lại mỗi Trái Phiếu sẽ bằng mệnh giá Trái Phiếu.

b) Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại Trái Phiếu trước hạn theo Điều Kiện 16.2 a) bên trên, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu mà mình đang nắm giữ tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

c) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điều Kiện 16.2 này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo việc mua lại (“**Thông Báo Mua Lại**”) trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ít nhất 15 (mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và của VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà không do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc VSDC hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

16.3. Mua lại theo thỏa thuận

Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào vào bất kỳ lúc nào, bằng bất kỳ phương thức nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Việc chào mua các Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với Khoản Gốc Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

16.4. Mua lại khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm tại Điều Kiện 14.1 g) (ii) của Các Điều Kiện Trái Phiếu diễn ra thì bất cứ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

16.5. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoàn trả và/hoặc mua lại theo Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại (trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc các quy định khác có hướng dẫn khác). Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền Gốc, Lãi đến hạn và các khoản phải trả liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

17. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^{n} \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);

2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;

3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;

4. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);

5. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).

6. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá Trái Phiếu.

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- *Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu*
- *Ngày phát hành: 18/08/2026*
- *Ngày đáo hạn: 18/08/2033*
- *Lãi suất trái phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu và 3,3%/năm*

  Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- *Kỳ trả lãi: 06 tháng/lần*
- *Ngày định giá (ngày niêm yết giả định): 28/10/2026*
- *Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 14 kỳ*

- *Lãi suất coupon: Lãi suất coupon cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất theo thực tế là 9,2% và giả sử lãi suất coupon áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là 9,2%.*
- *Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k) = Lãi Suất Tham Chiếu và 2,3%/năm. Lãi Suất Tham Chiếu giả định tại ngày niêm yết là 5,9%/năm.*
- *Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365*

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả định ngày niêm yết là 28/10/2026, giá của trái phiếu là:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	18/02/2027	18/08/2027	18/02/2028	18/08/2028	18/02/2029	18/08/2029	18/02/2030	18/08/2030	18/02/2031	18/08/2031	18/02/2032	18/08/2032	18/02/2033	18/08/2033
Lãi suất coupon	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%
Dòng tiền lãi *CF(i) = CPN x số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365*	4.638	4.562	4.638	4.587	4.638	4.562	4.638	4.562	4.638	4.562	4.638	4.587	4.638	4.562
Gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày nắm giữ	113	294	478	660	844	1.025	1.209	1.390	1.574	1.755	1.939	2.121	2.305	2.486
Lãi suất chiết khấu	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%	8,2%

$$\mathbf{PV} = \frac{4.638}{(1+9,2\%)^{113/365}} + \frac{4.562}{(1+9,2\%)^{294/365}} + \frac{4.638}{(1+9,2\%)^{478/365}} + \frac{4.587}{(1+9,2\%)^{660/365}} + \frac{4.638}{(1+9,2\%)^{844/365}} + \frac{4.562}{(1+9,2\%)^{1.025/365}} + \frac{4.638}{(1+9,2\%)^{1.209/365}}$$

$$\frac{4.562}{(1+9,2\%)^{1.390/365}} + \frac{4.638}{(1+9,2\%)^{1.574/365}} + \frac{4.562}{(1+9,2\%)^{1.755/365}} + \frac{4.638}{(1+9,2\%)^{1.939/365}} + \frac{4.587}{(1+9,2\%)^{2.121/365}} + \frac{4.638}{(1+9,2\%)^{2.305/365}} + \frac{104.562}{(1+9,2\%)^{2.486/365}}$$

Tương ứng:

PV = 4.526 + 4.282 + 4.183 + 3.978 + 3.865 + 3.656 + 3.572 + 3.379 + 3.302 + 3.123 + 3.051 + 2.902 + 2.819 + 61.130 = **107.769 VND**

17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi nhuận kỳ hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi nhuận (Tỷ suất lợi nhuận) mà Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu khi mua và giữ Trái Phiếu đến hạn. Nói cách khác, YTM bằng với mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu với giá trị ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, Nhà Đầu Tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^{n} \frac{CFi}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- *Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu*
- *Ngày phát hành: 18/08/2026*
- *Ngày đáo hạn: 18/08/2032*
- *Lãi suất coupon: Lãi suất coupon cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất theo thực tế là 9,2% và giả sử lãi suất coupon áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là 9,2%.*
- *Kỳ trả lãi: 06 tháng/lần*
- *Ngày giao dịch giả định: 28/10/2026*
- *Giá giao dịch giả định: 105.000 đồng/trái phiếu.*

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 105.000 đồng/trái phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	18/02/2027	18/08/2027	18/02/2028	18/08/2028	18/02/2029	18/08/2029	18/02/2030	18/08/2030	18/02/2031	18/08/2031	18/02/2032	18/08/2032	18/02/2033	18/08/2033
Lãi suất coupon	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%	9,2%
Dòng tiền lãi CFi	4.638	4.562	4.638	4.587	4.638	4.562	4.638	4.562	4.638	4.562	4.638	4.587	4.638	4.562
Dòng tiền gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày tính đến ngày trả lãi	113	294	478	660	844	1.025	1.209	1.390	1.574	1.755	1.939	2.121	2.305	2.486

$$105.000 = \frac{4.638}{(1+k)^{113/365}} + \frac{4.562}{(1+k)^{294/365}} + \frac{4.638}{(1+k)^{478/365}} + \frac{4.587}{(1+k)^{660/365}} + \frac{4.638}{(1+k)^{844/365}} + \frac{4.562}{(1+k)^{1.025/365}} + \frac{4.638}{(1+k)^{1.209/365}}$$

$$\frac{4.562}{(1+k)^{1.390/365}} + \frac{4.638}{(1+k)^{1.574/365}} + \frac{4.562}{(1+k)^{1.755/365}} + \frac{4.638}{(1+k)^{1.939/365}} + \frac{4.587}{(1+k)^{2.121/365}} + \frac{4.638}{(1+k)^{2.305/365}} + \frac{104.562}{(1+k)^{2.486/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: **k =8,75%. Do đó YTM = 8,75%.**

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết

Tỷ lệ lạm phát là chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Lạm phát là sự tăng mức giá chung một cách liên tục của hàng hóa và dịch vụ theo thời gian và sự mất giá trị của một loại tiền tệ nào đó. Khi mức giá chung tăng cao, một đơn vị tiền tệ sẽ mua được ít hàng hóa và dịch vụ hơn so với trước đây, do đó, lạm phát phản ánh sự suy giảm sức mua trên một đơn vị tiền tệ. Do đó, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp và ổn định sẽ tạo ra các điều kiện cho chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Chỉ số giá tiêu dùng CPI - Consumer Price Index là chỉ số tính theo phần trăm phản ánh mức thay đổi của giá hàng tiêu dùng theo thời gian và được sử dụng phổ biến để đo lường sự thay đổi của mức giá, tức là lạm phát.

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong giai đoạn 2021 – 2025 tương đối ổn định, trung bình đạt 3,04%.

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại với hệ số lãi suất dựa trên lợi suất yêu cầu (lãi suất chiết khấu) là lãi suất thị trường kỳ vọng. Do đó, giá trị Trái Phiếu chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm xuống khi lãi suất thị trường tăng và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường trung bình sẽ có xu hướng tăng tương ứng, làm cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm, làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn của Trái Phiếu không có diễn biến bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình trạng lạm phát và lãi suất do một số nguyên nhân sau:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 06 tháng/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, NHNN và Chính Phủ luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

20. Cam kết về bảo đảm

Trái Phiếu không có bảo đảm nên không có cam kết về bảo đảm

21. Thông tin về các cam kết

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết:

a) Phát hành Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư phù hợp với các quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Văn Kiện Trái Phiếu;

b) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;

c) Tính toán tiền Lãi và/hoặc Gốc và các khoản nghĩa vụ phát sinh phải trả khác (nếu có) cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu;

d) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền Gốc, Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;

e) Tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thanh toán, chuyển nhượng, sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc chiết khấu Trái Phiếu;

f) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ tạo điều kiện để cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký Trái Phiếu (nếu có yêu cầu) để thực hiện việc lưu ký và chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan và của VSDC;

g) Giữ bí mật thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao dịch phát hành Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;

i) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;

j) Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật;

k) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;

l) Các nghĩa vụ và cam kết khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

22. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với loại Trái Phiếu do SHB đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu và nắm giữ đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó, có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư trong nước cho Nhà Đầu Tư nước ngoài.

23. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu lý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

23.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ và sẽ được khấu trừ thuế theo quy định với mức thuế như sau:

- Mức thuế suất thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với thu nhập nhận được từ tiền lãi Trái Phiếu là 5% trên lãi Trái Phiếu nhận được.
- Mức thuế suất thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên giá chuyển nhượng theo từng lần chuyển nhượng.

23.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê

khai doanh thu chi phí theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và các văn bản hướng dẫn, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính Phủ và Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Tài chính với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5% trên lãi Trái Phiếu nhận được.
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

23.3. Thuế giá trị gia tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với lãi Trái Phiếu và/hoặc thu nhập việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo pháp luật Việt Nam sau thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

23.4. Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu nếu không mâu thuẫn.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 7105 0000 Fax: (84 24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 3818 1888 Fax: (84 24) 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết;
2. **Phụ lục II:**
   - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 02/07/2024.
   - Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2026 và Quyết định số 75/QĐ-QLGS4 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét;

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hà Nội, ngày 01... tháng 10... năm 2026

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Quang Hiển

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N.: 1800278630 - C.T.C.P. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngô Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngô Thị Vân

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 66 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
P. CỬA NAM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Duy Linh